

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / SORTIE UNE FOIS TOUS LES DEUX MOIS

SỐ N. 02 04/ 2001

"Thân tùng vô tướng trung thụ sinh
Do như huyễn xuất chư hình tượng
Huyễn nhân tâm thức bản lai vô
Tội phước giai không vô sở trụ".

*"Thân tử trong vô tướng sinh ra
Giống như huyễn sinh các hình tượng
Tâm thức người huyễn vốn là không
Tội phước đều không chẳng chỗ nương".*

Đức Phật Tỳ Bà Thi

"Le Corps est né du non marque,
Juste comme les myriades phénomènes sont créées par l'illusion,
L'esprit et la conscience d'une personne illusoire sont à l'origine non
existants ;
Les offenses et les bénédictions sont toutes les deux vides qui ne
demeurent à nulle part".

Le Bouddha Vipashyin

Các Bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.
Cette Propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la bonne voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

MỤC LỤC / SOMMAIRE

<p><input type="checkbox"/> <i>Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma</i> <i>phát hành mỗi kỳ hai tháng/ Sortie une fois tous les deux mois.</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>Chủ Nhiệm / Directeur de publication :</i> <i>Thich Minh Định.</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>Les correcteurs les Sutras en français :</i> <i>Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane,</i> <i>Nguyễn Chiếm Khoa.</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang.</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>La revue Bouddhadharma sont publiés les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la Voie du Bouddha.</i></p> <p><input type="checkbox"/> Kể từ Báo Phật Pháp số 02, Chùa sẽ bố thí miễn phí.</p> <p><input type="checkbox"/> <i>Mọi sự phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang hoặc chuyển thẳng vào trương mục của Chùa số : 10027634 (BNP)</i></p> <p><input type="checkbox"/> <i>Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :</i> <i>Chùa Kim Quang</i> <i>8 B rue Fontaine</i> <i>93000 Bobigny - France</i> <i>Tel/fax : 01.48.50.98.66</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 1</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 4</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 6</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 9</p> <p><input type="checkbox"/> Phật Tổ Truyền Đăng Lục 10</p> <p><input type="checkbox"/> Pháp Giới Của Bồ Tát 11</p> <p><input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 13</p> <p><input type="checkbox"/> Những Lời Pháp Của H.T 15</p> <p><input type="checkbox"/> Khai Thị Phật Thất . . . 16</p> <p><input type="checkbox"/> Tầm Thanh Cứu Khổ . . . 17</p> <p><input type="checkbox"/> Tứ Thế Ngồi Thiền 19</p> <p><input type="checkbox"/> Diệu Dụng Của Sự Nhẫn Nhục 20</p> <p><input type="checkbox"/> Như Ý Ma Nữ 22</p> <p><input type="checkbox"/> Truy Niệm Trưởng Lão Độ Luân 23</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 25</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 27</p> <p><input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 29</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna Paramita 32</p> <p><input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 35</p> <p><input type="checkbox"/> Les Bonnes Leçons Morales . . . 38</p> <p><input type="checkbox"/> Le Verset Sur La Transmission . . . 39</p> <p><input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 40</p> <p><input type="checkbox"/> Le Monde Du Dharma . . . 42</p> <p><input type="checkbox"/> Diffusez Le Bombe Atomique. . . 44</p> <p><input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie . . . 46</p>
---	---

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

P HẨM THẾ CHỦ DIỆU NGHIÊM THỨ NHẤT

"Phẩm" : Tức là phẩm loại. Phẩm này nói về chủ thế gian và chủ xuất thế gian, đủ loại cảnh giới trang nghiêm vi diệu, trang nghiêm quốc độ, trang nghiêm cõi Phật không thể nghĩ bàn.

"Thế" : Tức là thế giới.

"Chủ" : Tức là chủ nhân. Chủ nhân của thế giới là Đức Phật. Ngài không những là chủ thế gian, mà còn là chủ xuất thế gian. Chủ thế gian tức là tất cả Chuyển Luân Thánh Vương, tức cũng là Kim Chuyển Luân Vương, Ngân Chuyển Luân Vương, Đồng Chuyển Luân Vương, và Thiết Chuyển Luân Vương. Bốn vị Luân Vương này chỉ làm được chủ thế gian mà không làm được chủ xuất thế gian.

"Diệu" : Thì không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời nói để bàn luận, nghĩa là nghĩ không đến, nói không ra.

"Nghiêm" : Tức là trang nghiêm. Sự trang nghiêm này chẳng phải một số người có thể biết được, thấy được.

"Thứ nhất" : Nghĩa là bắt đầu, phẩm này thuộc về phẩm thứ nhất, cho nên gọi là Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm Thứ Nhất.

TÔI NGHE NHƯ VẬY

Bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy" rất là quan trọng. Phạm là bắt đầu Kinh của Phật nói đều có bốn chữ này. Dùng bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy" để mở đầu Kinh. Có sáu ý nghĩa :

1. Khác với ngoại đạo : Tức là chẳng giống như ngoại đạo. Vì Kinh của ngoại đạo mở đầu thì dùng hai chữ "A Ấu". A là không, Ấu là có. Pháp nói ra chẳng phải có thì là không, cho nên dùng A Ấu hai chữ để mở đầu Kinh. Phật pháp thì chẳng phải như thế. Phật pháp là chẳng có chẳng

không, chẳng không chẳng có, không rơi vào có, không rơi vào không. Ngoại đạo cho rằng có tức là có, không có thì là không, đó là "hai bên". Phật pháp thì không rơi về hai bên, cho nên dùng bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy", để đại biểu mở đầu Kinh.

Hai chữ "Như Vậy" là chỉ lời văn của Pháp. "Tôi Nghe": Nghĩa là lãnh nạp. Thế nào là chỉ lời văn của pháp ? "Như Vậy": Tức là pháp này, không "Như Vậy" thì chẳng phải pháp này. pháp này là pháp gì ? Tức là pháp trung đạo liễu nghĩa. Thế nào gọi là lãnh nạp ? "Tôi Nghe", tức là Tôn Giả A Nan nghe pháp, nghe được pháp này, nghĩa là lãnh thọ tiếp nạp.

2. Dứt tranh luận : Tranh tức là tâm háo thắng, là trái với đạo, sinh ra bốn tướng, tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, và tướng thọ mạng, làm sao đắc được tam muội ! Tranh những gì ? Tranh đệ nhất, tức là bây giờ chúng sinh đều muốn tranh đệ nhất, cho nên có tranh luận. Bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy" là biểu thị bộ Kinh này chẳng phải Tôn Giả A-Nan tự nói, mà là nghe được từ nơi Đức Phật. Vì đây là Đức Phật nói, cho nên đại chúng không có gì để nói, như vậy mà chẳng còn tranh luận nữa.

3. Không tăng giảm : Từ "Tôi Nghe Như Vậy" về sau, nhất thời, Phật tại xứ nào ? với đại chúng bao nhiêu ? nói Kinh gì ? Tất cả đệ tử không dám sửa đổi, không thể nhuận sắc, tức là Kinh văn không thể tăng một chữ, cũng không thể giảm một chữ.

4. Dứt sự nghi ngờ của đại chúng : Vì Tôn Giả A-Nan ở trong đại chúng, Ngài là người trẻ tuổi nhất, đương nhiên đạo đức không đủ để cảm hoá người, nhưng Phật đem Tạng Pháp truyền trao cho Ngài, dạy Ngài kết tập Kinh điển. Khi Tôn Giả A-Nan lên pháp toà thì đại chúng sinh ra ba điều nghi hoặc. A : Nghi hoặc Đức Phật Thích Ca không vào Niết Bàn ? Còn trở lại thuyết pháp

cho chúng ta. Vì Ngài A-Nan cũng có 32 tướng trang nghiêm giống như Đức Phật, chỉ thân thấp hơn thân của Phật một chút mà thôi. B : Nghi hoặc mười phương chư Phật đến thuyết pháp ? C : Nghi hoặc Tôn Giả A-Nan đột nhiên chứng được quả vị Phật ? Vì tướng hảo của Tôn Giả rất trang nghiêm. Khi Tôn Giả A Nan mở miệng nói : "Tôi Nghe Như Vậy", thì đầu não của các vị đại A La Hán tỉnh lại, không mê hoặc nữa.

5. Sinh tín tâm : Khiến cho tất cả chúng sinh sinh tín tâm, vì pháp "Như Vậy" là đáng tin, pháp "không như vậy" thì không đáng tin. Cho nên nói "Như Vậy" là chỉ lời văn của pháp.

6. Thuận đồng : Đều thuận đồng với chư Phật ba đời, vì ba đời chư Phật mở đầu Kinh điển đều nói bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy", cho nên Kinh của Phật câu thứ nhất mở đầu là "Tôi Nghe Như Vậy".

Khi Đức Phật sắp vào Niết Bàn thì Ngài A Nan chưa chứng quả A La Hán, cũng chưa đoạn dục khử ái, cho nên đau đớn khóc lóc rơi lệ bi ai đến cực điểm, chẳng nhớ đến việc gì. Lúc đó Tôn Giả A Nậu Lâu Đà đến nói với Tôn Giả A Nan : "A Nan ! Đừng quá bi ai, Phật đem tất cả Tạng Pháp truyền cho Ngài, Ngài là người tương lai kết tập Kinh điển, trách nhiệm trọng đại, bây giờ nên đi hỏi Đức Phật, việc tương lai phải làm như thế nào ?" Tôn Giả A Nan nói : Phật vào Niết Bàn rồi, tương lai còn có việc gì nữa mà hỏi ? Chẳng có việc gì nữa." Tôn Giả A Nậu Lâu Đà nói : "Phật vào Niết Bàn rồi, việc quan trọng trong tương lai là hoàng dương Phật pháp, phải mau đến hỏi Đức Phật !" Tôn Giả A Nan hỏi lại : "Vậy tôi phải hỏi Đức Phật về vấn đề gì ?" Tôn Giả A Nậu Lâu Đà nói : "Có bốn vấn đề vô cùng quan trọng, không hỏi không được".

1. Khi Đức Phật còn ở đời thì chúng ta nương theo Phật, khi Phật vào Niết Bàn rồi thì chúng ta nương theo ai ? Tôn Giả A Nan cảm thấy vấn đề này rất có đạo lý, tương lai chúng ta đi ở đâu ? Điều này nên hỏi.

2. Khi Đức Phật còn ở đời thì chúng ta nương Phật làm thầy, khi Phật vào Niết Bàn rồi thì chúng ta nương theo ai làm thầy ? Tôn Giả A Nan nghĩ nếu không có Phật thì làm sao tu hành ? Vấn đề này không hỏi không được.

3. Khi Đức Phật còn ở đời thì những Tỷ Kheo ác tính, Phật có thể hàng phục, khi Đức Phật vào Niết Bàn rồi thì do ai điều phục ? Làm

sao điều phục ? Tôn Giả A Nan cảm thấy vấn đề này cũng nghiêm trọng, càng nên hỏi.

4. Khi kết tập Kinh điển thì mở đầu Kinh văn phải dùng chữ gì ? Tôn Giả A Nan nghĩ vấn đề này càng nên hỏi Đức Phật. Do đó Tôn Giả A Nan đến bên cạnh Đức Phật, hỏi bốn vấn đề này. Phật trả lời cho Ngài A Nan : "Khi ta vào Niết Bàn rồi thì y theo Bốn Niệm Xứ mà trụ", đó là câu trả lời thứ nhất. "Khi ta vào Niết Bàn rồi thì phải lấy giới làm thầy", đây là câu trả lời thứ hai. "Khi ta vào Niết Bàn rồi, nếu có Tỷ Kheo ác tính không giữ giới luật, thì đừng nói năng gì với họ", đó là câu trả lời thứ ba. "Khi kết tập Kinh điển thì mở đầu Kinh dùng "Tôi Nghe Như Vậy", đó là câu trả lời thứ tư.

Bốn Niệm Xứ là gì ? Tức là thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ. Y chiếu theo bốn niệm xứ này để tu hành thì có thể chứng quả, có thể giải thoát. Tại sao chúng ta chẳng chứng quả ? Tại sao không thể thoát khỏi luân hồi ? Vì không quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Chấp trước cái ta, đây là của ta. Nhà là của ta, đời đến khi hơi thở không còn nữa thì gì cũng chẳng phải của ta. Cho nên có câu :

"Cá nhảy trong nước,
Người nào ở nhân gian,
Chẳng biết gieo phước lành,
Tâm cứ tạo tội nghiệp,
Vàng bạc chất thành núi,
Nhắm mắt bỏ lại hết,
Tay không chầu Diêm Vương
Hối hận quá muộn màng".

Bây giờ giải thích đại ý về Bốn Niệm Xứ :

1. Quán thân bất tịnh : Thân thể của chúng ta vốn chẳng sạch sẽ, chín cái lỗ thường chảy ra những thứ bất tịnh dơ dáy, như mắt thì có ghèn, lỗ tai có cục váy, mũi thì có nước mũi, miệng thì có đàm, thêm vào đại và tiểu tiện. Đã biết thân thể bất tịnh, là túi da hôi thối thì không nên chấp trước nó. Nếu không chấp trước thì sẽ đắc được giải thoát, không bị thân thể làm phiền lụy. Lão Tử biết được ý này cho nên nói : "Sở dĩ ta có đại hoạn vì ta có thân, nếu ta không có thân này thì sao có hoạn ?" Lão Tử hiểu được lý quán bất tịnh.

2. Quán thọ là khổ : Tất cả những gì tiếp thọ đều là khổ. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ,

vô lượng thứ khổ. Ba thứ khổ là gì ? Tức là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

A. Khổ khổ : Tức là khổ trong sự khổ, khổ lại thêm khổ. Ví như có người vốn chẳng có nhà để ở, lại gặp ngày trời mưa. Hoặc là không có quần áo mà gặp phải thời tiết lạnh. Hoặc là vốn không có cơm ăn lại sinh bệnh. Sinh bệnh không có tiền đi khám bác sĩ, không có tiền mua thuốc uống, đó là khổ trong sự khổ của kẻ nghèo.

B. Hoại khổ : Người nghèo thì có khổ khổ, còn người giàu thì có hoại khổ. Hoại khổ là gì ? Người giàu thì ở lầu cao cửa rộng, trang hoàng đẹp đẽ, chẳng may bị cháy nhà, thiêu trụ nhà cửa, hoặc là người có vàng bạc châu báu bị người trộm cắp, hoặc là bị tai nạn như chiến tranh, nạn gió, nạn nước, đó đều là hoại khổ.

C. Hành khổ : Tức là con người từ khi sinh ra, lớn lên trưởng thành, rồi già nua và chết đi, luôn luôn biến đổi không ngừng, đó là hành khổ. Trong cuộc đời tuy nhiên không có khổ khổ, không có hoại khổ, nhưng có hành khổ. Những thứ khổ này, bất cứ ai cũng đều phải chịu, không có ai tránh khỏi được. Đức Phật lúc tám mươi tuổi còn phải thị hiện nhập Niết Bàn. Tám sự khổ là gì ? Tức là sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ám xí thạnh.

A. Sinh là khổ : Khi con người sinh ra thì giống như ở giữa hai hòn núi đè ép sinh ra, cho nên trẻ con mới sinh ra thì khóc lên, đó là biểu thị sự khổ, bắt đầu tiếp thọ sự khổ.

B. Già là khổ : Con người đến tuổi già thì tứ chi không linh hoạt, cử động rất bất tiện, mất loà, tai điếc, tóc bạc, răng rụng, luôn luôn không được tự tại, do đó có câu : "Tâm có thừa mà sức chẳng đủ".

C. Bệnh là khổ : Đất nước gió lửa không đều hoà thì sinh bệnh, bệnh có đủ sự thống khổ khó mà tả được.

D. Chết là khổ : Bệnh khổ qua rồi thì chết khổ lại đến. Đến lúc chết thì sự thống khổ giống như bò sống lột da, như rùa lột mai, thứ khổ này chẳng cách chi mà hình dung được.

E. Khổ về ái biệt ly : Sự khổ nhất của đời người là sinh ly tử biệt. Vì có ái, ái là vực thăm

tạo nghiệp, nếu đoạn dứt khổ ái thì nghiệp chướng sẽ nhẹ bớt. Nếu tình ái quá nặng thì nghiệp chướng sẽ nặng thêm. Do đó có câu :

"Nghiệp sạch tình không là Phật

Nghiệp nặng tình mê là phàm phu".

Phàm phu vì tình mà mê, nhìn không thấu được ái tình, buông chẳngặng ái tình, cho nên mới có khổ. Ái là một thứ chấp trước lớn nhất, thứ chấp trước này không dễ gì buông bỏ đặng. Khổ về ái biệt ly tức là vốn chẳng muốn từ bỏ, nhưng nhất định phải từ bỏ, là bị bắt buộc cưỡng bách mà từ bỏ, tình trạng này rất là thống khổ. Như vợ chồng thì có khổ biệt ly của vợ chồng, con cái thì có khổ biệt ly của con cái, bạn bè thì có khổ biệt ly của bạn bè. Tóm lại có ái thì khi biệt ly sẽ khổ.

F. Khổ về oán tắng hội : Thương cũng có sự khổ, ghét cũng có sự khổ. Người mà ta ghét không muốn gặp nhưng lại gặp, đó cũng là một thứ khổ.

G. Khổ về cầu bất đắc : Cầu danh không được danh, cầu lợi không được lợi, cầu con trai, con gái không được mãn nguyện, cầu giàu sang không được giàu sang. Tóm lại, những gì mong muốn mà không thành công cũng là một thứ khổ.

H. Khổ về ngũ ám xí thạnh : Ngũ ám tức là : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức năm ám này chẳng không thì khổ, cũng giống như bị núi ngũ ám đè, một chút tự do cũng không có, không có tự do tức là khổ. Thứ khổ này giống như lửa thiêu ở trong tâm.

Vô lượng khổ là gì ? Ở trên đã nói qua ba sự khổ và tám sự khổ, nếu phân tích tỉ mỉ thì trong mỗi thứ khổ lại có vô lượng khổ, trong vô lượng khổ lại có vô lượng khổ. Khổ vô cùng vô tận, cho nên gọi là vô lượng khổ.

(Còn tiếp)

Ai chưa có báo Phật Pháp, muốn nhận, xin liên lạc về Chùa Kim Quang, Chùa sẽ gửi báo đến tặng.

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

Trước hết chúng ta giảng về chữ diệu, chữ diệu này cứu kính phải giảng bao nhiêu ngày ? Hiện tại cũng không cách chi biết trước được, giảng được mấy ngày thì hay mấy ngày. Trước hết phải nói về diệu. Gì là diệu ? Diệu pháp tức là diệu, chúng sinh cũng là diệu, Phật cũng là diệu, trong trời đất hết thảy tất cả chẳng có gì mà không diệu, gì cũng đều là diệu. Cho nên chữ diệu này giảng ra thì vô cùng vô tận. Đây cũng là diệu, đó cũng là diệu, diệu cứu kính từ đâu đến ? Từ tâm mà đến.

Làm thế nào bạn biết là diệu pháp ? Vì bạn có tâm, cho nên tâm pháp diệu, kể đến chúng sinh pháp diệu, sau đến Phật pháp diệu.

Tâm pháp diệu như thế nào ? Tất cả sơn hà đại địa, sấm la vạn tượng, nhà cửa phòng xá, hết thảy vạn vật từ đâu đến ? Đều từ một tâm niệm hiện tiền của mỗi người sinh ra; từ trong tâm của chúng sinh sinh ra. Làm thế nào sinh ra ? Bạn sẽ nói " không biết !" Đó là diệu. Biết hay không biết đều là diệu. Tại sao bạn biết ? Và tại sao bạn không biết ? Đó chẳng phải là diệu sao ? Đây tức là tâm pháp diệu.

Tâm pháp diệu, tâm diệu như thế nào ? Tâm của con người đều là một không hai. Có người chỉ trước ngực nói : "Tâm của tôi ở đây". Chân tâm của bạn ở đâu ? Bạn đã nhận làm tâm của bạn rồi ! Là nhận giặc làm con ! Giống như Tôn Giả A Nan, trong Kinh Lăng Nghiêm. Tôn Giả A Nan nói : "Tâm ở trong." Tức là chỉ quả tim bằng thịt, quả tim này vô dụng. Sao lại nói nó là vô dụng ? Vì nó chỉ là cục thịt. Đó là do tụ tập nhiều phiền não mà sinh ra quả tim; lại gọi là tâm duyên lực, năng lực phan duyên tư lực giúp cho bạn khởi vọng tưởng. Thức thứ sáu cũng gọi là tâm tập khởi, là quả tim trợ giúp cho bạn khởi vọng tưởng và sinh tâm tạp niệm, tâm duyên lực, tâm tập khởi .v.v. Tâm này có rất nhiều tên gọi. Do đó tâm pháp mà tôi nói, bạn đừng cho rằng đó là quả tim bằng thịt. Vậy riêng ngoài tôi còn có tâm chẳng ? Bạn không biết phải

chẳng ? Hãy xem đó có phải là diệu chẳng ? Cho đến mình có tâm mà bạn còn chẳng biết, tức nhiên cho đến tâm cũng chẳng biết, cho đến sinh mạng mà bạn cũng chẳng biết rõ ! Khi sinh ra thì hồ đồ, chết đi cũng hồ đồ, từ đâu đến cũng chẳng biết, đó là diệu ! Khi chết cũng hồ đồ ra đi, chẳng biết đi về đâu, đó cũng là diệu; khi sinh ra và chết đi đều không biết, đó cũng là diệu ! Vậy khi còn sống chẳng phải là diệu chẳng ? Đây lại càng diệu ! Sao lại càng diệu hơn ? Ví như bạn khi còn bé nhỏ, trong sự bất tri bất giác thì lớn lên, sau lại trưởng thành người lớn; thành người lớn rồi cũng không biết sao lại biến thành người già. Bạn nói đó có diệu chẳng ? Không những biến thành người già mà bạn còn sinh con để cái nuôi dưỡng chúng. Nếu chẳng phải diệu, sao bất tri bất giác thì có nhiều sự biến hoá như thế ? Đó là diệu pháp. Bây giờ giảng diệu pháp này ra thì bạn cảm thấy có chút ý nghĩa, giống như việc ở trên vừa nói, nhưng khi chưa nói ra thì bạn vốn chẳng biết đó là diệu pháp.

Diệu pháp tức là trong sự bất tri bất giác của bạn sinh ra một thứ tác dụng. Những gì bạn thấy trước mắt đều là diệu. Tại sao ? Sao bạn nhìn thấy được ? Nếu không diệu thì bạn nhìn chẳng thấy. Vậy nhìn không thấy thì chẳng phải diệu chẳng ? Nhìn không thấy lại càng diệu. Nhìn thấy và nhìn không thấy đều là diệu, nghe được và nghe không được cũng là diệu.

Cho nên trước mắt nhìn thấy được, không những là nhìn thấy; làm sao nhìn thấy được ? Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói : "Ai nhìn thấy được ? Ai cùng với bạn nhìn thấy ?" Bạn nói đó có diệu chẳng ? Tại sao gần thì bạn nhìn thấy được ? còn xa thì bạn nhìn chẳng thấy ? Đó đều là diệu. Khi bạn nhìn thấy màu vàng thì có tác dụng màu vàng, bạn nhìn thấy màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen thì những thứ này ở trong tám thức của bạn sinh ra dạng của nó. Sao lại sinh khởi ra ?

Ai kêu bạn sinh ra thứ hình bóng đó ? Đó có diệu chăng ?

Nghe cũng như thế. Tại sao có âm thanh bạn thích nghe, có âm thanh bạn chẳng thích nghe ? Ai kêu bạn thích và không thích nghe ? Chẳng có ai ! Tại sao mình lại sinh ra tâm thích và ghét ? Thấy sắc đẹp thì sinh tâm ưa thích, thấy nhan sắc không đẹp thì sinh tâm ghét chán. Do ai kêu bạn ? Bạn nói "tôi không biết, chỉ là nghĩ như vậy". Nghĩ như vậy tức là diệu. Hết thấy tất cả đều là diệu; đó là tâm pháp diệu; do trong tâm sinh ra thiên biến vạn hoá. Nếu không diệu sao lại sinh ra đủ thứ biến hoá ?

Diệu quá nhiều, nếu muốn nói thì dù nói mấy trăm năm cũng nói chẳng xong sự diệu này. Nếu nói xong thì chẳng phải diệu. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, đều không ra ngoài chữ diệu này. Cho nên chữ diệu này bao quát Tam Tạng mười hai bộ Kinh, bao quát tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp không vượt ra chữ diệu này. Cho nên Ngài Trí Giả Đại Sư giảng đến chín mươi ngày, dù giảng chín mươi năm cũng giảng không xong chữ diệu này. Vậy nói đến Kinh Pháp Hoa chắc suốt đời này cũng không được nghe, cũng chẳng có cơ hội nghe hết được, chín mươi năm cũng nói chẳng xong một chữ diệu, vậy thử hỏi Kinh văn chẳng biết giảng bao lâu mới xong ? Đừng sợ, thời đại hiện nay tất cả sự việc đều nói cho nhanh. Giảng Kinh mau là diệu, giảng chậm cũng là diệu. Tức nhiên Đức Phật giảng Kinh cũng chẳng vượt ra sự diệu này, hiện tại tôi giảng Kinh sao lại kìa khỏi sự diệu này ? Lìa khỏi sự diệu này thì chẳng diệu, lìa không khỏi tức là diệu.

Pháp tuy nhiên là diệu, muốn biết diệu pháp thì trước hết phải buông xả sự diệu. Buông chẳngặng là diệu, nhưng buông xả chẳngặng thì mới là thật diệu; nếu không tin thì bạn hãy thử buông xả thân tâm. Trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới; người không pháp cũng không, tất cả đều không. Bạn nói đó chẳng phải là diệu chăng ? Sự diệu này nếu buông xả thân tâm chẳngặng thì mới đắc được sự diệu chân chánh của tự tính vốn có. Nếu bạn trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới, song le chẳng lìa khỏi thân tâm thế giới. Đây chẳng phải nói lìa khỏi thân tâm của ta, lìa khỏi thế giới này, mới không có thân tâm thế giới; mà là tại thân tâm này, tại thế giới này mà chẳng có. "Mất thất hình sắc chẳng dính mắc, tai nghe âm thanh tâm chẳng hay". Đó là cảnh giới

sớm sẽ đạt được trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới. Đây là việc chẳng dễ dàng, cho nên mới diệu. Dễ cũng là diệu, không dễ cũng là diệu, tất cả hết thấy đều diệu, thấy đều không vượt ra ngoài diệu pháp này. Cho nên chữ diệu này chẳng có cách chỉ giảng xong được.

Vì diệu không dễ gì nói, cho nên là diệu. Không dễ gì nói bây giờ cũng phải nói, cũng là diệu. Nói tóm lại, Diệu ! Diệu ! Diệu ! Tất cả đều diệu. Đây lại có dụng gì ? Bạn hỏi vấn đề này đó mới là thật diệu.

Tu hành, tham thiền, đả tọa là đi tìm sự diệu này. Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm tại núi Tuyết là tìm cầu sự diệu này. Tất cả Bồ Tát hành Bồ Tát đạo cũng là tìm cầu sự diệu này. Các bậc A La Hán buông xả tất cả cũng là đi tìm sự diệu này. Tất cả phàm phu, Thánh nhân muốn tu hành cũng vì tìm cầu sự diệu này. Cho nên thành được quả vị Phật cũng gọi là diệu. Là diệu gì ? Là Diệu Giác. Bồ Tát là Đẳng Giác, chưa đạt được diệu giác. Cho nên hiện tại trước hết phải hiểu sự diệu này.

Diệu có hữu dụng gì ? Chẳng có hữu dụng gì, song le gì cũng đều cần nó. Sự diệu này phải nói rằng là đại dụng của nó, đại tạo hoá, trời đất vạn vật, hết thấy tất cả đều từ diệu này mà sinh ra. Cho nên đừng cho rằng nhờ Thiên Chúa, Địa Chúa, Nhân Chúa sáng tạo thế giới này. Kỳ thật tất cả đều từ diệu này sinh ra. Chữ diệu này cũng chỉ có Phật mới có thể cảm nhận được. Phật tính vốn có của chúng ta là diệu giác Phật tính. Có lối mình bạch chữ diệu này thì bảo sao mà dễ thế ! Nếu bạn mình bạch quá dễ dàng chữ diệu này thì nói chẳng phải diệu chăng ? Chẳng phải. Nếu bạn mình bạch chữ diệu này quá dễ dàng thì đó là càng diệu. Tại sao ? Vì bạn chẳng phí sức thì đã mình bạch, đó chẳng phải là diệu chăng ? Bạn phí rất nhiều công phu mới mình bạch, đây lại càng diệu. Cho nên, giảng như thế nào cũng đều diệu, đầu đầu thị đạo.

Bạn nói trước mắt gì chẳng phải diệu ? Đền, bàn ghế, tất cả đều là biểu hiện của diệu pháp. Nếu bạn mình bạch được diệu pháp này thì tất cả đều diệu; không mình bạch diệu pháp này thì tất cả đều là thô. Bạn cảm thấy bạn đã mình bạch, nhưng thật ra bạn chưa mình bạch, nếu bạn nghiên cứu bốn thể của nó thì đều từ một chữ diệu này mà sinh ra.

(Còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

NAM MÔ LĂNG NGHIÊM HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT.

Giải : Nam Mô là tiếng Phạn, dịch là "quy mạng", "cung kính". Tức là đem thân tâm tính mạng của chúng ta đều quy y cho Phật. Cung kính Phật năm thế sát đất. Chỉ có Phật là chúng ta tin. Lăng Nghiêm tức là "tất cả sự việc cứu kính đều kiên cố". Tất cả sự việc tức không phải là một thứ việc, mà là bất cứ sự việc gì cũng đều bao quát trong đó, cứu kính đạt đến mức không có gì có thể phá hoại được. Câu này là quy mạng tất cả chư Phật, tất cả các Bồ Tát trong Hội Lăng Nghiêm. Tụng Chú Lăng Nghiêm thì trước hết phải quy mạng Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát, đọc ba lần.

DIỆU TRẠM TỔNG TRÌ ĐẮNG BẤT ĐỘNG. CHÚ THỦ LĂNG NGHIÊM HIẾM CÓ TRONG ĐỜI.

Giải : Diệu Trạm, tức là không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng. Nếu tưởng tượng được, biết được thì không nói đến diệu. Diệu là vượt ngoài ý dự đoán. Tư tưởng không đạt đến được, cho nên gọi là "không thể nghĩ bàn". Trạm là trạm thâm tức là sâu dày thậm thâm. Không những là diệu mà còn diệu sâu dày thậm thâm, rất bất khả tư nghì. Tổng Trì là tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Tổng tất cả pháp tức là bao quát hết thảy các pháp. Trì vô lượng nghĩa tức là thọ trì nghĩa vô lượng, đều bao quát ở trong đó. Cho nên "Diệu Trạm" là hiển mật viên dung. "Tổng Trì" là tùy duyên phổ ứng, tất cả tận hư không biến pháp giới; cảnh giới có sự mong cầu không thể không cảm ứng. Bốn thể thường trụ tức bất động, bốn thể là vắng lặng không động, cảm mà toại thông. Diệu Trạm, Tổng Trì và Bất Động cả ba đều là diệu trạm, ba mà một. Cả ba đều là bất động chẳng phải ba chẳng

phải một, cũng ba cũng một. Phân tích kỹ thì ý nghĩa trong mỗi một cái đều có ba ý nghĩa. Hiếm có trong đời là thế, xuất thế đều tốt hơn hết. Đấng Bất Động tức là danh hiệu chỉ cho Đức Phật. "Chú Thủ Lăng Nghiêm Hiếm Có Trong Đời". Câu này là khen ngợi Lăng Nghiêm đại định. Tu hành Lăng Nghiêm Vương đại định này sẽ sinh ra tất cả các định. Tất cả các định đều từ định này mà sinh ra. Hiếm có trong đời nghĩa là trên thế gian không để gì có, khó gặp khó thấy nhất. Câu kệ này là do Ngài A Nan bị Chú Phạm Thiên làm mê hoặc, Phật nói Chú Lăng Nghiêm rồi phái Bồ Tát Văn Thù dùng Chú này đi cứu Ngài A Nan đem về. Ngài A Nan cảm tạ thâm ân của Phật, cho nên nói bài kệ để hình dung sự cảm thọ của Ngài.

TIÊU DIỆT TƯỚNG ĐIÊN ĐẢO CỦA CON TRONG TRĂM NGHÌN ỨC KIẾP, KHÔNG PHẢI TRẢI QUA SỐ KIẾP A TĂNG KỲ MÀ CHÚNG ĐƯỢC PHÁP THÂN.

Giải : Con người từ vô lượng kiếp đến nay có những vọng tri vọng kiến, tà tri tà kiến, điên đảo mộng tưởng. Tưởng điên đảo tức là chẳng phải thường cho là thường, chẳng phải đoạn cho là đoạn, chẳng có cho là có, chẳng không cho là không; chạy theo cảnh giới không thật, không thể chuyển được cảnh giới không thật, tức cũng là người bị cảnh chuyển mà không thể chuyển được cảnh, tức cũng thường bị gió nghiệp dắt đi. Sự sai lầm chỉ là chút chút, không nhiều, nhưng chỉ một chút chút này mà khác biệt với thường trụ chân tâm chân chánh, tính tịnh minh thể, sai lầm hàng ngàn dặm. Điên đảo tức là không nên tưởng mà tưởng, không nên tham mà tham, không nên sân mà sân, không nên mê hồ mà mê hồ. Nói rõ ra là tưởng điên đảo trong tự tính. Không thể đại công vô tư tức là điên đảo. Thứ tưởng điên đảo này là nguyên nhân khiến cho chúng ta thọ sinh tử trong sáu nẻo luân hồi. Tu thì phải tiêu trừ tưởng điên đảo. Như Ngài A Nan là người thông minh như thế mà vẫn có

tướng điên đảo giống nhau. Sức trí nhớ của Ngài rất phi thường. Phật nói hết thấy Kinh điển, một khi lọt qua tai thì vĩnh kiếp không quên. Nhưng khi Ngài thấy nữ Ma Đãng Già thì Ngài bị giao động, liền theo cô ta vào trong nhà ngoại đạo. Đây là tướng điên đảo của Ngài. Người nam thì tham, người nữ thì ái, tức là tướng điên đảo. Đây là từ vô lượng kiếp cho đến nay đều có. Cho nên nói Thủ Lăng Nghiêm Vương, đại định, đại pháp này rất hiếm có trong thế gian, sẽ tiêu trừ tướng điên đảo đời đời kiếp kiếp, từ vô lượng kiếp cho đến nay. "Không Phải Trải Qua Số Kiếp A Tăng Kỳ Mà Chúng Được Pháp Thân". Đức Phật trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp mới thành Phật. Cho nên "Ba A Tăng Kỳ tu phước huệ, trăm kiếp trông tướng tốt". Tu phước một trăm đại kiếp mới đắc được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. A Tăng Kỳ kiếp tức vô lượng số; ba A Tăng Kỳ tức là ba vô lượng số. Số mục này có bao nhiêu? Dùng máy vi tính cũng tính đếm không được. Bây giờ Ngài A Nan nói: "Không phải trải qua số kiếp A Tăng Kỳ mà chúng được pháp thân". Tôi đắc được đại định kiên cố của Chú Lăng Nghiêm, không cần trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp mà có thể đắc được pháp thân, cũng sẽ thành Phật, chúng được pháp thân tự tại, thần thông biến hoá. Thành tâm trì tụng Chú Lăng Nghiêm thì không cần phải trải qua thời gian lâu dài cũng sẽ đắc được pháp thân.

NAY CON NGUYỆN KHI ĐẮC ĐƯỢC QUẢ BẢO VƯƠNG, TRỞ LẠI ĐỘ CHÚNG SINH NHIỀU NHƯ SỐ CÁC SÔNG HẰNG. ĐEM THÂM TÂM NÀY PHỤNG SỰ CHÚNG SINH KHẮP CÁC CÔI NHIỀU NHƯ SỐ HẠT BỤI. ĐÓ MỚI LÀ BÁO ÂN PHẬT. LẠI THỈNH THỂ TÔN CHÚNG MINH, VÀO ĐỜI ÁC NĂM TRƯỚC CON THỀ XIN VÀO TRƯỚC. NẾU CÒN MỘT CHÚNG SINH CHƯA THÀNH PHẬT, CON SẼ KHÔNG THỬ CHÚNG QUẢ VỊ NÊ-HOÀN.

Giải: Ngài A Nan ở trước nói: "Tiêu diệt tướng điên đảo của con trong trăm ngàn ức kiếp, không phải trải qua số kiếp A Tăng Kỳ mà chúng được pháp thân". Bây giờ lại nói: "Nay con nguyện khi đắc được quả Bảo Vương". Tôi nay phát nguyện, nguyện trước khi thành Phật, đắc quả tức là đắc quả vị Phật, Bảo Vương tức là

Phật. "Trở lại độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng".

Tôi thành Phật không phải vì chính mình, còn phải trở lại thế giới Ta Bà để giáo hoá chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng. Tất cả chúng sinh tôi đều phải giáo hoá. "Dem thâm tâm này phụng sự chúng sinh khắp các cõi nhiều như số hạt bụi". Thâm tâm tức là trí huệ Bát Nhã. "Phụng sự chúng sinh khắp các cõi nhiều như số hạt bụi". Biến hoá đến mười phương thế giới để giáo hoá chúng sinh. Tôi dùng nguyện lực phổ biến khắp mười phương cõi nước nhiều như số hạt bụi thế giới để giáo hoá chúng sinh. "Đó mới là báo ân Phật". Dùng tâm chí thành khẩn thiết mới báo đáp được ân đức của Phật đối với tôi. "Lại thỉnh Đức Thế Tôn chứng minh". Lại kiên thành thỉnh cầu Đức Thế Tôn chứng minh nguyện lực này của A Nan. "Vào đời ác năm trước con thề xin vào trước". Chúng sinh trong đời ác năm trước rất khó độ, tôi phải độ trước. Trong năm trước: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước, chúng sinh càng càng khó điều phục. Tôi phải vào trước trong thế giới Ta Bà tội ác để độ chúng sinh. "Nếu còn một chúng sinh nào chưa thành Phật, con sẽ không thử chúng quả vị Nê-Hoàn". Tôi thủy chung không thể thử chúng quả A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán, cũng không thể thử chúng quả vị Niết Bàn của Phật. Nếu có chúng sinh nào chưa thành Phật thì tôi ở lại tại đây đợi giáo hoá họ, khiến cho họ đều thành Phật, rồi sau tôi mới thử chúng quả vị Nê-Hoàn. Quả vị Nê-Hoàn của nhị thừa tức là quả vị A La Hán, Phật thì quả vị Niết Bàn, tức cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là sự phát tâm của Ngài A Nan, đến giúp Phật hoàng dương, trợ giúp Phật Thích Ca Mâu Ni để giáo hoá chúng sinh.

(Còn tiếp)

Mỗi khi khởi một niệm thiện thì trời đất sẽ quang minh chánh khí; nếu khởi một niệm ác thì trời đất u ám tà khí. Nếu ai ai cũng khởi niệm thiện thì toàn thế giới sẽ quang minh sáng lạng, chuyển biến những thiên tai nhân họa thành cát tường, thế giới sẽ thái bình an lạc.

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

2. Nam Mô A Lợi Gia.

*Thân khẩu ý luân đại tổng trì
Vạn đoá liên hoa chánh khai thời
Bạch thanh hồng tử quang biến chiếu
Hữu duyên Phật tử phó Thánh tịch.*

Tam dịch :

*Thân miệng ý nghiệp đại tổng trì
Vạn đoá hoa sen lúc nở thời
Quang trắng xanh đỏ biếc chiếu khắp
Phật tử có duyên dự hội Thánh.*

"Nam Mô" : Nghĩa vẫn giống như ở trước, tức là "quy y kính đầu".

"A Lợi Gia": "A Lợi" dịch là "Bạc Thánh"; Bạc Thánh còn có một ý nghĩa là "xa lìa tất cả pháp ác không thiện". Pháp ác không thiện là đủ thứ các điều ác. "Gia" vẫn là "lẽ". Kính lễ Bạc Thánh, đó là ý nghĩa "A Lợi Gia".

3. Bà Lô Yết Đế Thước Bát La Gia.

*Trì bát Quán Âm cứu thế gian
Ứng bệnh dữ dược nhuận tam thiên
Bái lễ kiên thành hộ cảm chiêu
Nhất thiết sở cầu mãn tâm nguyện.*

Tam dịch :

*Bồ Tát Quán Âm cứu thế gian
Theo bệnh cho thuốc nhuận hết thủy
Thành tâm lễ lạy được cảm ứng
Tất cả sở cầu đều mãn nguyện.*

"Bà Lô Yết Đế": Dịch ra nghĩa là gì ? Tức là "Quán" của Quán Thế Âm Bồ Tát, còn dịch là "quang", tức là quang minh chiếu khắp.

Còn có một lối dịch khác nữa gọi là "sở quán sát"; sở quán sát cảnh giới này.

"Thước Bát La Gia": Nghĩa là "Tự Tại", câu này hợp lại là "Quán Tự Tại", cũng là Bồ Tát Quán Tự Tại.

4. Bồ Đề Tát Đỏa Bà Gia.

*Giác chư hữu tình chủng Thánh nhân
Đạo chứng vô vi khế chân tâm
Tự tha kiêm lợi công thành tựu
Đồng nhập Bát Nhã giải thoát môn.*

Tam dịch :

*Giác các chúng sinh trồng nhân Thánh
Chứng đạo vô vi hợp chân tâm
Ta người đều lợi công thành tựu
Cùng vào Bát Nhã môn giải thoát.*

"Bồ Đề": Chúng ta ai ai cũng biết bồ đề tức là giác, tiếng Phạn gọi là "bồ đề", giác ở đây là giác ngộ.

"Tát Đỏa": Tức là "độ". Bồ Đề Tát Đỏa nói đơn giản là "Bồ Tát", tức là chúng sinh tự giác tự độ; tự mình giác ngộ, tự mình độ mình.

"Bà Gia": Là "đánh lễ"; "Gia": Nghĩa là cúi đầu đánh lễ. Cúi đầu đánh lễ ai ? Cúi đầu đánh lễ Bồ Tát tự giác tự độ". Câu này nói về "Bồ Tát Bất Không La Tác áp đại binh". Khi bạn tụng câu Chú này thì Bồ Tát Bất Không La Tác sẽ mang thiên binh thiên tướng đến để bảo vệ bạn.

(Còn tiếp)

Thế giới có những thiên tai hoạn nạn đều do con người gây ra, muốn đừng có thiên tai hoạn nạn thì mỗi người phải cải ác hướng thiện, có tâm từ bi, đừng sát sinh hại vật.

PHẬT TỔ TRUYỀN ĐĂNG

KỆ TRUYỀN PHÁP CỦA PHẬT TỖ BÀ THI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Kệ truyền pháp của bảy vị Phật quá khứ rất quan trọng, mỗi câu kệ đều nói về thân tâm hư vọng, chẳng thật. Thân là do bốn đại (đất, nước, gió, lửa) hoà hợp, tâm cũng là hư vô phiêu diêu, chẳng có hình bóng gì. Cho nên chúng ta đừng nhận giả làm thật, chấp vào thân tâm của chúng ta, cứ thế mà chiếm tiện nghi, cứ thế mà chẳng chịu thiệt thòi. Kỳ thật đây là bị thân thể hại chúng ta đời đời kiếp kiếp tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Song le nếu bạn thật sự minh bạch đạo lý làm người thì tội nghiệp đó vốn không; bỏn lai tội nghiệp cũng chẳng có gì, đây là do con người chấp trước, cho nên mới khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Nếu bạn chẳng có hoặc, thì sẽ chẳng tạo nghiệp, chẳng thọ quả báo. Hoặc tức là chẳng minh bạch (chẳng hiểu biết), tức cũng là vô minh. Bài kệ truyền pháp thứ nhất là bài kệ của Phật Tỳ Bà Thi :

*"Thân từ trong vô tướng trung thọ sinh
Do như huyễn xuất chư hình tượng
Huẩn nhân tâm thức bốn lai vô
Tội phước giai không vô sở trụ".*

Nghĩa là :

*"Thân từ trong vô tướng sinh ra
Giống như huyễn sinh các sự vật
Tâm thức người huyễn vốn là không
Tội phước đều không chẳng chỗ nương".*

"Thân từ trong vô tướng sinh ra": Thân này từ đâu đến ? Nó chẳng có hình tướng, chẳng có thật thể, là do bốn đại hoà hợp mà thành thân người, cho nên nói thân từ trong vô tướng sinh ra.

"Giống như huyễn sinh các sự vật": Giống như pháp huyễn thuật, người biến ma thuật, vốn chẳng có vật đó mà họ biến hoá ra. Vậy biến hoá ra là thật chẳng ? Chẳng thật, là giả. Thân thể của chúng ta đây cũng như thế, cho nên câu thứ hai nói "giống như"; "huyễn sinh các sự vật", là từ trong hư huyễn không thật mà sinh ra, biến hoá ra sự vật. Nghĩa là nói thân thể chẳng thật. Tức nhiên chẳng thật thì tại sao có người mắng bạn mà

bạn chịu chẳng được ? Đánh bạn thì bạn càng chịu chẳng được ? Khen bạn một câu thì bạn hơn hờ vui mừng; còn nói xấu bạn một câu thì bạn nổi giận. Tại sao phải như thế ? Đây chẳng phải là bị cái giả làm mờ đi cái thật chẳng ? Bạn vốn chẳng một vật, chỗ nào dính bụi bặm ? Sao lại có quá nhiều sự rắc rối ? Sự rắc rối này là do chính mình tìm đến. Có người mắng bạn thì bạn coi như họ ca hát chẳng tốt chẳng ? Hoặc coi như họ nói tiếng Nhật, tôi chẳng hiểu ! Hoặc coi như họ nói tiếng Tây Ban Nha, tôi cũng chẳng hiểu, hoặc họ nói tiếng Bồ Đào Nha, tôi cũng không hiểu họ ca hát cái gì. Họ mắng bạn thì bạn đừng mắng họ, vậy còn có gì gọi là mắng chẳng ? Họ mắng kệ họ, bạn xem như là nghe âm nhạc, không cần nổi giận. Có người đánh bạn thì sẽ làm cho bạn đi đường chẳng có cẩn thận, đánh đau rồi thì bạn đi tìm ai đánh lại ? Bạn đánh gạch cửa thì tay bạn lại đau; nếu bạn không đánh thì vốn chẳng có chuyện gì xảy ra, đau một trận sợ gì !

"Tâm thức người huyễn vốn là không" : Người huyễn hoá chẳng có tâm, chẳng có thức, cũng chẳng có tri giác.

"Tội phước đều không chẳng chỗ nương" : Tội và phước đều không. Gì gọi là tội ? Gì gọi là phước ? Bạn đừng chấp vào nó. Bạn chấp trước vào thân thể này, lại chấp trước vào tâm này, đây là hoàn toàn sai lầm. Nếu bạn chẳng chấp trước thì thật là tự do biết đường nào ! Đừng để bị cái gông cùm lại. Bài kệ truyền pháp của Phật Tỳ Bà Thi dạy bạn nhận thức thân tâm vốn là hư huyễn.

Kể từ Báo Phật Pháp số 02 sẽ bố thí miễn phí. Tuy nhiên sự tùy hỷ phát tâm cúng dường ủng hộ của Quý Vị là sự trợ giúp rất lớn để tiếp tục phát hành những kỳ sau và là góp phần vào công cuộc hoằng dương Phật Pháp, lợi lạc pháp giới chúng sinh, công đức vô lượng.

PHÁP GIỚI CỦA BỒ TÁT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hữu tình giác ngộ
Khiêu xuất trần ai
Lục độ vạn hạnh
Thời khắc bồi tài.

Tạm dịch :

Hữu tình giác ngộ
Vượt khỏi bụi trần
Lục độ vạn hạnh
Giờ phút vun bồi.

Thứ hai là nói về pháp giới của Bồ Tát. Ở trước, tôi có đổi lại là "tất cả người ba đời" là vì mười pháp giới đều do người tu thành. Người, không là một tâm niệm hiện tiền, cho nên thứ hai là pháp giới của Bồ Tát.

Bồ Tát là Phạn ngữ, dịch là "giác hữu tình". Sao gọi là giác hữu tình ? Giác hữu tình có hai lối nói : Một là giác ngộ tất cả hữu tình, khiến cho tất cả hữu tình đều giác ngộ, hai là hữu tình đã giác ngộ.

Hai lối nói này chúng ta đều có phần. Có phần gì ? Có phần thành Bồ Tát. Vì chúng ta đều là chúng sinh hữu tình, chúng ta cũng có thể làm bậc giác ngộ ở trong chúng sinh. Chúng ta cũng có thể dùng đạo lý giác ngộ để thức tỉnh tất cả chúng sinh. Cho nên là một Bồ Tát, không sai ! Bạn có phần, tôi cũng có phần. Không phải chỉ Bồ Tát là như thế mà Phật chúng ta cũng đều có phần.

Có người nói : "Tôi không minh bạch đạo lý này, sao vừa rồi Pháp Sư nói Phật là do người tu thành ! Vậy tại sao chúng ta không thành Phật ?" Đừng nói vấn đề "người thành Phật, không thành Phật", bạn nói đứa bé này tương lai có lớn chăng ? Đứa bé này tuy nhiên bây giờ là trẻ con, nhưng tương lai nó có thể trưởng thành làm người, rồi lại già nua. Cũng thế, hiện tại chúng ta là trẻ con, còn Phật thì ví như người lớn, tương lai chúng ta trưởng thành tức là thành Phật. Hiện tại chúng ta là trẻ con ở trong Phật giáo. Mỗi ngày phải uống sữa, mỗi ngày phải nghe pháp. Đặc biệt sự nghe pháp làm

cho căn lành của con người tăng trưởng, đặc biệt làm cho

khai mở trí huệ. Cho nên nếu bạn tạo cơ hội nghe pháp vẫn có giá trị hơn dù bạn kiếm được bao nhiêu tiền.

Cho nên hôm nay tôi lập ra một quy cụ mới, quy cụ gì ? Tôi hy vọng từ nay về sau chúng ta đừng lấy nhiều ngày nghỉ, đừng đi du lịch nhiều, nếu có ngày nghỉ thì lấy sự nghiên cứu Phật pháp làm du lịch, lấy sự nghiên cứu Phật pháp làm ngày nghỉ. Tại sao ? Vì ngày nghỉ đi du lịch quá nguy hiểm. Bạn hãy nhìn xem ! Mỗi kỳ nghỉ, người chết không chỉ là một, chắc hẳn là nhiều lắm, trong số này, nếu bạn đi du lịch biết đâu bạn có phần trong đó. Cho nên ở xứ này chúng ta phải sửa lại phong khí này. Ở xứ này ai ai cũng muốn đi chơi, muốn đi du lịch. Phật giáo đòi chúng ta phải cải thiện phong khí này. Làm Phật giáo đòi không cần đi du hành, không cần đi du lịch nhiều. Có thời gian thì đến nghiên cứu Phật pháp, đến tụng một thời Kinh, niệm một bài Chú, lễ Phật thì tốt biết mấy !

Lễ Phật công đức vô lượng, "Phật tiền đánh lễ, tội diệt hà sa." Nghĩa là bạn thành tâm lạy Phật thì tiêu diệt vô lượng tội lỗi. "Xả tiền nhất văn, tăng phước vô lượng." Nghĩa là bố thí một đồng được phước vô lượng. Song le, chẳng phải tôi kêu bạn bố thí tiền cho tôi, các bạn phải minh bạch. Các bạn có tiền thì đến các đạo tràng khác cúng dường, như thế thì bạn sẽ tăng phước rất nhiều. Vì chúng tôi nơi đây đều là người khổ sở, không có phước thọ sự cúng dường, nếu cúng dường nhiều thì chúng tôi có thể chết. Nếu chẳng có ai cúng dường thì chúng tôi có thể sống thêm mấy ngày. Bạn thấy đó ! Tuy chúng tôi khổ, chúng tôi cũng muốn sống thêm mấy ngày, không muốn

chết bây giờ. Cho nên nếu bạn muốn bố thí thì đến nơi khác bố thí, tôi tuyệt đối hoan nghênh. Vì có rất nhiều nơi để cho các bạn làm phước, không nhất định ở tại Chùa Kim Sơn. Chùa Kim Sơn đều là những người khổ sở, đều là những người chẳng có phước báo, cho nên nếu các bạn cầu phước ở đây thì chẳng có. Các bạn đừng lo lắng, chúng tôi không chết đói đâu !

"Hữu tình giác ngộ". Bồ Tát là một hữu tình, là bậc giác ngộ trong hữu tình, là bậc minh bạch ở trong sự giác ngộ, là bậc tu hành ở trong sự hiểu biết, là bậc thực hành ở trong sự tu hành, đó là Bồ Tát. Cho nên nói : "Vượt khỏi bụi trần". Nếu Bồ Tát không minh bạch thì không vượt ra khỏi bụi trần. Bụi trần này quá dày cho nên không vượt ra khỏi được. Nếu giác ngộ rồi thì bụi trần sẽ mỏng dần, sẽ vượt ra khỏi bụi trần.

Sau khi vượt ra khỏi bụi trần thì làm gì ? Phải chăng ăn và ngủ ? Không sai ! Còn phải ăn, còn phải ngủ, còn phải mặc quần áo. Nhưng chẳng phải cứ làm những việc này. Mục đích bạn đi làm việc là vì ngày hai bữa cơm, vì mặc quần áo, vì chỗ ở, ba vấn đề này. Khi bạn vượt ra khỏi bụi trần thì không còn lo về ba vấn đề này nữa, mà phải tu hành lục độ.

"Lục độ" tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Có người nghĩ rằng : "Tôi biết bố thí tức là dạy người bố thí cho mình". Chẳng phải vậy ! Là chúng ta phải bố thí cho người. Về tiền tài, chúng ta đừng ham nó, vì nó là vật rất dơ bẩn. Nếu bạn gần gũi nó quá nhiều thì đó là dính bụi trần. Bụi trần là gì ? Tiền là bụi trần. Nếu bạn không cần tiền thì sẽ thanh tịnh, sẽ vượt ra khỏi bụi trần. Hiện tại một số trong các bạn đã vượt khỏi bụi trần vì các bạn giữ giới không cất giữ tiền bạc. Bất quá bạn đừng bị nhiễm nó nữa trong tương lai.

"Vạn hạnh", lại phải tu hành vạn hạnh. "Giờ phút vui bồi" : Chẳng phải hôm nay tu, ngày mai thì không tu; năm nay tu, năm tới thì không tu; tháng này tu, tháng tới thì nghỉ ! đời này tu, đời sau thì chẳng tu nữa ! Hoặc là lúc tu lúc nghỉ. Chẳng phải vậy ! Mà luôn luôn đều phải tu hành lục độ vạn hạnh. Đừng nói đến luôn luôn mà đời đời kiếp kiếp chúng ta đều phải tu lục độ vạn hạnh. Do đó nếu bạn thực hành được như thế thì bạn là Bồ Tát.

Bạn nói : "Đó thật chẳng phải dễ !" Bạn nghĩ rằng làm Bồ Tát dễ dàng lắm sao ? Đâu có dễ dàng như thế. Không những làm Bồ Tát không dễ dàng mà làm Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng dễ dàng.

Làm gì thì dễ dàng ? Làm quý ! Làm quý dễ nhất, đọa địa ngục dễ nhất, làm súc sinh dễ nhất. Nếu bạn muốn dễ thì làm những thứ đó. Cho nên bạn muốn làm Bồ Tát thì chẳng dễ dàng; Bồ Tát còn gọi là "không dễ dàng". Dễ dàng tức là quý, không dễ dàng tức là Bồ Tát. Bạn nói : "Khó quá". "Khó" cũng là Bồ Tát, chữ khó tức là một tên khác của không dễ dàng.

Cho nên Bồ Tát thì phải hành khổ hạnh, những gì người làm không được mà làm được, khó nhẫn mà nhẫn được. Đừng cho rằng khó quá mà không dám làm. Nếu bạn không dám làm thì bạn chẳng phải là Bồ Tát. Hãy tinh tấn tiến về trước !

Bồ Tát thì như thế chẳng có gì xảo diệu. Nếu bạn làm được những gì người không làm được tức là Bồ Tát. Vì ai ai cũng không làm được mà bạn làm được tức là Bồ Tát.

MAO BẢO THẢ RÙA KHỎI CHẾT ĐUỐI

Vào thời nhà Tấn, lúc Mao Bảo chưa thành danh thời một lần nọ trên đường đi gặp vị đánh cá tha một con rùa trắng lớn (đại bạch quy) đem đi bán. Mao Bảo sinh lòng thương xót, bèn mua rồi thả xuống sông.

Về sau Mao Bảo làm đến chức đại tướng quân, trấn thủ Chu Thành. Phía địch sai Thạch Lý Long xuất binh hơn một vạn người bao vây thành, Mao Bảo đem binh ra đánh bị bại, quân lính sáu ngàn người đều bỏ chạy tán loạn, tất cả đều lao xuống sông, đều bị chết đuối, chỉ có Mao Bảo khi nhảy xuống sông thì cảm thấy như đứng ở trên tảng đá, lại có vật gì nâng lên và chạy đi. Do đó khỏi chết đuối. Đợi đến khi vào đến bờ nhìn xem vật gì cứu nâng đưa mình đi, thì rõ ràng là con rùa trắng lớn (đại bạch quy) mà lúc trước chính mình đã thả nó xuống sông.

Cho nên nhân quả báo ứng như bóng với hình. Rùa trắng báo ân, đây là hiển báo hiện tại.

ĐẠI TRỊ ĐỘ LỤẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : H.T Thích Trung Quán

(Tiếp theo kỳ trước)

A. Thế giới tất đàn.

Sự vật từ nhân duyên hoà hợp nên có, không có tính khác. Ví như cỗ xe, do các bộ phận hợp lại mà thành. Con người cũng vậy, do bốn chất, năm ấm hợp lại mà có.

Hỏi : Như Phật nói : Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh nhìn thấy chúng sinh chết đây sinh kia, tùy theo nghiệp thiện ác mà thọ quả báo. Nghiệp lành thì sinh lên cõi trời, cõi người; nghiệp ác thì đoạ vào ba đường ác. Lại nữa, trong Kinh có nói : Một người ra khỏi ba cõi thì nhiều người được vui mừng, phúc lạc rất nhiều. Đó là Phật, Thế Tôn vậy. Trong Kinh Pháp Cú có nói : Thần tự hay cứu thần, người khác cứu sao được ! Trong Kinh Bình Sa Vương Nghinh Phật có nói : Người phạm chẳng nghe pháp, cố chấp cái ta. Trong Kinh Phật Nhị Dạ nói : Từ đêm khuya Phật đắc đạo đến đêm nhập Niết Bàn, trong khoảng thời gian giữa hai đêm ấy, tất cả Kinh điển nói ra đều thật không điên đảo. Nếu thật không có người, tại sao Phật nói "nhân đẳng"(người bằng nhau) ?

Đáp : Trong pháp thế gian (chân lý tương đối) phải có nhân đẳng, còn trong đệ nhất nghĩa (chân lý tuyệt đối) không có, ngược lại trong pháp tính như như không có pháp thế gian, nhưng có đệ nhất nghĩa. Trong pháp thế gian vì có những nhân duyên của năm ấm hoà hợp nên có người. Ví như sữa có sắc, hương, vị, xúc làm nhân duyên nên có sữa; nếu sữa thật không thì nhân duyên tạo ra sữa cũng phải không. Vì nhân duyên của sữa thật có nên sữa cũng thật có. Đây là những hình tướng của thế giới tất đàn.

B. Vị nhân tất đàn.

Xem xét tâm hành người nghe mà thuyết pháp, ở trong một việc hoặc nghe hoặc chẳng

nghe, như trong Kinh có nói : Nghiệp báo phúc tạp nên tạp sinh ở thế gian được tạp xúc, tạp thụ (Xúc : Đụng chạm, thụ : nhận hưởng). Lại ở trong Kinh

PháQuần-Na nói : Không có người xúc, không có người thụ.

Hỏi : Hai Kinh này có mâu thuẫn nhau không ?

Đáp : Vì có người nghi đời sau không tin tội phúc, làm điều chẳng lành, rơi vào kiến chấp đoạn diệt, nên muốn dứt nghi và giúp cho họ khỏi rơi vào đoạn kiến mà nói tạp sinh thế gian được tạp xúc, tạp thụ và cũng để phá Quần-Na chấp có ngã (ta), có thần, rơi vào chấp thường (còn mãi). Quần-Na hỏi Phật rằng : Đại Đức ! Ai thụ ? Nếu Phật nói người ấy ! Người ấy thụ ! thì rơi vào chấp thường, người ấy ngã kiến lại càng thêm bền chắc, không thể lay chuyển. Vì thế không nói có thụ ấy, xúc ấy. Những tướng như thế gọi là vị nhân tất đàn.

C. Đối trị tất đàn.

Các pháp đối trị thì có, thật tính thì không. Ví như nước lạnh, ngọt, rất hợp để giải khát khi trời nóng nực, nhưng không mấy hấp dẫn trong mùa đông tuyết giá. Phật pháp để trị tâm bệnh cũng vậy. Quán bất tịnh dùng để trị bệnh tham dục là đúng pháp, nhưng với bệnh sân thì không phải pháp đối trị. Vì sao ? Xét thân như nhớp, sai quấy là quán bất tịnh. Nếu người sân hận quán sai quấy thì càng thêm lửa sân hận. Tâm từ để trị bệnh sân hận là đúng, nhưng với bệnh tham dục thì không phải là pháp đối trị. Vì sao ? Tâm từ ở trong chúng sinh là việc tốt, là công đức. Người tham dục cầu việc tốt mà quán công đức thì càng tăng lòng tham dục. Quán pháp nhân duyên với bệnh ngu si là

đúng pháp, nhưng với bệnh tham dục và sân hận lại không đúng. Vì sao ? Vì trước quán tà, cho nên sinh ra tà kiến; tà kiến là ngu si.

Hỏi : Trong Phật pháp nói mười hai nhân duyên rất sâu ! Trong Kinh có nói : Phật bảo Ngài A Nan rằng : Pháp nhân duyên rất sâu, khó hiểu, khó thấy, khó biết, khó quán, người có trí huệ lanh lợi mới có thể hiểu được. Người ngu si với pháp nông cạn cũng còn khó hiểu, huống chi pháp nhân duyên rất sâu. Tại sao nói người ngu si nên quán pháp nhân duyên ?

Đáp : Người ngu si chẳng phải như trâu dê, người ấy muốn cầu thật đạo, mà xét các pháp với tâm tà nên sinh ra tất cả tà kiến. Như thế đối với người ngu si nên quán nhân duyên, đó gọi là đối trị đúng pháp.

Lại nữa, chúng sinh chấp thường điên đảo, không biết sự vật tương tự, tương tục. Với người như thế thì quán vô thường là pháp đối trị tất đàn, không phải đệ nhất nghĩa. Vì sao? Tất cả sự vật tự tính không. Như có bài kệ nói rằng :

Vô thường thấy có thường !

Ấy gọi là điên đảo !

Trong không không vô thường !

Nơi nào thấy có thường ?

Hỏi : Tất cả pháp hữu vi đều vô thường, tương ứng là đệ nhất nghĩa, có tướng sinh, trụ, diệt, trước sinh, rồi trụ, sau diệt. Tại sao nói vô thường chẳng phải thật ?

Đáp : Pháp hữu vi chẳng phải thật có ba tướng, vì ba tướng ấy không thật. Nếu sinh, trụ, diệt là tướng hữu vi, vậy ở trong sinh cũng phải có ba tướng ! Rồi sinh của ba tướng này cũng lại phải ba tướng nữa và cứ như thế đến vô cùng vô tận. Trụ, diệt cũng như thế. Nếu các sinh, trụ, diệt đều không sinh sinh, trụ, diệt, vậy không thể gọi là pháp hữu vi, vì tướng pháp hữu vi không có. Bởi thế, pháp vô thường chẳng phải là đệ nhất nghĩa tất đàn.

Lại nữa, nếu tất cả thật tính là vô thường thì không có quả báo hành nghiệp, vì vô thường là sinh diệt, ví như hạt giống mục không thể sinh quả. Nay tất cả pháp Hiền Thánh có quả báo, người có trí lành thì có thể tin nhận. Bởi vì tính của các pháp chẳng vô thường mà có vô lượng nhân duyên nên không thể nói các pháp có tính vô thường . Tất cả các pháp hữu vi, vô thường, khổ, không, vô ngã .v.v., cũng như thế. Các tướng như thế gọi là đối trị tất đàn.

D. Đệ nhất nghĩa tất đàn.

Tất cả tính của các pháp, tất cả lời nói, luận bàn, là pháp, là phi pháp, mỗi mỗi đều phân biệt, tan hoại. Chư Phật, Bích Chi Phật, A La Hán, chỗ làm là pháp chân thật, không thể tan hoại. Ba tất đàn trên không thông, ở đây thì thông.

Hỏi : Thế nào là thông ?

Đáp : Thông là lia tất cả lỗi lầm, không thể biến đổi, không thể thắng, vì trừ đệ nhất nghĩa tất đàn thì các luận bàn, các tất đàn khác đều có thể phá được. Như trong Kinh Chúng Nghĩa có bài kệ rằng :

Đều đều tự nương kiến

Hý luận khởi tranh cãi

Biết đây là biết thật

Chẳng biết là báng pháp

Chẳng thụ pháp khác vậy !

Ấy là người vô trí

Có các hý luận ấy

Thấy đều là vô trí

Nếu nương tự thấy pháp

Mà sinh các hý luận

Nếu ấy là tịnh trí

Không chẳng phải tịnh trí !

Trong bài kệ, Phật nói tướng đệ nhất nghĩa tất đàn : Nghĩa là thế gian chúng sinh tự nương vào kiến (thấy biết), tự nương vào pháp, vào lời luận bàn mà sinh ra tranh cãi. Hý luận là gốc tranh cãi, nương các kiến mà sinh ra. Như có bài kệ nói :

Có thụ pháp nên có hý luận

Nếu không thụ thì có luận gì ?

Thụ cùng không thụ, các kiến thấy

Người ấy ở đây đã trừ hết !

Hành giả có cái thấy biết như thật, ở trong tất cả các pháp và luận bàn không thụ, không đắm, không thấy là thực, chẳng tranh cãi nhau, được nếm mùi vị cam lồ của Phật pháp. Nếu chẳng thế là báng pháp. Nếu chẳng thụ pháp khác, chẳng biết chẳng lấy là người vô trí. Như thế các hý luận đều là vô trí, vì đều chẳng cùng nhìn nhận pháp khác, nghĩa là người này bảo pháp mình là đệ nhất tịnh thật, còn pháp người kia là vọng ngữ bất tịnh. Như pháp cai trị thế gian, hình phạt chém giết, hết thấy là bất tịnh. Người thế gian tin nhận, chấp hành, lấy làm tịnh thật. Với người xuất gia, thiện Thánh

nhân lại cho là bất tịnh nhất. Pháp của người xuất gia ngoại đạo đứng một chân nhỏ tóc trong lúc trời nắng nóng. Bọn Ni Kiền Tử cho đó là diệu tuệ. Người khác cho đó là ngu si. Như thế những người xuất gia ngoại đạo, cư sĩ của Bà La Môn đều tự cho mình là tốt, còn đều là vọng ngữ.

Trong Phật pháp, cũng có Tỳ Kheo Độc Tử nói : Do tứ đại hoà hợp mà có nhân pháp(người), như thế năm ấm hoà hợp có người. Trong A Tỳ Đàm, Độc Tử nói : Năm ấm không lia người, người không lia năm ấm, không thể nói năm ấm là người; lia năm ấm là người; người là thứ năm không thể nói bao gồm trong pháp tạng. Thuyết Nhất Thiết Hữu Đạo Nhân Bồ nói : Người, thần, hết thấy loài, hết thấy trời, trong hết thấy pháp môn, tìm không thể được, ví như lông rừng sừng hổ.

(còn tiếp)

NHỮNG LỜI PHÁP CỦA HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

* Hiện tại chúng ta may mắn có được thân người. Nếu không biết dùng thân người để tu hành thì đợi đến khi nào mới chịu tu ? Chỉ e đến lúc mất thân này rồi, dù có muốn tu hành thì đã quá muộn màng !

* Dùng lưỡi để thuyết pháp thì tích lũy công đức. Ngược lại nếu dùng lưỡi để nói chuyện thị phi thì tạo nghiệp xấu. Thay vì thuyết pháp mà lại nói chuyện thị phi vô nghĩa, chính là tạo 1.200 tội lỗi.

* Sống trên thế gian này, chúng ta phải luôn luôn làm việc lành. Còn hơi thở và sức lực thì chúng ta nên làm việc lành để tích lũy công đức. Trong đời này chúng ta đừng dựa vào căn lành đã trồng trong những kiếp trước mà hưởng hết phúc báo.

* Nếu tâm tham lam tràn trề không biết đủ thì tương lai sẽ bị đọa vào địa ngục. Nếu từ sáng đến tối với tâm giận dữ nặng nề thì sẽ trở thành ngạ quỷ. Nếu tâm ngu si quá nặng, chỉ làm những việc ngu xuẩn thì sẽ trở thành súc sinh.

* Người chân chánh khai ngộ thì không bao giờ nói mình đã khai ngộ. Các bậc Thánh nhân xuất hiện nơi thế gian tuyệt đối không tiết lộ chân tướng. Phạm là những kẻ tự xưng là Phật hay Bồ Tát đều là hạng tà ma.

* Mỗi người đều có ba tên giặc phiền não ở trong tâm, đó là tham lam, sân hận và si mê. Chúng ta không cần tiêu diệt chúng mà chỉ cần chuyển hoá chúng thành những hạt giống bồ đề.

* Việc thành Phật vốn không phải dễ dàng ! Chưa chặt đứt tâm tham dục mà mong thành Phật thì không bao giờ có. Người thời nay đều thích cầu may, thích đi đường tắt, nên dễ dàng bị những việc huyền ảo lạ kỳ lôi cuốn và bị mê hoặc rồi lạc vào lưới ma.

* Khoái lạc chân chính là chẳng mong cầu gì nữa, đến chỗ chẳng mong cầu gì nữa thì sẽ hết lo. Bạn chẳng có mong cầu bất cứ thứ gì thì đó mới là khoái lạc thật sự, an ổn tự tính thật sự.

* Tại sao hiện nay trên thế giới đầy dẫy những tội lỗi do thanh thiếu niên gây ra ? Vì những bậc cha mẹ chỉ lo sinh con chứ không chăm sóc, dạy dỗ.

* Trẻ con không phải sinh ra là hư xấu đâu. Chỉ bởi vì chúng không được dạy dỗ mà ra. Vì thế làm cha mẹ phải coi việc giáo dục con cái là cấp thiết quan trọng nhất. Cho dù kiếm được bao nhiêu tiền cũng không có giá trị bằng dạy dỗ con cái cho tốt.

* Tâm tham của chúng ta là cái hố không đáy; nó cao hơn trời, dày hơn đất và sâu hơn biển, nên mãi mãi không bao giờ lấp đầy nó được.

* Người không có đạo đức mới là kẻ nghèo cùng.

* Nếu có người đến cầu pháp, tôi sẽ bảo họ nên ăn ít, mặc ít và ngủ ít một chút. Vì mặc ít thì tăng phúc, ngủ ít thì tăng lộc và ăn ít thì tăng thọ.

* Con người sống không phải vì miếng ăn, mà sống để làm lợi ích cho xã hội, ban phước đức cho nhân dân và hỗ trợ cho thế giới.

Khải Thị PHẬT THẬT A DI ĐÀ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Người ở thế giới Ta Bà đều thích an vui, chẳng thích đau khổ. Chúng sinh ở địa ngục thì thích đau khổ, chẳng thích an vui. Ngạ quỷ thì thích sân hận, chẳng thích từ bi. Súc sinh thì thích ngu si, chẳng thích có trí huệ, cho nên chúng mới đoạ làm súc sinh.

Tuy chúng ta nói là thích an vui, chẳng thích đau khổ, nhưng chẳng biết làm thế nào để chẳng có đau khổ; chúng sinh ở trên trời cũng thích an vui khoái lạc, chẳng thích đau khổ.

Cảnh giới của Phật và Bồ Tát thì chẳng có đau khổ, cũng chẳng có an vui, khổ vui đều chẳng còn nữa. Chúng sinh phần nhiều là điên đảo, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen. Cứu kính thì họ có biết đó là điên đảo chẳng? Biết, song le tuy họ biết, họ vẫn cứ làm việc không đúng; rõ ràng biết là chẳng hợp pháp mà họ chuyên môn đi làm; biết gì là đúng mà họ chẳng làm.

Ví như khi niệm Phật mà đi uống trà. Uống trà có thời gian đặc biệt, chẳng phải lúc nào cũng có thể uống. Dùng thời giờ niệm Phật để đi uống trà là trốn tránh để nghỉ ngơi. Niệm Phật mệt thì đi uống một ly trà để nghỉ ngơi giải đãi một chút. Nếu thật tâm niệm Phật thì sao lại còn nghĩ đi uống trà? Sáng sớm quên uống trà, hà huống là uống sữa, gì cũng đều quên. Chân thật niệm Phật thì ăn cơm hay chưa cũng chẳng biết, hà huống là uống trà?

Có người nói niệm Phật quá nguy hiểm, cho đến ăn mà cũng chẳng biết đã ăn hay chưa. Đây tức là công phu. Người dụng công thật sự thì ăn cơm hay chưa ăn họ cũng chẳng biết, mặc đồ hay chưa cũng chẳng biết, ngủ hay chưa ngủ cũng chẳng biết, gì cũng đều quên hết. Là ban ngày? chẳng biết; là ban đêm? chẳng biết. Trên chẳng biết có trời, dưới chẳng biết có đất, giữa chẳng biết

có người, tất cả đều quên hết, tất cả đều không thì làm sao mà nghĩ muốn uống trà, muốn uống sữa?

Thầy Hằng Thuận Chùa Kim Sơn chẳng dám uống sữa. Một khi uống sữa vào thì dục niệm càng lên cao, anh ta không chế chẳng đặng, do đó

chẳng dám uống. Chúng ta ăn thức ăn chỉ là vì duy trì mạng sống, dùng thức ăn làm thuốc. Không ăn thì sẽ chết, cho nên ăn một chút để duy trì mạng sống, chứ chẳng cần những vật ăn nhiều dinh dưỡng để bổ thân thể. Dinh dưỡng mà nhiều thì rắc rối càng lớn. Tu pháp môn niệm Phật phải luôn luôn niệm Phật một câu: "Nam Mô A Di Đà Phật", chẳng lúc nào ngừng. Lúc tỉnh cũng niệm, lúc ngủ cũng niệm. Câu "Nam Mô A Di Đà Phật" sáu chữ hồng danh này, đập cũng đập chẳng vỡ, xé cũng xé chẳng rách, dùng kiếm chặt cũng chặt không đứt. Sức lực của câu này còn kiên cố hơn là sắt đá. Bạn chẳng có cách chi phá hoại được câu "Nam Mô A Di Đà Phật" này, đây mới gọi là niệm Phật tam muội.

Niệm Phật là như thế, tụng Kinh cũng như thế, trì Chú cũng như thế. Trong tình trạng đó, muốn khởi vọng tưởng cũng khởi không lên.

Chúng sinh ở thế giới Ta Bà mỗi cử chỉ hành động đều là tham, đều là sân, đều là si. Pháp thế gian thì họ dùng tham sân si để tu hành; pháp xuất thế gian thì họ vẫn dùng tham sân si để tu hành. Tu hành thì họ tham khai ngộ. Ngồi thiền mới được hai ngày rười mà nghĩ muốn khai ngộ; tu pháp được hai ngày rười mà muốn có thần thông; niệm Phật được hai ngày rười mà muốn đắc được niệm Phật tam muội!

Bạn thấy đó, tâm tham quá lớn, đó đều là tâm quý tham biểu hiện.

Tu hành thì phải xem là bốn phận của mình. Đừng tham, tu lâu dần thì công đức sẽ viên mãn, quả bồ đề sẽ thành tựu. Đừng tham thì bốn lai sẽ thành công, tham nhiều thì nhai chẳng nát, ăn cơm phải ăn từng miếng, nếu đổ hết bát cơm vào miệng thì sẽ đầy cổ họng, bạn nói làm sao mà ăn ? Nhai cũng nhai chẳng được, nuốt cũng nuốt chẳng xuống. Ăn cơm là ví dụ đơn giản nhất. Đây gọi là "tham nhiều nhai chẳng nát".

Tu hành phải hành sở vô sự, đừng có tâm tham, đừng nghĩ tới thế nào thế nào ? Muốn mình khai ngộ, muốn mình được thần thông, đâu có nhanh như thế, hãy gieo hạt giống xuống, phải đợi

nó từ từ mọc lên, đến lúc thì tự nhiên nó sẽ chín mùi. Người xưa nói "thanh sắt mài thành cây kim, công đao tự nhiên thành", nhưng bạn đừng có sợ phí việc. Thời gian lâu dần thì tự nhiên sẽ mài thành kim. Cho nên tu đạo thì phải khử trừ mao bệnh. Mao bệnh gì ? Bạn thích uống trà, đây là mao bệnh; thích uống sữa, đây là mao bệnh, thích khởi vọng tưởng cũng là mao bệnh. Nếu cứ tham đồ tự tại thì dụng công chẳng tương ưng. Dụng công thì đừng sợ khổ, đừng sợ gian nan, đừng sợ mệt nhọc, mới có sở thành tựu.

(Còn tiếp)

TÂM THAM CỨU KHỔ NỆM QUÁN ÂM

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Từ vô lượng kiếp đến nay, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, trải qua thời gian dài trăm ngàn vạn kiếp, cũng chẳng gặp pháp hội Quán Âm, cho nên tập khí mao bệnh của chúng ta chẳng có tư hào giảm bớt, còn vô minh phiền não thì càng ngày càng nhiều. Hiện tại gặp được pháp hội Bồ Tát Quán Âm, đây cũng có thể nói là căn lành đã trồng từ vô lượng kiếp về trước, đến hôm nay mới chín mùi, cho nên mới tham gia pháp hội vi diệu không thể nghĩ bàn này. Nếu bạn chẳng có căn lành thì chẳng có đức hạnh, chẳng có cơ hội để bạn đả sát Quán Âm. Do đó nên trân tiếc thời gian quý báu bảy ngày này, đừng khởi vọng tưởng, mà lãng phí thời gian. Nếu cứ khởi vọng tưởng thì tuy là tham gia pháp hội, cũng giống như không tham gia, cho nên bạn chẳng đắc được lợi ích gì cả.

Tuy pháp hội này mới bắt đầu ngày thứ hai, nhưng tôi biết có người đã thấy được Bồ Tát Quán Âm, thấy được quang minh .v.v. , có đủ thứ cảnh giới hiện tiền không thể nghĩ bàn, và có người như muốn khai mở ngũ nhãn. Do đó người chẳng đắc được lợi ích thì nên sinh tâm hổ thẹn, đừng cho

rằng mình chẳng đắc được lợi ích thì người khác cũng như thế, chẳng phải. Hiện tại đều cùng nhau ở trong hoả lò Phật Đường Chùa Kim Sơn, đem vàng, bạc, đồng, sắt, chì bỏ vào trong lò để luyện, nhìn xem cứu kính thứ nào chẳng sợ lửa thiêu ? Do đó "vàng thật thì không sợ lửa", vàng luyện ở trong lò

thì càng luyện càng sáng chói, thành màu càng tốt. Bạc thì thua một chút. Đồng thì càng thua một chút. Thiệt thì thua xa.

Chùa Kim Sơn cũng có thể nói là công xưởng đãi vàng ở trong cát. Ai nghĩ muốn tu hành thì đừng bỏ Chùa Kim Sơn đi. Bỏ Chùa Kim Sơn đi để đi tìm chỗ khác tu hành thì chẳng dễ gì tìm được. Người ở Chùa Kim Sơn đều là người tu hành có đạo tâm, trong hoàn cảnh rất khổ cực gian nan mà cũng muốn dụng công tu hành.

Pháp môn tu đạo có tới tám vạn bốn ngàn. Mỗi pháp môn, bạn nên minh bạch một chút, không nên chỉ biết một pháp môn mà thôi. Nếu mỗi pháp môn đều biết một chút thì lâu dần sẽ minh bạch hết tất cả pháp môn. Nếu chỉ minh

bạch một pháp môn thì chẳng dễ gì thể hội được cảnh giới Phật pháp sâu như biển cả. Như người ngu nói : "Di quản khuy thiên", còn cho rằng trời chỉ to như ống tre mà thôi. Nếu bạn chẳng dùng ống tre để nhìn trời thì trời cứu kính lớn cỡ nào ? Do đó học Phật pháp đừng chỉ biết một pháp môn, mà nên pháp pháp đều thông, pháp pháp đều rõ. Hiện tại đang đả thất Quán Âm, là một bộ phận trong Phật pháp. Nếu bạn chẳng tu qua pháp này thì nhất định hãy thử nghiệm một lần. Đừng nên không thử nghiệm thì không tu. Nếu đã xong bảy ngày này viên mãn thì trong thân tâm của bạn chắc chắn sẽ có lợi ích. Các bạn ngàn vạn đừng bỏ lỡ cơ hội này.

Bồ Tát thì tu lục độ vạn hạnh. Trong lục độ vạn hạnh, thứ nhất là bố thí : Mình phải bố thí cho người khác, chẳng phải muốn người khác bố thí cho mình. Thứ hai là nhẫn nhục : Hiện tại đang đả thất Quán Âm thì xem bạn có nhẫn được chăng ? Nếu nhẫn được thì sẽ đả thất Quán Âm viên mãn. Nếu chẳng nhẫn được thì suốt ngày đến tối cứ khởi vọng tưởng. Ví như : "Chút nữa tôi sẽ đến nhà hàng nào đó ăn một bụng cho thật no", hoặc nghĩ : "Mình ở chỗ này niệm Quán Âm lại có ích gì ? hãy sớm bỏ đi". Đó đều là chẳng có nhẫn nại. Người chẳng có nhẫn nại thì chẳng thể tu đạo. Bạn tu ngồi thiền cũng được, niệm Phật cũng được, niệm Quán Âm cũng được, đó đều là pháp môn như nhau, căn bản chẳng có gì khác nhau. Bất cứ pháp môn gì, chỉ cần bạn có tâm nhẫn nại thì đều có sở thành tựu. Nếu bạn chẳng có nhẫn nại thì pháp môn nào tu cũng chẳng xong. Chẳng có tâm nhẫn nại thì thường thường cảm thấy như vậy cũng chẳng đúng, như thế nọ cũng chẳng tốt, mọi việc đều chẳng như ý của bạn. Vậy bạn có thể tu gì ? Đạo thì chẳng có ngã tướng, chẳng có ngã chấp. Nếu có sự chấp trước thì vĩnh viễn chẳng thể tu đạo. Có người nói : "Tôi muốn tham thiền". Tham thiền thì càng phải có tâm nhẫn nại. Thứ ba là trì giới : Tức là "đừng làm các việc ác, hãy làm các việc lành". Thứ tư là tinh tấn : Tức là chẳng giải đãi. Thứ năm là thiền định : Chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm tức là cầu Bồ Tát Quán Thế Âm trợ giúp cho chúng ta đắc được thiền định. Thứ sáu là trí huệ : Có thiền định rồi thì sẽ sinh ra trí huệ. Do đó lục độ có sự liên quan với nhau.

Có người nói : "Tôi rất thích tu thiền định". Vậy, tôi nói cho bạn biết tu thiền định như thế nào ? Tức là một khi vào thiền đường thì bất luận như

thế nào cũng không thể ra khỏi thiền đường một bước. Có người nói "nếu như bệnh thì sao ? Có bệnh là bệnh của bạn, có bệnh cũng phải tham thiền ! Bạn nói, nếu như chết thì làm sao ? Có chết cũng không thể ra khỏi thiền đường. Người tham thiền mà chết thì để thi thể của họ ở dưới băng ngồi thiền. Vài ngày sau có mùi hôi thối cũng để ở đó, không đem ra ngoài. Có người nói : "Đó chẳng khác nào ngồi tù chăng ? " Giống như ngồi tù ? E rằng bạn chẳng cảm thấy bạn đang ngồi tù phải chăng ? Mỗi người chúng ta đều đang ở trong tù. Bất quá bạn chẳng biết mà thôi. Tự tính của bạn muốn ra cũng ra không được, muốn trở về cũng chẳng thể trở về. Đi ra rồi thì không thể trở lại; trở lại rồi thì không thể đi ra. Đây là tự do chăng ? Thân thể của mỗi người tức là ngục tù, nhưng bạn chẳng nhận thức được.

Hiện tại chúng ta đang tọa thiền, một khi vào thiền đường thì chẳng cho ra khỏi cửa thiền đường. Ai đi ra thì người giữ hương bản đánh trên vai. Đây tức là đả thất. Đả thất Quán Âm cũng như thế, chẳng cho ra khỏi thiền đường. Ai đi ra thì phải đánh. Ai kêu bạn đến ? Có người nói : "Tôi nhìn được thông cáo, cho nên mới đến". Song le trong thông cáo, chẳng ghi là có thể đi. Đi thì được, nhưng người đó phải đãi mọi người một bữa tiệc, thì mới có thể đi, bằng không thì không thể đi. Tại sao ? Vì bạn đi thì người khác thấy bạn đi cũng đi theo. Bạn đi tôi đi, mọi người đều đi hết. Đây gọi là phá hoại đạo tràng. Vì miễn tội bạn phá hoại đạo tràng thì bạn phải đãi mọi người một bữa tiệc. Nếu bạn chẳng đãi thì đừng đi.

(Còn tiếp)

**Tuyên dương chánh pháp trấn ma quân
Hoá thù Quy Ngưỡng truyền Phật ấn
Độ khổ hữu tình chuyển kiếp tận
Luân tuỳ nguyện lực ứng phân thân.**

Tuyên Hoá - Độ Luân

TƯ THẾ NGỒI THIỀN

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tư thế ngồi thiền phải ngồi ngay thẳng, lưng phải thẳng, đầu phải ngay, không nghiêng về trước, không ngã về sau, không nghiêng trái, nghiêng phải. Sau đó ngồi kiết già, tức là chân trái bỏ lên đùi chân phải và chân phải gát lên đùi chân trái, đây mới gọi là hạp tiêu chuẩn. Vì ngồi kiết già rất dễ nhập định. Cho nên gọi là tư thế ngồi hàng ma, còn gọi là tư thế ngồi kim cang, còn gọi là tư thế ngồi hoa sen. Tư thế này có thể tiêu trừ nghiệp chướng vô lượng kiếp, hay liễu sinh thoát tử, sinh ra vô lượng công đức.

Khi bắt đầu ngồi thiền thì phải luyện tập thế ngồi cơ bản này, sau đó điều thân thể, mắt quán mũi, mũi quán miệng, miệng quán tâm. Đây là bí quyết không chế vọng tưởng. Sau đó sẽ thở điều hoà, không nhanh không chậm, hãy tự nhiên. Lúc này mới tham "Niệm Phật là ai?", thời gian lâu dần sẽ khởi tác dụng.

Tham thiền giống như gà mẹ dụng công phu ấp trứng. Tuy gà mẹ đang nghĩ gà con, nhưng thế chẳng lia trứng, chuyên tâm nhất chí để ấp trứng. Chẳng phải mới ấp năm phút thì chạy ra, quá một giờ mới trở lại ấp trứng, chưa đến năm phút lại chạy ra, cứ như thế thì vĩnh viễn gà con chẳng nở.

Chúng ta tham thiền đả tọa cũng như thế, phải tư từ, đừng sợ lưng ê, đừng sợ chân đau, đừng sợ khổ, đừng sợ khó. Một lòng một dạ để tham, tham gì? Tham "Niệm Phật là ai?" Tham đến hết núi cạn nước, khi nước cạn bày đá thì là lúc khai ngộ.

Tham thiền lại giống như rồng dụng công phu dưỡng châu. Rồng luôn luôn lúc nào cũng giữ gìn bảo châu của nó, lúc nào cũng chú ý, cũng cẩn thận, cho nên hạt bảo châu ngày càng sáng. Ngày đêm sáu thời đều chuyên tâm giữ gìn. Người tham thiền cũng như thế. Thời khắc không thể khởi tạp niệm. Người xưa có nói: "Một niệm không sinh

toàn thể hiện". Có thể nói "vọng tưởng không sinh toàn thể hiện". Chẳng có vọng tưởng thì sẽ có sở thành tựu. Người tham thiền, đừng nghĩ thành Phật, đừng nghĩ khai ngộ, đừng nghĩ được trí huệ. Chỉ nỗ

lực dụng công, siêng năng tu hành, đến lúc thì tự nhiên sẽ khai ngộ. Không thể cứ nghĩ lúc nào sẽ khai ngộ? Nếu cứ nghĩ như thế thì dù có nghĩ đến vô lượng kiếp cũng không thể khai ngộ. Trong thiền đường đi đi ngồi ngồi, ngồi ngồi đi đi, thời gian lâu dần thì tự nhiên sẽ có cơ hội thành công. Do đó có câu: "Ngồi lâu có thiền".

Tham thiền lại giống như mèo dụng công phu rình chú chuột, phải tự tính hội thần bên cạnh hang chú chuột, đợi khi chú chuột xuất hiện thì vồ một cái là bắt ngay, không thể chểnh mảng, tâm tán loạn thì không thể chú ý. Người tham thiền cũng lại như thế, luôn lúc nào cũng khởi chánh niệm, không sinh vọng niệm. Đây là kiến thức sơ bộ nhập môn tham thiền.

Người tu đạo đừng đến Nam Sơn đi tìm đạo, cũng đừng đến Bắc Hải đi tìm đạo, đạo ở bên cạnh thân của bạn. Bạn hay ngồi kiết già, chuyên tâm nhất chí để tham thiền thì đây tức là đạo. Đừng có tâm "háo cao vụ viễn", hướng bên ngoài đi tìm đạo, như thế thì vĩnh viễn tìm chẳng được, bỏ gần cầu xa, khắp nơi tìm việc khôn khổ, đó là tự mình tìm phiền não, tự chuốt lấy khổ.

(Còn tiếp)

DIỆU DỤNG CỦA SỰ NHÃN NHỤC

Hoà Thượng Tuyên Hoá

"Dung thứ ngã tội Từ Thị nhĩ
Nguyên lượng tha phi đại bi tâm
Bình đẳng nguyện lực tinh tấn hành
Trí huệ thiên định giới châu minh".

"Dung thứ ngã tội Từ Thị nhĩ"

Bất luận người nào có tội lỗi, đều có thể tha thứ khoan hồng. Không cần đợi người khác thỉnh cầu mới tha thứ, lúc không có người thỉnh cầu cũng tha thứ không khác. "Dung thứ ngã tội" : Ý nói bất cứ tội của người nào đều có thể tha thứ, hoặc bất cứ tội của ai cũng như tội của mình. "Từ Thị nhĩ" : Từ Thị là Bồ Tát Di Lạc. Bụng của Ngài rất mập mạp, ai có lỗi làm gì Ngài cũng đều tha thứ. Ngài luôn luôn cười hì hì. Cho nên nói : "Bụng to hay chứa, chứa những chuyện thiên hạ khó chứa". Ai không thể dung nhẫn, Ngài đều dung nhẫn "Mở miệng liền cười, cười người thế gian có thể cười". Ngài nhìn người thế gian đều dính mắc trong vòng danh lợi, tài, sắc, ăn và ngủ.

Bồ Tát Di Lạc lại nói bài thơ rằng :

"Lão què mặc áo rách,
Cơm lạc no đầy bụng,
Áo vá che giá hàn,
Vạn sự hỷ tùy duyên,
Có người mắng lão què
Lão què chỉ nói tốt,
Có người đánh lão què,
Lão què nằm lăn ra,
Nhổ dãi vào mặt lão,
Để nó khô tự nhiên,
Ta cũng chẳng nhọc sức,
Bạn cũng không phiền não,
Đây là Ba La Mật,
Tức là báu vô giá,
Nếu hành được như thế,
Lo gì đạo chẳng thành".

Bạn thấy Ngài nói mấy câu đơn giản mà thật là vi diệu, có thể hình dung ra sự độ lượng của Bồ Tát Di Lạc. Kệ nói : "Tôi là một lão què ngu si không có trí huệ, mặc thì toàn là đồ rách rưới, ăn thì không màng ngon hoặc dở, ăn no bụng thì thôi.

Quần áo rách thì vá, để che cho đỡ lạnh thì tốt rồi. Việc gì cũng đều tùy duyên mà đến, không có vấn đề gì cả. "Có người mắng lão què". Thật ra không có ai mắng chửi Ngài, Ngài chỉ là đa sự, cố ý không đau mà rên rỉ. Sự thật không có bệnh hoạn mà Ngài than thở: "Tôi chịu không thấu, khổ quá đi thôi, làm sao đây?". Bạn xem Ngài mở miệng liền cười, ai lại mắng chửi Ngài ! Nhưng Ngài muốn nói khéo mà thôi. Ngài nói : "Có người mắng lão què, lão què chỉ nói tốt". Đương nhiên không có người mắng Ngài, tự nhiên Ngài nói tốt. Nếu thật có người mắng Ngài, Ngài cũng nói tốt. Không thể không nói tốt vì độ lượng của Ngài quá rộng lớn. Giả như có người muốn đến đánh Ngài, Ngài liền nằm lăn ra, nếu người khác nhổ nước dãi vào mặt Ngài thì Ngài để nó tự nhiên khô đi, giống như không có chuyện gì xảy ra. Nếu bạn có thể nhổ thêm vài lần thì Ngài liền dùng nước dãi để rửa mặt, rửa sạch bụi bặm, bạn xem diệu hay không diệu. Ngài cũng không cần dùng sức lực để lau chùi nước dãi. Bạn không thể tìm được vấn đề để sanh sự, phiền não cũng chạy mất không để lại dấu vết. Đó là Ba La Mật (đến bờ kia). Thật là báu vô giá, nếu hành được như thế, lo gì đạo chẳng thành ! Trên đây là mấy câu kệ nói rõ "Từ Thị nhĩ".

"Nguyên lượng tha phi đại bi tâm".

Đại bi tâm là gì ? Là rộng lượng tha thứ, bất cứ người nào có gì không đúng, đều cảm thấy giống như mình không đúng, đều tha thứ

cho người. Không thấy lỗi lầm của chúng sinh, để người có cơ hội cải quá tự tân (sửa đổi lỗi lầm làm lại con người mới). Đây là đại bi tâm.

"Bình đẳng nguyện lực tinh tấn hành".

Nếu bạn có nguyện lực đại từ bình đẳng thì chính là pháp môn tinh tấn đại hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền.

"Trí huệ thiên định giới châu minh".

Nếu được như thế thì có trí huệ, cũng có thiên định, giới luật cũng giữ rất viên mãn, giới châu phóng đại quang minh, chiếu sáng thế giới.

"Dung nhẫn ngã tội hứa tự tân,

Đại từ hóa vật cảm ứng chân,

Phổ độ hữu tình thành chánh quả,

Trí quang thường chiếu soi cổ kim".

"Dung nhẫn ngã tội hứa tự tân".

Chư Phật Bồ Tát đều từ bi, không thấy lỗi lầm của chúng sinh, bất cứ chúng sinh có lỗi lầm gì, chỉ cần sửa đổi thì chư Phật Bồ Tát đều bao dung, tha thứ. Nếu không ăn năn hối cải thì Phật, Bồ Tát cũng không có biện pháp gì. Hứa tự tân là cơ hội sửa đổi lỗi lầm làm con người mới.

"Đại từ hóa vật cảm ứng chân".

Tâm chân thì sự thật. Nếu tâm thành thật sửa đổi lỗi lầm thì Phật tự nhiên sẽ biết. Phật thì đại từ đại bi giáo hóa hết thấy chúng sinh, ai thấy được chân tâm, thì người đó liền có cảnh giới cảm ứng đạo giao hiện tiền. Nhưng khi cảnh giới đến, trước hết bạn phải nghĩ cảnh giới này là chánh hay tà? Nếu là chánh tức là Phật, Bồ Tát thị hiện. Nếu là tà tức là ma nhiều loạn, khiến bạn tu hành không được tam muội. Muốn đầy đủ trạch pháp nhãn thì phải nhận chân thật, thấy rõ ràng, biện rõ thị phi, chọn lựa chánh tà. Thế nào là chánh? Thế nào là tà? Nếu là đại công vô tư thì là chánh pháp, nếu là ích kỷ, tự lợi thì là tà pháp. Nếu là do tâm tham mà được cảnh giới, tức là ma vương đến nhiều loạn bạn, khiến bạn tu hành không được thành tựu, khiến bạn đọa lạc. Vì bạn đọa lạc thì trở thành quyến thuộc của ma vương. Bạn tu hành thành công, ra khỏi tam giới thì là quyến thuộc của Phật. Chúng ta người tu hành phải nhận thức cảnh giới. Nhận thức được cảnh giới thì không bị ma vương gạt được. Đoạn trước có nói qua Phật thì từ bi độ chúng sinh. Nếu bạn có chân tâm thì được cảm ứng đạo giao. Nếu bạn tu hành không có chân tâm, thì không có cảm ứng. Cho nên muốn đem chân tâm ra thì không nên tranh, không tham, không cầu, không

ích kỷ, không tư lợi, không nói dối. Chân tâm thì phải tìm ở bên trong, chẳng phải ở bên ngoài. Cũng do tự tính trí huệ sinh ra. Cho nên Lục Tổ Huệ Năng nói: "Không ngờ tự tính vốn thanh tịnh, không ngờ tự tính vốn không giao động, không ngờ tự tính vốn tự đầy đủ, không ngờ tự tính thường sinh trí huệ". Nhận ra được tự tính vốn thanh tịnh, một chút nhiễm ô cũng không có, tự tính vốn không giao động, không đến, không đi, không quai, không ngại, không hình, không tướng. Tự tính vốn tự đầy đủ hết thấy vạn pháp. Từ trong tự tính bèn sinh trí huệ. Người có trí huệ thì không đem so sánh với kẻ khác, không cho mình là hơn người. Phạm là cho rằng giỏi hơn người khác, đều là ma vương đến nhiều, cho bạn một vó ma khí, khiến cho bạn sanh tà tri tà kiến. Ma vương lợi dụng pháp dụ đến nhiều loạn bạn, biết bạn tham chút tiện nghi. Nếu bạn có thể sửa đổi, không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối, thì ma vương không cách chi nhiều loạn được, bằng không thì ma vương biết bạn ham thần thông, quý thông, yêu thông, thất thông, bát thông, nó liền gạt bạn.

Tu hành tuyệt đối đừng tham phương tiện, tham lợi nhỏ, tham quả vị, hoặc tham ăn ngon, nhưng thứ đó chẳng có giá trị gì. Cho nên Phật tại thế thì, người tu hành tá túc dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, không tham người đời cúng dường, thường hành cước tham phương các nơi, một chỗ ở không quá ba đêm. Vì sao? Vì quá ba đêm, sợ người ta biết mà đến cúng dường. Không thể nói với người ta đến cúng dường cho mình, để tự hào rằng: "Nhìn xem kìa! rất nhiều người cúng dường cho tôi", không biết có nhiều người cúng dường cho bạn chẳng, nếu có thái độ như thế thì phúc báo của bạn bị tiêu hao, nguy hiểm liền đến. Người không có phước báu thọ cúng dường là một việc rất nguy hiểm. Cho nên ngày xưa đại đức cao Tăng một chút tâm tham cũng không có, tuyệt đối thanh tịnh, tuyệt đối không ô nhiễm. Không được ăn nói bậy bạ, sai nhân quả, khẩu nghiệp không thanh tịnh thì thân nghiệp không thanh tịnh và ý nghiệp cũng không thanh tịnh. Ba nghiệp đều không thanh tịnh.

Cho nên muốn được cảm ứng đạo giao, phải dùng chơn tâm để tu đạo.

"Phổ độ hữu tình thành chánh quả".

Phật nguyện độ hết thầy loại hữu tình có huyệt, có khí đều thành chánh quả. Không phải tà quả, hoặc ma quả.

"Trí quang thường chiếu soi cổ kim".

Người đại trí đại huệ thì luôn luôn đều có trí huệ hiện tiền. Không thể bị cảnh giới yêu ma quỷ quái giao động. Vì sao không bị giao động ? Vì không có tâm tham, tức là trên con đường đạo nghiệp cũng không sinh tâm tham. Cho nên tu đạo phải triệt để hiểu rõ, đừng vì tham đồ người khác cúng dường. Tu đạo là vì khai mở trí huệ chân chánh, tiêu diệt tà ma ngoại đạo. Hiện lộ chánh pháp, chánh giáo, khiến cho chánh pháp vĩnh viễn

trụ thế. Không thể tin vào một quyển sách nói làm thế nào để đắc được thần thông, liền mê quyển sách đó. Nếu bạn tìm Phật pháp trong quyển sách đó thì chắc chắn không có Phật pháp. Trong sách nói chỉ là một đạo lý. Bạn không nên bị sách mê hoặc. Cho nên nói người không có trí huệ thì mê nơi sách vở. Người có trí huệ thì giác nơi sách vở, nhìn xem đến đâu thì giác ngộ đến đó, không thể bị sách mê hoặc. Tại sao không bị sách mê hoặc ? Vì có trí huệ quang minh chiếu sáng thế gian, chiếu soi cổ kim.

NHƯ Ý MA NỮ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Hôm nay tôi nhớ ra chuyện Như Ý Ma Nữ. Y là một con quỷ vào đời nhà Chu bị sét đánh và y lại tu thành một thứ ma thuật, sấm sét cũng chẳng cách chi đánh được y, cho nên y đi khắp nơi để tác quái, sau đó thì gặp tôi, y phải quy y Tam Bảo, bây giờ y đã cải tà quy chánh, các bạn đừng sợ y, dù y có đến đây cũng chẳng hại người.

Cách đây khoảng 27 năm về trước, vào ngày 20 tháng 2 năm 1945, tôi ở tại Đông Bắc Trung Quốc (Manchuria), tại gia đình ông Châu. Ở khu này có "Hội Đạo Đức". Hội Đạo Đức là nơi giảng về đạo đức vào mỗi ngày. Trong hội này có mấy đệ tử quy y với tôi, cho nên mỗi lần đi qua đó, tôi đều ở lại đó vài hôm.

Ở được vài ngày thì gặp ông bói tướng "phê bát tự" mà tôi chẳng biết tên ông ta. Sao gọi là phê bát tự ? Tức là năm hai chữ, tháng hai chữ, ngày hai chữ và giờ hai chữ. Ông ta dùng "phê bát tự" xem cho người linh vô cùng, ông ta xem cho tôi nói : "Số của Thầy là làm quan, sao lại đi tu ? Nếu Thầy làm quan thì sẽ làm quan lớn" ; tôi nói : "Tôi không có ý định làm quan, cũng chẳng biết làm quan ra sao ? Sao lại có thể làm ? Tôi biết làm người xuất gia, cho nên hiện tại tôi là người xuất gia". Ông ta nói thật đáng tiếc. Sau đó ông ta lại xem tay tôi, ông ta nói : "Bàn tay của Thầy, ít nhất Thầy có thể đỡ đứng đầu trạng nguyên". Tôi lại nói : "Hiện tại tôi đứng chót

cũng không có làm gì có đứng đầu ?" Sau đó ông ta nói : "Năm nay Thầy gặp rất nhiều may mắn ! Sẽ gặp

việc cát tường!" Tôi nói : "Có việc gì cát tường ?". Ông ta nói : "Qua ngày 10 tháng sau thì Thầy sẽ

khác với hiện tại". Tôi nói : "Khác nhau như thế nào ?". Ông ta nói : "Bây giờ nội trong một ngàn dặm, có rất nhiều người tin Thầy, qua khỏi ngày 10 tháng sau thì mọi người ngoài mười ngàn dặm đều tin Thầy". Tôi nói : "Sao lại như thế ?". Ông ta nói : "Đến lúc đó Thầy sẽ hay !".

Qua hai ngày sau, lúc đó khoảng ngày 14 tháng 2 tôi đến làng Tương Bạch Kỳ Tứ Đồn ở với đệ tử của tôi tên là Hạ Tôn Tường tuổi đã hơn sáu mươi. Trong nhà của ông ta có hơn ba mươi người, làm rất nhiều ruộng đất, có thể nói là tài chủ giàu nhất trong làng. Nhưng ông ta chưa bao giờ tin Phật, cũng chẳng tin gì hết, song le khi ông ta thấy tôi đến thì ông ta tin và quy y Tam Bảo. Không riêng gì mình ông ta quy y mà toàn gia đình đều muốn quy y, cho nên toàn gia đình của ông ta đều quy y. Về sau mỗi lần đi qua đây tôi đều đến ở nhà của ông ta. Nhà của ông ta hơn ba mươi người rất vui vẻ khi gặp tôi, tôi đã ở lại khoảng mười ngày thì có khoảng bảy mươi hai người cũng đến quy y.

Vào ngày 25 tôi ngồi xe của Hạ Tôn Tường về huyện Song Thành xa cách chừng hơn bảy mươi dặm đường, chúng tôi phải khởi hành lúc ba giờ sáng sớm.

Thời tiết lúc đó gần mùa xuân, nhưng lạnh không thể tả. Người lái xe và những người đi theo đều mặc quần áo bằng da và mang giày da, còn tôi lúc đó quá nghèo, đồ mặc chỉ ba lớp vải thô, còn quần thì chỉ hai lớp vải, giày thì mang giày la hán (kiểu giày sandale) chẳng có tất mang, còn mũ thì giống như hai bàn tay chắp lại, phủ chẳng tới tai, giống như kiểu mũ của Ngài Tế Công đội mà các bạn thấy.

Chúng tôi khởi hành từ ba giờ sáng cho đến bảy giờ mới tới. Đến thành rồi trời cũng đã sáng, tài xế và những người đi tháp tùng tưởng tôi đã chết vì rét lạnh, bởi vì tôi mặc đồ không đủ che lạnh. Họ dừng xe lại để hoạt động, họ chạy bộ, vì không chạy thì bị tê cóng chịu không thấu, còn tôi vẫn ở trên xe từ khi bắt đầu khởi hành. Khi đến cửa đông của huyện Song Thành thì xe ngừng lại, tôi xuống xe thì anh tài xế nói : " Chúng con tưởng Thầy đã chết vì lạnh rồi".

Tôi ở với các bạn bè và các vị hộ pháp cư sĩ khoảng hơn mười ngày. Vào ngày 9 tháng 3 tôi trở về làng Tương Bạch Kỳ Tứ Đồn nhà của Hạ Tôn Tường. Khi tôi về tới thì ông ta nói có đứa con gái của Hạ Văn Sơn vừa mới quy y với tôi bị bệnh, bệnh rất trầm trọng, sáu, bảy ngày rồi chẳng ăn uống gì, cũng chẳng nói năng gì, mà rất là giận dữ, hung hăng như muốn đánh người. Mẹ của cô ta nói với tôi : " Sư phụ ! Con gái của con đây vừa mới quy y chưa được mấy ngày thì bị bệnh. Chúng bệnh rất là trầm trọng, cô ta chẳng ăn uống gì, cũng chẳng nói năng gì, suốt ngày đều trợn mắt, chống đầu xuống giường, chẳng biết là bệnh gì ?".

Tôi nói với bà ta : "Tôi cũng không thể chữa bệnh cho người, cô ta bệnh gì, hỏi tôi cũng vô dụng. Hiện tại có đứa đệ tử quy y với tôi tên là Hàn Cương Cát, anh ta là người đã khai mở ngũ nhãn, biết được chuyện quá khứ, vị lai của người. Bà có thể đi hỏi anh ta".

Hàn Cương Cát cũng quy y vào ngày 24 tháng 2. Trước khi anh ta quy y, tôi vốn không muốn thu nhận anh ta. Tại sao ? Vì trước khi tôi xuất gia, tôi với anh ta là đôi bạn thân và cùng làm việc với nhau trong Hội Đạo Đức. Sau khi xuất gia, Hàn Cương Cát khai mở ngũ nhãn, anh ta thấy : "Nguyên

lai Thầy đời đời kiếp kiếp là Thầy của con !", cho nên anh ta muốn quy y với tôi.

Tôi nói : "Tôi không thể thu anh làm đệ tử, chúng ta vốn đều là bạn thân nhau, sao tôi lại thu nhận anh làm đệ tử ?" Anh ta nói : "Nếu Thầy không thu nhận con thì đời này con sẽ đọa lạc". Nói xong, anh ta quỳ xuống, nhất định muốn quy y, tôi thì nhất định không thu nhận anh ta.

Trải qua khoảng hơn nửa giờ, tôi hỏi anh ta : "Ai quy y với tôi đều phải nghe theo sự giáo huấn, bây giờ anh có tài, vừa biết quá khứ, hiện tại và vị lai, có phải vì vậy mà anh có tâm cống cao, không nghe lời dạy của tôi ?" Anh ta nói : "Sư phụ ! Con sẽ nghe lời ! Dù Sư phụ kêu con nhảy vào đầu sôi lửa bỏng con cũng vào, kêu con đi trên lửa, con cũng đi, dù có chết con cũng không từ !". Tôi nói : "Thật chẳng ? Tương lai có việc có thể nào tôi kêu anh làm mà anh không làm ?" Anh ta nói : "Bất cứ chuyện gì Sư phụ kêu con đi làm thì con nhất định đi làm, dù nguy hiểm con cũng không sợ". Hàn Cương Cát là một trong bảy mươi hai người quy y vào ngày 24 tháng 2.

Nghe đệ tử bị bệnh, tôi kêu anh ta nói : "Con biết khám bệnh cho người, bây giờ vị đệ tử này bị bệnh, con lại xem thử đi !". Anh ta ngồi thiền, quán tưởng xem bệnh tình ra sao, đột nhiên mặt của anh ta tái vì sợ hãi, anh ta nói với tôi : "Sư phụ ! Không xong rồi, việc này lo chẳng xong ! Bằng mọi cách con cũng lo không được !". Tôi nói : "Thế nào ?" Anh ta nói : "Đây là một con quỷ ! Con quỷ này rất là lợi hại, y biến hóa ra hình người ! Biến được hình người để hại người làm đảo loạn thế giới !". Tôi nói : "Sao mà lợi hại như thế, nói nghe coi". Anh ta nói : "Con quỷ này là một con quỷ vào đời nhà Chu. Vào thời nhà Chu, y là một con quỷ, vì y không giữ quy cụ, bị một người có đạo hạnh, có thần thông dùng sám sét bửa vụn ra, nhưng linh tính của y chưa tán ra hoàn toàn, cho nên về sau y lại tụ về với nhau, lại biến thành quỷ. Con quỷ này bây giờ thần thông lớn vô cùng, biết phi hành biến hóa, lúc hiện có lúc hiện không. Vì bị sét đánh, cho nên sau này y tu luyện một thứ pháp thuật. Pháp thuật này chống lại sám sét. Pháp thuật này luyện bằng cách nào ? Tức là y dùng cái mũ đen được làm bằng lớp màng mỏng bao bọc đứa bé khi mới sinh ra. Lớp màng mỏng bao bọc đứa bé, y dùng nó làm thành cái mũ màu đen, khi đội mũ lên đầu thì sám sét không làm gì được y vì sám sét kỵ vật ô uế.

Người tây phương cho rằng sấm sét chẳng có ai cai quản. Sấm sét thường thì chẳng ai cai quản, nhưng có thứ sấm sét đặc biệt thì có khi dùng sấm sét để trừng phạt yêu ma quỷ quái ở thế gian. Y đã luyện thành cái mũ đen tị lôi, sấm sét chẳng làm gì được y thị. Y lại luyện thành hai thứ pháp thuật tức là hai quả banh nhỏ tròn tròn. Y dùng cái mũ đội lên

cho ai thì linh hồn của người đó bị y nắm giữ, sẽ biến thành quyền thuộc của y. Còn hai quả banh tròn, nếu ném trúng ai thì người đó sẽ chết tức khắc.

(còn tiếp)

Truy Niệm Trưởng Lão Độ Luân

Bài Phát Biểu Của H.T Thích Trí Định

Trưởng Lão Độ Luân pháp danh An Từ, trong thập niên năm mươi được Đại Lão Hoà Thượng Hư Vân truyền tâm ấn ban pháp hiệu là Tuyên Hoá, làm vị Tổ thứ chín dòng Quy Ngưỡng của Thiền Tông.

Trưởng Lão họ Bạch, sinh tại Mãn Châu, tỉnh Kiết Lâm, huyện Song Thành. Trưởng Lão xuất gia thuở thiếu thời, cần tu khổ hạnh, chí hiếu phụng dưỡng mẹ già. Sau khi từ mẫu qua đời, Trưởng Lão cất am thủ hiếu ba năm liền, được người đời gọi là "Bạch Hiếu Tử". Vì sinh nhằm thời quốc gia loạn lạc, nhiều con binh biến. Mãi cho đến năm 1947, Trưởng Lão mới thọ giới Cụ Túc tại núi Phổ Đà sau nhiều năm xuất gia, thân hành vạ dậm, chịu bao gian nan khổ cực.

Sau này, khi nghe tiếng một ngôi sau Bắc Đẩu của thiền tông, Đại Lão Hoà Thượng Hư Vân, đang khai đường thuyết pháp, chấn hưng mạch phái tại Tào Khê. Trưởng Lão không ngại bao gian khổ, vượt núi băng rừng, tìm đến Chùa Nam Hoa, tại Tào Khê, tỉnh Quảng Đông, năm 1948. Lúc đó Chùa Nam Hoa đang khai mở kỳ truyền giới vào mùa xuân. Trưởng Lão liền ghi tên thọ giới lại để báo danh bổ giới. Do đó chúng ta thấy Trưởng Lão rất tôn trọng giới luật.

Tôi gặp Trưởng Lão tại giới đường của Chùa Nam Hoa vào năm 1948. Lúc ấy tôi đang giữ chức vụ Khai Đường, tức là không những dạy các vị tân giới tử về những oai nghi đi đứng nằm ngồi, mà còn phải trông coi bao quát hết mọi công việc lớn nhỏ ở trong giới đường. Nếu các vị tân giới tử có vấn đề gì thắc mắc hay khó khăn, họ đều tìm đến tôi, cầu mong dạy bảo. Đương nhiên tôi dùng hết mọi khả năng, trí huệ để giải đáp và giúp đỡ họ. Khi đó tôi nhận thấy Trưởng Lão Độ Luân rất khiêm cung, lễ mạo, oai nghi

chỉnh tề, động tịnh nhẹ nhàng, nên biết đây chính là bậc Long Tượng, Sư Tử của đạo pháp và tương lai sẽ là vị chân chính tông phong, hưng long Phật pháp. Lúc ấy, tôi đã thành lập học viện giới luật tại Chùa Nam Hoa, nhưng vẫn còn thiếu một vị

Giám Học. Vị này phải là người có học phẩm khiêm ưu, tự biết làm tròn trách nhiệm. Sau khi kỳ truyền giới viên mãn, tôi liền thỉnh Trưởng Lão Độ Luân nhận chức vụ đó. Vừa đàm luận xong, Trưởng Lão liền nhận lời ngay. Từ lúc nhận chức vụ Giám Học, Trưởng Lão luôn tận trung tận lực hoàn thành trách nhiệm cho đến khi rời khỏi Chùa Nam Hoa.

Cuối năm 1949, tôi đi Hồng Kông. Trong hội nghị liên hợp Phật giáo tại Hồng Kông, tôi gặp lại Trưởng Lão Độ Luân. Thật đúng nếu có duyên thì đi đâu cũng gặp nhau cả.

Lúc đó từ Hồng Kông, do sự hướng dẫn của Pháp Sư Thành Viên, Trưởng Lão cùng một số Tăng sĩ đến Thái Lan.

Từ Thái Lan trở về Hồng Kông, định đặt mọi việc xong, Trưởng Lão liền khởi đầu tích cực bắt tay vào công tác hoàng pháp lợi sinh. Trước hết Trưởng Lão kiến lập Chùa Tây Lạc Viên gần sông Tây Loan, dùng pháp môn niệm Phật để nhiếp thọ chúng sinh cả ba căn tính (thượng, trung và hạ căn), và dẫn dắt những kẻ sơ cơ. Sau đó tại vùng Bảo Mã, Trưởng Lão kiến lập Giảng Đường Phật Giáo. Từ danh xưng chúng ta biết rằng Trưởng Lão dùng nơi đó để hoàng dương Kinh Điển Đại Thừa, nhiếp thọ, làm lợi ích cho tất cả những người lợi căn thượng trí, cùng tất cả chúng sinh. Nơi đó những người xuất gia cũng được lợi ích là có chỗ để nghỉ ngơi tu học. Tại Hồng Kông không những Ngài giảng Kinh thuyết

pháp, tiếp độ Tăng chúng mà còn ấn tống Kinh điển, khiến cho Pháp bảo được lưu truyền.

Nhớ lại lần nọ vì muốn in Kinh Hoa Nghiêm, Trưởng Lão viết thư thỉnh tôi trợ hộ việc ấn tống Kinh. Tôi trả lời là chỉ có thể in khoảng sáu mươi bộ thôi.

Bất cứ khi nào rảnh rỗi, Trưởng Lão Độ Luân thường nhận lời mời đi Đông Nam Á, hay đến những thành phố Sidney, Melbourne ở châu Úc để tuyên dương pháp hoá, lợi ích quần sinh. Năm 1962, trên đường đến nước Mỹ hoàng pháp, trưởng lão ghé lại Hạ Uy Di khoảng hai tuần. Nơi đó tôi thành lập một phái đoàn đón tiếp Ngài. Tôi cũng thỉnh Trưởng Lão thuyết pháp cho bốn chúng đệ tử rất nhiều vào dịp đó. Ở Hạ Uy Di hai tuần xong, Trưởng Lão bèn đáp máy bay đến Cựu Kim Sơn, nước Mỹ. Từ đó khoảng ba mươi năm trường, chúng tôi không có dịp gặp mặt nhau, vì bận rộn làm Phật sự, nhưng tôi rất vui mừng biết được Trưởng Lão rất thành công trong việc hoàng dương chánh pháp. Tuy không gặp mặt nhau, nhưng Trưởng Lão thường gọi điện thoại thỉnh mời tôi đến Vạn Phật Thành để giảng Kinh thuyết pháp. Vì bận rộn Phật sự, tôi rất lấy làm hối tiếc là phải từ chối.

Tháng sáu năm 1993, tôi đi Denver để thăm hội Phật giáo tại Colorado. Trên đường về lại Hạ Uy Di, tôi ghé lại vùng Cựu Kim Sơn và khởi hành một chuyến đi đặc biệt đến Vạn Phật Thành để thăm vị pháp hữu lâu năm chưa từng gặp gỡ. Tuy nhiên Trưởng Lão không có ở đó, vì bận việc Phật Sự tại Chùa Kim Luân ở Los Angeles. Tôi không ngờ được như thế, chỉ tự trách mình sao quá hàm hồ, chẳng báo tin trước. Không còn cách nào khác, tôi rời khỏi Vạn Phật Thành với niềm thất vọng. Tôi vừa rời Vạn Phật Thành thì các đệ tử của Ngài vội gọi điện thoại cho Trưởng Lão báo tin tôi đã đến. Vừa biết tôi đến vùng Cựu Kim Sơn, Trưởng Lão liền gọi điện thoại đến tất cả Chùa ở vùng Cựu Kim Sơn để tìm kiếm. Kết quả ngày thứ ba, Trưởng Lão tìm được tôi và thỉnh mời xuống Chùa Trường Đề ở Long Beach. Vì phải lấy chuyến bay về lại Hạ Uy Di vào bảy giờ tối cùng ngày, nên rất tiếc tôi phải từ chối. Được Trưởng Lão thỉnh mời đến Viện Dịch Kinh Quốc Tế, tôi liền nhận lời. Hai giờ chiều cùng ngày, tôi đến thăm viện Dịch Kinh Quốc Tế, được Thầy Hằng Thật cùng các vị Tăng Ni của Trưởng Lão ra tiếp đón. Họ hướng dẫn tôi đi thăm Viện

Dịch Kinh Quốc Tế và hai toà nhà vừa mới mua. Các nơi đó đều được trang hoàng, bố trí rất gọn gàng và đầy đủ. Đến năm giờ chiều, thăm viếng xong, Thầy Hằng Thật dâng tặng lễ vật và cung thỉnh tôi giảng Tâm Kinh vào lần thăm viếng đó.

Vào ngày 20 tháng 8 cùng năm (1993), khoảng hai giờ chiều, Trưởng Lão Độ Luân đột nhiên xuất hiện tại Chùa Hư Vân. Tôi rất ngạc nhiên khi gặp Trưởng Lão. Tôi hỏi Trưởng Lão đã đến tự bao giờ, và sao không báo tin trước để tôi ra tiếp đón tại phi trường. Trưởng Lão trả lời là vừa mới đến ngày hôm qua, và vì không phải là người ngoài nên Trưởng Lão không cần báo tin trước khi đến. Vì đã lâu mà không gặp nhau, dĩ nhiên là có rất nhiều chuyện để đàm luận. Tuy nhiên trong lúc nói chuyện, Trưởng Lão luôn thỉnh mời tôi đến Vạn Phật Thành để giảng Kinh. Trưởng Lão nói : "Để biểu sự thành tâm khẩn ý, lần này tôi tự thân đến cung thỉnh Pháp Sư đến Vạn Phật Thành giảng Kinh". Tôi trả lời là tất cả mọi việc đều tùy theo nhân duyên. Nếu nhân duyên chín mùi thì tôi nhất định sẽ đến Vạn Phật Thành. Chúng tôi đàm luận cả một buổi chiều trước khi chia tay. Tôi có ngờ đâu lần gặp mặt lần đó cũng là lần cuối cùng.

Gần đây, tôi được tin pháp thể của Trưởng Lão bất an, đang điều dưỡng tại Long Beach. Tôi nghĩ rằng Trưởng Lão luôn vì pháp vì người, nên sẽ bình phục mau chóng. Ngày 16 tháng 6 năm 1995, tôi đâu ngờ rằng nhận được hung tin từ Vạn Phật Thành là Trưởng Lão Độ Luân đã viên tịch vào ngày 7 tháng 6 năm 1995. Tin này như sét đánh. Ai nghe đến cũng đều kinh hãi giật mình, không lời gì để nói. Trưởng Lão Độ Luân viên tịch là tổn thất lớn cho Đạo Phật, cũng là sự mất mát lớn lao cho tất cả chúng sinh. Vì vậy chúng ta hãy cùng nhau ai điếu, truy niệm, cầu cho Trưởng Lão thừa nguyện trở lại, nhiều ích hữu tình.

Le Sutra du merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Ananda était un peu plus jeune que le Bouddha. En fait, Le Bouddha quittait sa famille quand il avait dix neuf ans et accomplissait la voie quand il avait trente ans. Ananda était né le jour où le Bouddha accomplissait la voie et à vingt ans, il quitta la maison et servait le Bouddha. Cependant, il n'avait pas entendu le Dharma enseigné par le Bouddha pendant les vingt premières années de l'enseignement. Comment, alors Ananda était-il capable de compiler les Sutras s'il n'avait même pas entendu ces vingt premières années de l'enseignement du Bouddha ?

C'est une bonne question. Ananda était le cousin du Bouddha ; il quitta la maison quand il avait vingt ans et faisait le serment de se rappeler et d'enregistrement tous les mots du Bouddha. Mais, puisqu'il n'avait pas entendu les premières années de l'enseignement du Bouddha, il demande au Bouddha de répéter tout pour lui. Alors, le Bouddha, en secret reparlait tous les Sutras à Ananda qui, au moyen de son excellente mémoire, les souvenait tous parfaitement. Ainsi, du début jusqu'à la fin, tout le Dharma dont le Bouddha parlait passait par ses oreilles, entraît directement dans son cœur et ne fut jamais oublié. Cependant, il est dit :

"La grande mer de la Doctrine du Bouddha
Se versait juste dans le cœur d'Ananda".

Ananda était en réalité un grand Bodhisattva qui manifestait provisoirement comme un Arhat. Tous les Sutras des Bouddhas passés furent compilés par Ananda. C'est pourquoi, après son éveil, il était capable de rappeler tout le Dharma parlé par les Bouddhas du passé. Le Dharma parlé par tous les Bouddhas est essentiellement le même.

Plus sur les quatre applications de la concentration.

La première application de la concentration est de contempler le corps comme impur. Nos

corps transparent constamment, si vous ne vous lavez pas, ils commencent à sentir mauvais. Les impuretés suintent toujours des neuf ouvertures sur

le corps. Les larmes et substances s'écoulent des yeux. Le cérumen s'accumule dans les oreilles. Le mucus vient du nez. Le flegme et la salive viennent de la bouche. Ajoutez l'excrément et l'urine des ouvertures éliminatoires et cela fait neuf. Cependant, vous devez considérer le corps impur.

Les êtres vivants accablés de lourdes cupidité doivent (contempler) cultiver la contemplation de l'impureté et observer l'impureté du corps. Ceux qui affligés du désir sexuel doivent appliquer cette contemplation pour neutraliser l'envie. Quoi que la femme soit belle ou l'homme soit attirant, ils sont toujours fondamentalement impurs. Puisqu'ils sont impurs, comment pouvez-vous les accrocher ? Comprenant leur impureté principale, vous ne continuerez pas à les désirer fortement et votre désir sexuel diminuera.

La deuxième est de contempler les sensations comme la souffrance. Tout ce que vous expérimentez, qu'il soit agréable ou désagréable, dérange votre esprit. Quand votre esprit s'agite, c'est la souffrance. Il y a beaucoup de sortes de souffrance. Il y a trois souffrances, les huit souffrances et toutes les souffrances illimitées.

Les trois souffrances sont :

1. La souffrance dans la souffrance : C'est la pauvreté et la misère aux quelles tous les êtres vivants sont sujets.

2. La souffrance de la déchéance : Vous pouviez jouir bientôt la richesse et l'honneur, mais ils tombent en décadence finalement. Peut-être vous avez une fortune assez grande mais ensuite le perdez dans une chute du marché de valeurs, ou peut-être votre état réel s'approprià à un grand projet.

3. La souffrance du processus : Nous tous subissons la souffrance du processus de la vie lui-même. De la naissance, nous passons dans la fleur de l'âge ; de la fleur de l'âge, nous entrons dans la

vieillesse. Le changement dans toute pensée est appelée la souffrance du processus.

Les huit souffrances sont :

1. La souffrance de la naissance.
2. La vieillesse.
3. La maladie, et
4. La morte.
5. La souffrance d'être séparé de ce qu'on aime.
6. La souffrance d'être autour de ce qu'on déteste.
7. La souffrance de ne pas obtenir ce qu'on veut.

8. La souffrance du feu furieux des cinq Skandhas. La forme, le sentiment, la pensée, l'activité et la conscience sont comme un feu en fureur. Ils sont notre ombre constante du le quelle nous ne pouvons jamais nous échapper. Soit agréable ou désagréable, les sentiments sont tous une sorte de souffrance, les sentiments agréables sont la cause des sentiments désagréables. Les sentiments peuvent être agréables, désagréables ou neutres. Du point de vue des trois souffrances, les sentiments désagréables sont la souffrance dans la souffrance ; les sentiments agréables sont la souffrance de la déchéance, et les sentiments neutres sont la souffrance du processus.

Les trois souffrances sont présentes dans les trois mondes : Le monde du désir, le monde de la forme, et le monde sans forme. Quoi que vous sentiez, il se relie à la souffrance. Si vous pouvez comprendre ceci, vous ne désirerez pas du plaisir et vous serez capable d'éviter la souffrance.

La troisième application de la concentration est de contempler les pensées comme impermanentes. Dans nos esprits, quand une pensée est produit, la pensée antérieure est éteinte. Cependant, lorsqu'une autre pensée se soulève, la précédante meurt. Les pensées se succèdent comme les vagues sur la mer. Pensée après pensée se soulèvent sans cesse, mais elles sont toutes permanentes. Toute pensée est vaine et irréaliste. Cependant, vous devez considérer les pensées comme permanentes.

La quatrième application de la concentration est de contempler les Dharmas comme le sans soi. Quels sont les Dharmas ? Généralement ils sont divisés en cinq catégories. Ils sont les expliqués en détail dans le SHASTRA POUR LA PORTE POUR (LA COMPREHENSION) COMPRENDRE LES CENT DHARMAS par le Bodhisattva Vasubandhu.

Il y a onze Dharmas de la forme.

Il y a huit Dharmas de l'esprit.

Il y a cinquante et un Dharmas appartenant à l'esprit.

Il y a vingt quatre Dharmas non réciproques avec l'esprit.

Il y a six Dharmas inconditionnés.

Ensemble il y a cent Dharmas. Bien qu'il ait tant de Dharma parmi eux tous il n'y a pas de soi. Cependant, vous ne devez pas vous attacher aux Dharmas. Quand vous avez cultivé jusqu'à l'extrême limite où les gens et les Dharmas tous deux sont vides, vous devez renoncer à l'attachement aux Dharmas. Si vous vous attachez à l'existence des Dharmas, vous contractez l'attachement du Dharmas. Il y a deux sortes d'attachements. L'attachement du soi et l'attachement du Dharma. Avant que les gens aient compris la doctrine du Bouddha, ils attachent au moi. Tout donne autour d'eux même. Avec attachement ils deviennent obstrués, pervertis et remplis de pensées rêveuses.

Une fois que vous comprenez la Doctrine du Bouddha, vous pouvez faire naître les attachements du Dharma. Ainsi le Bouddha parla les Quatre Applications de la Concentration et nous enseignait de contempler les Dharmas comme dépourvu du soi. Contemplez tous les Dharmas comme n'ayant pas de soi. Puisqu'il n'y a pas de soi, comment pouvait-il y avoir des Dharmas ? Cependant vous devez contempler les Dharmas comme sans un soi.

Bien qu'il ait Quatre Applications, vous pouvez les diviser et appliquer chacune des quatre qualités caractéristiques -- l'impureté, la souffrance, l'impermanence et le non soi -- pour le corps, les sentiments, la pensée et les Dharmas, qui font un total de seize contemplations en tout.

Considérez le corps comme impur ; les sentiments, les pensées et les Dharmas sont aussi impures. Considérez les sentiments comme la souffrance : Le corps, les pensées, et les Dharmas sont aussi la souffrance. Considérez les pensées comme impermanentes et ainsi que le corps, les sentiments et les Dharmas. Considérez les Dharmas comme sans soi et ainsi que le corps, les sentiments et les pensées. Le Bouddha dit à ses disciples qu'après son entrée dans le Nirvana, ils doivent toujours se fixer ces Quatre Applications.

Le résumé a été pris du commentaire du Maître Chih Che pour le Sutra par le Maître Ngou-I de la Dynastie de Ming. Il a trois titres principaux

A1. L'introduction générale pour les divisions des branches et de la racine du Sutra.

A2. L'explication spécifique des divisions de la racine et des branches du Sutra.

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

SUTRA : LE SUTRA DU PLUS AVANCE SHURANGAMA AU GRAND SOMMET DU BOUDDHA QUI CONCERNE LA CAUSE SECRETE DE LA PRATIQUE DU TATHAGATA, SA CERTIFICATION AU SENS COMPLET ET AUX MYRIADES PRATIQUES DE TOUS LES BODHISATTVAS.

Commentaire : Ces mots sont le titre complet du Sutra. Tous, sauf le mot "Sutra" sont la désignation spécifique qui différencie ce Sutra des autres. Le mot "Sutra" est la nomination commune pour tous les discours du Bouddha.

Les titres du Sutras, dans le Tripitaka sont classés dans sept genres, qui sont divisés plus largement en trois types de titres simples, trois types de doubles titres, et les titres complets.

Les trois genres de titres simples sont:

1. Les titres de Sutra qui se réfèrent seulement aux gens. LE BOUDDHA PARLE LE SUTRA AMITABHA est un exemple de ce genre, le Bouddha et Amitabha sont tous deux des personnes ; seulement des personnes sont nommés dans ce titre.

2. Les titres de Sutra qui se réfèrent simplement au Dharma. LE SUTRA MAHA PARI-NIRVANA est un exemple. Nirvana est le Dharma de la Non-Production et de la Non-Extinction.

3. Les titres de Sutra qui contiennent seulement une analogie. Le titre du SUTRA BRAMA-NET se reporte à l'analogie discutée dans ce Sutra.

Les trois types de double titres sont :

4. Les titres de Sutra qui se réfèrent à la fois aux gens et au Dharma. Le titre MANJUSHRI DEMANDE LE SUTRA PRAJNA montre que Manjusri, une personne, demande le Prajna, un Dharma.

5. Les titres de Sutra qui se réfèrent à la fois aux gens et à une analogie. Dans le titre du SUTRA DU RUGISSEMENT DU LION DE

CELUI-venu-AINSI. Le Celui-Venu- Ainsi est une personne et le Rugissement du Lion est une

analogie pour l'enseignement du Dharma du Bouddha.

6. Les titres de Sutra qui se réfèrent à la fois le Dharma et à une analogie. Un exemple est le SUTRA DU MERVEILLEUX DHARMA DE LA FLEUR DE LOTUS. Le Merveilleux Dharma est le Dharma, et la Fleur de Lotus est l'analogie.

Les titres complets sont :

7. Les titres de Sutra qui font allusion aux personnes, au Dharma et à une analogie. LE GRAND SUTRA DE L'ORNEMENT DE LA FLEUR UNIVERSELLE DU BOUDDHA est un exemple. Grand et Universelle se réfèrent aux Dharmas, le Bouddha est une personne, et l'Ornement de la Fleur est une analogie, par lesquels, des myriades pratiques qui mènent à l'illumination sont dites d'être fleurs qui ornent l'obtention vertueuse et sans égale de l'illumination.

Chaque titre de Sutra appartient à un de ces sept genres, et ce qui explique les Sutras devait être capable de les expliquer. Si vous ne comprenez pas ces sept titres, comment pouvez-vous expliquer les Sutras pour les autres ? Comment pouvez-vous enseigner aux autres de devenir illuminés quand vous n'êtes pas éveillé vous-même. Vous ne devriez pas être comme des gens qui décident de se qualifier des Maîtres Dharma après avoir lu un livre ou deux malgré le fait qu'ils ne peuvent pas expliquer même un des sept genres de titres de Sutra ou les cinq significations secrètes ou une seule porte des dix portes pour la discrimination. C'est vraiment un cas de surexubérance. En expliquant les Sutras et en enseignant le Dharma sans ayant parvenu à une compréhension réelle, ces gens envoient la plupart de leurs auditeurs aux enfers, et eux-aussi, ils tombent. Une fois, là bas. Quelle pitié ! C'est seulement, après avoir parvenu à une compréhension authentique et à une sagesse authentique dans l'étude du Dharma du Bouddha que l'on peut enseigner et transformer des êtres vivants sans faire des erreurs.

Pour expliquer les principes inépuisables contenus dans le Sutra Shurangama, j'emploierai les dix portes pour la discrimination de l'Ecole Hsien Shou plutôt que les cinq significations secrètes de l'Ecole T'ien T'ai. L'Ecole Hsien Shou et l'Ecole T'ien T'ai sont les deux grandes Ecoles du Bouddhisme chinois. Certains Maîtres Dharma qui expliquent les Sutras, ont étudié seulement une des deux Ecoles et alors, leur explication n'arrive toujours pas au niveau de la "pénétration parfaite sans obstruction".

Les Dix Portes pour la Discrimination de l'Ecole Hsien Shou sont :

1. L'explication Générale du Titre.
2. Les causes et les conditions pour l'apparition de l'Enseignement.
3. La division dans laquelle, le Sutra est compris et le Véhicule auquel il appartient.
4. L'examen de la profondeur du sens et du principe.
5. L'expression de la substance de l'Enseignement.
6. L'identification des individus appropriés capable de recevoir l'Enseignement.
7. La distinction de la pénétration du principe et de ses implications.
8. La détermination du temps.
9. L'histoire de la transmission et de la traduction.
10. L'explication spécifique du sens du texte.

1. L'EXPLICATION GENERALE DU TITRE.

"Le Sutra Du Plus Avancé Shurangama Au Grand Sommet Du Bouddha Qui Concerne La Cause Secrète De La Pratique Du Tathagata, Sa Certification Au Sens Complet Et Aux Myriades Pratiques De Tous Les Bodhisattvas" est le nom entier de ce Sutra.

Le mot "Grand" ici a quatre aspects et se reporte à une grande cause, une grande signification, une grande pratique et un grand résultat.

La grande cause est une cause secrète. Elle se diffère des autres causes dans laquelle, les gens ordinaires ne la connaissent pas ; les adhérentes aux religions non Bouddhistes ne la comprennent pas ; et ceux des deux véhicules, les Shravakas et les Pratyekabouddha, ne se sont pas rendus compte de celle-ci. Ainsi, il est grand.

La grande signification est le "sens complet" : La culmination de sa pratique de la voie qui guide vers la certification.

La grande pratique comprend les myriades pratiques de tous les Bodhisattvas. Le grand résultat est le Shurangama le plus avancé. A cause de ces quatre genres de grandeur, le titre commence en chinois par le mot grand.

"Bouddha" est un mot Sanscrit qui fut traduit en chinois comme Fwo Two Yeh et abrégé plus tard au Fwo. Bien que beaucoup de gens pensent que le mot Fwo est chinois pour le Bouddha, c'est en fait seulement la première syllabe de la transcription totale du Sanscrit "Bouddha". Bouddha signifie "illuminé", "éveillé". Il y a trois sortes d'illuminations : Illumination de soi, l'illumination des autres et l'illumination complète.

Le Bouddha est illuminé lui-même. Son état d'être est différent de celui connu pour les gens ordinaires et ignorant. Cependant, illuminer soi-même n'est pas assez. On doit aussi éveiller les autres. L'illumination des autres implique à imaginer des moyens pour faire tout le monde de devenir illuminer.

Dans l'illumination de soi et l'illumination des autres, il y a des diverses étapes et des myriades distinctions. Il y a par exemple des petites illuminations, qui ne sont pas complètes et il y a la grande illumination, qui est totale. Le Bouddha a réalisé lui-même la grande illumination et il cause aussi les autres d'obtenir la grande illumination.

L'illumination complète est la perfection d'illumination et de pratique, la perfection à la fois de l'illumination de soi et de l'illumination des autres.

Le Bouddha a perfectionné les trois sortes d'illuminations et alors on dit qu'il est orné par des myriades sortes de conduites vertueuses.

Les trois illuminations perfectionnées,
Les myriades vertus complètes ;
Il est appelé ainsi le Bouddha.

Certains peuvent se demander pourquoi les gens croient en Bouddha. C'est parce que nous sommes des Bouddhas nous-mêmes. C'est à dire, nous sommes essentiellement des Bouddhas, mais en ce moment, nous sommes confus et sommes incapable de réaliser la Bouddhéité. La raison que je dis que nous sommes en fait des Bouddhas est que Bouddha a dit lui-même : "Tous les êtres vivants ont la nature du Bouddha ; tous peuvent devenir des Bouddhas. C'est seulement à cause de la fausse réflexion et des attachements qu'ils sont incapables de réaliser l'obtention". Les fausses pensées des être vivants se déplacent au Nord, au Sud, à l'Est, et à l'Ouest, au-dessus et en dessous. Ils pénètrent tout à coup les cieux et forment soudain la terre. Ils atteignent tout lieu imaginable et leur

nombre sont incalculable. Savez-vous combien de fausses pensées, vous avez en un seul jour ? Si vous en connaissez, vous êtes un Bodhisattva. Si non, vous êtes encore une personne ordinaire.

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La Suite

Le Texte : Les moyens de la tenue du Mantra.

Le but de la constitution des rites de cérémonie d'une plateforme est dans l'intérêt de ceux qui recherchent la manifestation et la certification. S'il y a des moines et les laïcs qui maintiennent le Mantra au hasard, alors, il est plus important pour eux d'être sincère et respectueux.

Le Sutra Shurangama dit : "S'il y a des êtres vivants qui ont des esprits dispersés, qui ne possèdent pas le Samadhi mais qui se souviennent du Mantra avec leurs esprits et le soutiennent de leurs bouches, alors les rois du Vajna s'occuperont constamment de ces bons gens. Combien y aura-t-il de pareils gens qui sont fermement résolus au Bodhi".

De plus, le Sutra dit : "Même si de pareils gens n'avaient pas établi un lieu de la voie ou pratiqué la voie, mais récitaient et maintenaient le Mantra, leur mérite et vertu ne seraient pas différents du fait d'entrer dans la tribune et pratiquer la voie. Il en est de même pour ceux lisent, récitent, copient ou éditant ce Mantra, ou même s'ils l'ont sur eux, ou placé chez eux, dans leurs villages, fermes, jardins ou loges, leurs mauvais Karmas accumulés vont fondre comme la neige au contact de l'eau chaude. Dans un proche avenir, ils s'éveilleront à la lumière de la Patience de la Non-Production !

Cependant, pour analyser ceci plus longuement, il doit y avoir une interaction des trois pratiques secrètes. C'est à dire :

1. Avec la bouche qui maintient le Mantra spirituel.

2. Avec l'esprit qui contemple les lettres Sanscrites.

3. Avec la main qui fait les mudras.

Ceci est appelé "Les trois plateformes".

I. La plateforme des mots du Mantras :
Chaque fois, on devrait maintenir le Mantra en

entier une fois et puis maintenir le cœur du Mantra cent huit fois ; ou on peut tenir le Mantra

en entier une seule fois au matin ou simplement maintenir le cœur du Mantra cent huit fois. De cette façon, on peut toujours obtenir les bénédictions infinies.

II. La plateforme de la considération mentale : Le Bouddha dit que ce Mantra était appelé, "MWO HE SA DAN TWO BWO DA LA TWO LO NI JOU : DWO JR TWO, NAN E NA LI PI SHE TI PI LA BA SHE LA TWO LI PAN TWO PAN TWO NI BA SHE LA BANG NI PAN HU SYIN DU LU YUNG PAN SWO PE HE.

Ici on devrait observer les lettres Sanscrites du cœur du Mantra. On devrait fixer tout syllabe dans son esprit, à tel point que si ses yeux sont ouverts ou fermés, chacun de ces caractères apparaît très nettement dans sa vision. Seulement alors on peut accomplir le Samadhi.

Commentaire : LES MOYENS DE LA TENUE DU MANTRA.

"Tenue" veut dire que votre esprit reçoit le Mantra et votre corps le soutient. Il se réfère aussi à la tenue avec votre esprit, juste comme tenant quelque chose dans votre main. Quand vous tenez le Mantra, vous le récitez dans votre esprit et vous ne le perdriez ni ne l'oublierez. Vous avez toujours conscience de ce que vous faites, lorsque vous récitez et tenez le Mantra. Quand vous récitez le Mantra, vous deviez constituer un plateforme, juste comme s'il y a un plateforme de préceptes, quand les préceptes sont transmises. En récitant le Mantra, vous avez la tribune pour le Mantra. Quand vous récitez votre Mantra, le programme devrait être pur. Vous ne devriez pas laisser quiconque d'entrer dans la tribune. Il devrait y avoir seulement les personnes qui maintiennent le Mantra, qui pratique le Dharma à cet endroit. Le but de la constitution des rites d'une tribune est dans l'intérêt de ceux qui recherchent la manifestation et la certification. Il

y a des règles pour la constitution de la tribune. Le Sutra du Shurangama explique la méthode pour installer cette tribune. Pour ceux qui cherchent la certification, ils peuvent obtenir des avantages en utilisant la tribune. C'est à dire, on est capable de certifier les bénéfiques de Mantra. S'il y a des moines et des laïcs qui maintiennent la Mantra par hasard sans un lieu de la pratique ou une tribune, mais juste le réciter, alors il est plus important pour eux d'être sincères respectueux.

Le Sutra du Shurangama dit, "s'il y a des êtres vivants qui ont des esprits dispersés, qui ne possèdent pas le Samadhi, mais qui se souviennent du Mantra avec leurs esprits et le tiennent avec leurs bouches, alors les rois du Vajna s'occuperont constamment de ces bons gens. "Les rois du Vajna constamment avec vous. Ceci signifie qu'il y aura les quatre vingt quatre milles protecteurs du Dharma, les rois du Vajna, qui vous accompagneront constamment et tous ces bons gens. Les rois du Vajna protégeront constamment tous ces bons gens. "Combien y aura-t-il de pareils gens qui sont fermement résolus au Bodhi".

De plus, le Sutra dit, "même si de pareils gens n'ont pas constitué un endroit pour pratiquer, s'ils n'ont pratiqué pas la voie non plus, mais récitent et tiennent ce Mantra, leur mérite et vertu ne seraient pas différents de celui de ceux qui entrent dans la tribune et pratiquent la voie". Votre mérite et vertu seraient les mêmes que la personne qui est entrée dans la tribune pour pratiquer le Dharma. Qu'il s'agisse de lire, réciter, copier ou écrire ce Mantra; ou le garder sur soi ; ou la placer dans leurs maisons, villages, fermes, jardins ou loges, serait efficace pour chasser tout leur Karma accumulé juste comme la neige fondue par l'eau chaude. Dans un avenir proche, ils s'illumineront de la Patience de la Non-Production !

Cependant, pour analyser ceci plus longuement, il doit y avoir l'interaction des trois pratiques secrètes. Quand ces trois secrètes sont en accord, alors vous aurez une réponse.

1. Avec la bouche qui tient le Mantra spirituel.

Pourquoi est-il appelé "spirituel ?" Parce qu'il est inconcevable, merveilleux au delà des mots.

2. Avec l'esprit qui contemple les lettres Sanscrites.

3. Avec la main qui fait les Mudras.

Vos mains font des gestes (signes), "des signes du sceau", ou "des cachets". Ceci est connu comme l'action réciproque des trois

pratiques secrètes. "Ceci est appelé les trois tribunes". C'est le moyen initial de la tenue du Mantra. Pour l'action mutuelle des trois pratiques secrètes : La première est les syllabes du Mantras.

I. LA TRIBUNE DES SYLLABLES DU MANTRA : Quand vous tenez le Mantra, vous aurez naturellement une tribune. "Chaque fois, on devrait tenir le Mantra en entier une seule fois, et puis retenir le cœur du Mantra cent huit fois". Peut-être vous faites cette pratique de bonne heure chaque jour. Ou vous le faites plusieurs fois par jour. En tout cas, vous récitez d'abord le Mantra en entier une fois, puis le cœur du Mantra cent huit fois. Le cœur du Mantra commence avec "DWO JR TWO NAN", C'est quelques derniers mots du dernier chapitre :

DWO JR TWO, NAN, E NA LI, PI SHE TI, PI LA BA SHE LA TWO LI, PAN TWO PAN TWO NI, BA SHE LA BANG NI PAN, HU SYIN DU LU YUNG PAN, SWO PE HE.

Ceci forme la tribune des syllabes du Mantra. Le cœur du Mantra est ineffablement merveilleux. Si personne dans ce monde n'est capable de réciter le Mantra du Shurangama, les hordes des démons et les êtres étrangers apparaîtront et créeront des troubles. Mais, parce qu'il y a des gens qui sont capables de réciter le Mantra du Shurangama particulièrement le cœur du Mantra, les fauteurs de troubles s'éloigneront. Dans le cœur du Mantra, les deux lignes :

E NA LI, PI SHE TI sont extrêmement puissantes, une ligne se prolonge verticalement, l'autre horizontalement. La verticale consume le triple mondes et l'horizontale se répand dans les dix directions. Quand ces deux lignes sont récitées, ils font que les démons célestes et ceux des voies extérieures n'aient aucun lieu d'être et ils deviennent très obéissants. Le pouvoir de ces deux seules lignes est inimaginable. "On peut retenir le Mantra en entier une fois, le matin ou simplement tenir le cœur du Mantra cent huit fois. De cette façon, on peut toujours obtenir des bénédictions immensurables".

Lorsque vous récitez le Mantra du Shurangama en entier une fois et le cœur du Mantra cent huit fois, vous serez capable d'obtenir des bénédictions qui sont innombrables et sans bornes. C'est pourquoi, on dit : "Si vous êtes capable de réciter le Mantra du Shurangama, alors pendant sept vies qui viennent vous aurez une récompense de grandes bénédictions et honneur". C'est à dire : Si vous cherchez la

bénédictio, si vous voulez chercher à transcender le monde, alors vous serez aussi capable d'atteindre votre but. Si vous désirez chercher ces bénédictions, des Humaines et des Dieux, vous serez capable de les obtenir. Si vous ne voulez pas les rechercher, alors vous ne les aurez pas. Ceci est la première partie de la tribune qui consiste des syllabes du Mantra.

II. LA TRIBUNE DE LA CONSIDERATION MENTALE : Quand vous récitez le cœur du Mantra, vous évoquez l'image des syllabes Sanscrites.

"Le Bouddha dit que ce Mantra est appelé, "MWO HE SA DAN TWO, TWO BWO DA LA TWO LO NI JOU",

DWO JR TWO, NAN, E NA LI, PI SHE TI, PI LA BA SHE LA TWO LI, PAN TWO PAN TWO NI, BA SHE LA BANG NI PAN, HU SYIN DU LU YUNG PAN, SWO PE HE.

Il y a des choses que vous n'avez pas besoin de comprendre. Si vous deviez comprendre, alors vous perdriez l'intérêt. Si vous ne comprenez pas, alors vous avez un ressentiment qu'il y a quelque signification dans cela, il y a quelque chose que vous ne savez pas encore. C'est juste comme avant de manger quelque chose, nous anticipons toujours que cela sera bon. Mais après l'avoir mangé, nous disons, "Oh ! c'est juste comme cela", et nous perdons l'intérêt. Pratiquant la voie est juste comme cela. Si vous ne connaissez pas le sens du Mantra, vous ne connaissez pas le sens des syllabes, vous ressentez toujours que c'est ineffablement merveilleux. Si vous reconnaissez ces mots, vous n'êtes plus incité à y faire attention, se représentant les syllabes Sanscrites est aussi bien comme ceci, parce que nous ne savons pas ce qu'elles veulent dire. Ce n'est pas comme votre propre langage natif, où vous savez que le mot "gros" veut dire "gros" ; le mot "Bodhisattva" juste signifie Bodhisattva. Evidemment, ceux qui connaissent le Sanscrit, comprendront ce que signifient ces syllabes, mais ceux n'ont pas étudié le Sanscrit voudront y méditer.

En méditant ces syllabes Sanscrites, vous pouvez obtenir les cinq yeux et les six pouvoirs spirituels. Exercez à méditer ces syllabes Sanscrites une par une nettement, que vos yeux soient ouverts ou fermés. Après quelque temps, bien que vous ne compreniez pas, le miracle de celles-ci se manifestera et vous ouvrirez vos cinq yeux et obtiendrez les six pouvoirs spirituels. Une fois que vous avez fait ceci, vous comprendriez les causes et pénétriez les effets. C'est une des méthodes de pratiquer votre esprit. Lorsque vous

méditez les syllabes Sanscrites, votre esprit n'aura pas de fausse réflexion. Vous mettez chaque syllabe dans votre cœur et alors vos yeux s'ouvrent et avec vos yeux fermés, vous les verrez clairement. Après avoir ceci pendant quelque temps, vous aurez la concentration, le pouvoir du Samadhi, "Seulement après on peut accomplir le Samadhi."

TEXTE :

III. Le programme des Mudras : Après la méditation, on devrait avoir connaissance des mudras. Selon les cérémonies de la récitation du Mantra. Les deux premiers doigts seront pliés légèrement quand ils réunissent ; les petits doigts s'assembleront verticalement et ceci fait l'apparition du mudra. De plus, le Mantra du mudra est le même que le mudra du sommet des cinq Bouddhas, dans lequel les paumes sont creuses. Le mudra des paumes du Vajna est comme les pétales de la fleur sur les paumes. On a besoin seulement de faire un de ces trois mudras et de cette manière, on accomplit le roi Shurangama, le mudra du cœur du Mantra de la nuage blanche du Bouddha du Sommet.

En complétant ce mudra, on devrait réciter le Mantra. Ensemble ceci forme l'action mutuelle des trois pratiques secrètes. On sera alors capable d'atteindre les trois roues, les transformations inimaginables de tous les Bouddhas. Quoique vous cherchez mondaine ou transcendantal, ce sera comme vous le souhaitez!

Les trois Mantras de la division secrète : En récitant ces Mantras, une tribune est constituée :

1. D'abord, récitez les Vrais Mots du Monde du Dharma :

NAN VA JRA TWO DU WAN.

2. Ensuite, récitez les Vrais Mots de la Purification :

NAN LAN SWO HE.

3. Enfin, récitez les Vrais Mots des Trois Tribunes :

NAN YA HUNG.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA.

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

PRAJNA,

Bambou vert... Les fleurs jaunes...

Tout est Prajna.

Le mot Prajna vient du Sanscrit et est compté parmi les cinq sortes de mots qui ne sont pas traduits qui sont établis par le Maître Dharma Hsüan Tsang pendant la dynastie de T'ang. La liste comprend des mots qui ne sont pas traduits parce qu'ils

1. Sont secrets ;
2. Ont beaucoup de significations ;
3. Se reportent à quelque chose qui n'existe pas dans le pays du traducteur ;
4. Traditionnellement n'ont pas été traduits ;

et

5. Sont des termes honorés.

Bien que Prajna pouvait être traduit par "la sagesse", parce qu'il contient beaucoup de significations, le Sanscrit d'origine est retenu.

Il y a trois sortes de Prajna :

1. Le Prajna littéraire ;
2. Le Prajna contemplatif
3. Le vrai signe du Prajna.

Les Sutras qui élucident les principes du Prajna peuvent être groupés dans les huit divisions et aussi tombent dans dix catégories qui sont :

1. Le grand Sutra du Prajna. Il consiste en 600 volumes de la littérature du Prajna. Quand le Maître Tripitaka Hsüan Tsang traduit le grand Sutra du Prajna, les pêcheurs fleurissaient six fois en une année, ordinairement, les pêcheurs fleurissent seulement une fois par an, mais pendant la période de la traduction, les fleurs s'ouvrirent et tombèrent approximativement une fois tous les deux mois, ou six fois pendant l'année.

2. Le Sutra de la lumière émis du Prajna, consistant en 30 volumes, avait parlé par le Bouddha lorsqu'il lançait la lumière.

3. Le Sutra du Mahaprajna, consiste aussi en 30 volumes, et Maha veut dire grand, Ce Sutra n'est pas le Sutra du grand Prajna inscrit au-dessus.
4. Le Sutra de la lumière glorifiée du Prajna qui consiste en 10 volumes, est alors

parlant Prajna, le Bouddha émettait la lumière pour le glorifier.

5. Le Sutra de la voie conduite du Prajna consiste en 10 volumes.

6. Le Sutra des plus courts chapitres sur le Prajna consiste aussi en 10 volumes.

7. Le Sutra Prajna du roi victorieux céleste contient sept volumes.

8. Le Sutra du roi humain qui protège son pays consiste en 2 volumes.

9. Le Sutra du vrai Signe Prajna est complet en un volume

10. Les questions de Manjusri sur le Sutra Prajna consiste aussi en un volume

A l'intérieur de ces dix catégories sont contenus un total de 701 volumes des Sutra Prajna.

Une investigation du Dharma devrait comprendre la considération (des places) des dieux dans laquelle le Bouddha parlait Dharma et le nombre des rassemblements qui recevait l'enseignement. L'enseignement du Prajna était parlé en 4 lieux à seize rassemblements :

1. Sept rassemblements étaient tenus au bec du vautour, appelé aussi la montagne de l'efficace vautour, près la maison de ville des rois.

2. Sept rassemblements étaient tenus à la ville de Sravasti à la grotte de Jeta dans le jardin du bienfaiteur des orphelins et le solitaire. C'est là où le Sutra Vajra avait parlé.

3. Un rassemblement était tenu dans le Palais du trésor des bijoux Mani de la Félicité du ciel des transformations des autres.

4. Un rassemblement était tenu à côté de la masse des hérons blancs dans le parc des bambous de la forêt près la maison des rois.

Le Sutra du Vajra Prajna Paramita avait parlé au troisième rassemblement tenu à la deuxième localisation, la grotte de jeta. Alors le Sutra étant, "Ainsi, j'ai entendu une voix, le Bouddha était resté à Sravasti dans la grotte de Jeta, dans le jardin du Bienfaiteur des orphelins et le Solitaire."

Des trois sortes de Prajna. (littéraire, contemplatif et le vrai signe) Prajna littéraire ressuscite l'étude des Sutras, mais une vraie compréhension de la littérature seulement pénètre

le Prajna contemplatif. La sagesse contemplative, pleinement développée, pénètre le but final : le vrai signe Prajna. Si Prajna ne manifeste pas, c'est simplement une indication que la sagesse fondamentale inhérente dans tous les gens n'a pas été réalisée. La sagesse qui est le vrai signe Prajna s'élève seulement quand nourri par les eaux du Prajna littéraire et contemplatif.

PARAMITA

Certains disent que c'est aussi doux comme l'ananas. Il est le plus sucré des sucreries. Il est la séparation de la souffrance et la réalisation de la béatitude. Chaque fois qu'un travail est bien fait, les gens en Inde disent que c'est "Paramita", juste comme nous dirions c'est "fini". Mais PARAMITA signifie plus que juste fini, il veut dire le travail a été parfaitement achevé.

PARAMITA signifie "atteint, parvenu à une autre côte". Si vous prenez un pont ou un bac de San Francisco à Oakland, votre arrivée à Oakland est "Paramita". Recevant un certificat de promotion de l'école maternel est "Paramita". Obtenant un diplôme du lycée est "Paramita". Acquérant une licence est "Paramita". Un grade de Maître, un Doctorat sont aussi "Paramita".

A présent, nous sommes sur ce côté du cycle de renaissances et de morts. En traversant la mer de la souffrance, nous pouvons parvenir de l'autre côté du Nirvana. Ceci est "Paramita".

Tout peut être "Paramita". Par exemple, une personne suit les pratiques de la méditation Dhyana. Le jour où cette personne s'illumine sera le jour du Paramita. (Le Sutra du Shurangama) La conférence du Sutra du Shurangama et la session de la pratique en été de 1968 avait un autre exemple. Le jour où il débutait était "cette côte". Cent et six jours après était Maha Prajnaparamita. En général, tout travail bien fait et totalement fait est appelé Paramita.

Maintenant nous étudions tout l'enseignement du Bouddha. Au début, il est difficile de comprendre, et alors la plupart des gens viennent à la salle de conférence une fois et n'ose plus retourner, effrayés par l'extrême difficulté dans la pratique. D'abord on a besoin de bonnes racines et puis on a besoin de patience. Ceux qui restent à appliquer viennent réaliser que l'enseignement du Bouddha est la chose la plus importante dans le monde "Si je ne comprends pas l'enseignement du Bouddha, c'est comme si je n'ai pas assez mangé. Je dois entendre les Sutras et écouter le Dharma c'est plus délicieux que l'excellente nourriture dans le meilleur restaurant. Si le fait d'écouter les Sutras peut introduire le plaisir dans le cœur de quelqu'un. Quand on

écoute attentivement le Sutra en entier, cela aussi est appelé Paramita. L'ananas, Po Loa Duo, et Parasita, Po Loa Mi, contiennent les mêmes caractères, Po Loa Mi signifie "doux" ; ainsi le jeu de mots : doux comme l'ananas.

SUTRA

Les Sutras assurent une route pour voyager dans la pratique. En allant de la route des naissances et de morts à la route de Non-Naissances et de non morts, la personne ordinaire pénètre l'état de la sagesse à la Bouddhité. Celui qui souhaite marcher sur cette route doit compter sur le Dharma pour pratique. Le Dharma est dans les Sutras.

Le mot Sutra a beaucoup de significations.

1. Il est appelé "une émanation" parce qu'il vient de la bouche du Bouddha

2. Sutra est appelé aussi "une révélation éclatante" parce qu'il peut illuminer le monde entier avec ses lumières.

3. Sutra est appelé aussi "un constant" parce qu'il est une méthode qui ne change jamais. Que ce soit dans le passé ou dans le présent le Sutra reste le même. Aucun mot ne peut être enlevé, ou ajouté. Il ne peut ni augmenter ni diminuer.

4. Le Sutra "corde ensemble". Comme les grains sur une ficelle, le principe de l'enseignement du Bouddha est étroitement uni dans les lignes du Sutra du commencement à la fin.

5. Le Sutra "attire" les êtres vivants de la même manière qu'un aimant attire les limailles de fer. Les êtres vivants submergés dans les Sutras parviennent à avoir une compréhension profonde de l'enseignement du Bouddha

6. Le Sutra est "une méthode" d'application tenue dans la vénération par les êtres vivants dans le passé, au présent et au futur.

Le Sutra est aussi appelé "un printemps bouillonnant", les principes s'écoulent des Sutras comme l'eau du printemps bouillonnant qui mouille la terre entière, en causant tous les êtres vivants d'être rempli de joie du Dharma et d'obtenir le délicieux d'aliment Dhyana. Le titre complet du Sutra est le Sutra du Vajra Prajna Paramita.

Préface :

Le traducteur

Traduit par Kumarajiva, le Maître du Dharma Triplitaka pendant la Dynastie YAO CH'IN.

1) Pendant la période de Yao Ch'in,

Kumarajiva, le Maître Tripitaka traduit le Sutra, en donnant comme titre le Sutra du Vajra Prajna Paramita.

Plus tard dans les temps, le Sutra parvenait à être traduit par les autres Maîtres du Dharma.

2) Bodhiruci, Maître du Dharma le traduit dans la période de Yuan Mei et employait le même titre que Kumarajiva.

3) Paramartha, Maître du Dharma traduit le Sutra plus tard dans la Dynastie Ch'en aussi sous le même titre.

4) Pendant la Dynastie Sui, Upagupta, maître du Dharma traduisait le Sutra sous un titre différent. Il ajoutait le mot "coupant", appelant le Sutra du Vajra Coupant Prajna Paramita.

5) Pendant la dynastie de T'ang, durant la 19ème année de la période de la règne de Chen Kuan, Hsuan Tsang, Maître du Dharma traduisait le Sutra, en renversant légèrement le titre d'Upagupta et l'appelant le Sutra du Vajra qui peut couper le Prajna Paramita. Hsuan Tsang, Maître du Dharma était un grand moine, vertueux, important qui marchait de la Chine à l'Inde via la Sibérie pour étudier les Sutras. Après l'étude de 14 ans, il retournait en Chine pour traduire les oeuvres qu'il avait collectionnés.

6) I Ching, le Maître du Dharma étudiait aussi en Inde, et retournait en Chine pendant le règne de l'impératrice Wu Tsai Tsien qui fit une grande démonstration de sa protection du Bouddhisme et chargeait le Maître du Dharma I Ching de traduire les Sutras. Sa traduction du Sutra portait le même titre que celui du Maître du Dharma Hsuan Tsang.

De ces six traductions, la traduction du Maître du Dharma Kumarajiva est considérée comme la plus belle. C'était le Maître di Vinaya Tao Hsuan qui découvrit que les raisons des traductions du Maître Kumarajiva sont les seules que les gens aiment plus à lire et à réciter. Le Maître Vinaya Tao Hsuan pratiquait spécialement les préceptes et les règles. Dans les quatre grands mouvements : Marcher, rester debout, être assis et être allongé, il était extrêmement lucide.

Comme est dit dans le Sutra du Shurangama, " il régularise rigoureusement son attitude hors du respect sévère pour le pur Dharma." Un pareil comportement commande le respect des fantômes et esprits aussi bien que des hommes et des dieux. Le Maître Vinaya Tao Hsuan était un modèle pour tous de suivre.

Les quatre grandes attitudes se reportent à marcher, debout, assis et allongé. Marcher comme le vent. Cela ne veut pas dire comme un

grand vent qui arrache les montagnes, déracine les arbres et renverse les maisons. Il est comme une petite brise. Etre debout comme un pin. Être assis comme une cloche, cela ne veut pas dire comme le battant de la cloche qui se balance toujours.

Etre assis comme les cloches anciennes qui étaient faites si lourdes, rien ne pourrait les bouger. Alors, on a suffisamment de pouvoir de concentration de s'allonger comme un arc. Il est appelé "heureux d'être allongé". Mettre votre main droite sous votre joue droite, et votre main gauche sur votre cuisse gauche.

Le Bouddha Sakyamuni entra dans le nirvana en position d'heureux d'être allongé.

En réponse à la superbe pratique du Maître Vinaya Tao Hsuan de trois milles comportements et de quatre-vingt mille pratiques douces, les Dieux lui apportaient des offrandes. Ceux d'entre vous qui souhaitent d'être des grands maîtres devraient protéger et maintenir les préceptes et les règles, et alors les Protecteurs du Dharma et les bons esprits vous protégeront. Si vous violiez les préceptes, ils ne vous protégeront pas. Le Maître du Vinaya Tao Hsuan était "digne et pur dans le Vinaya, un grand modèle pour le triple monde."

Il était un exemple pour ceux dans le monde du désir, le monde de la forme et le monde sans forme et en réponse, les Dieux lui apportaient de la nourriture pour manger.

Un jour quand un dieu apparut avec la nourriture, le Maître Vinaya Tao Hsuan lui demanda: " Pourquoi tout le monde aime les traductions de Kumarajiva ?

Le Dieu, nommé Lu Hsuan Ch'ang répondit, "parce que Kumarajiva a été le maître traducteur pour les sept Bouddhas du passé. Les Sutras qu'il traduisait sont le même que le coeur des Bouddhas, alors tout le monde les aime et les récite."

De plus, quand Kumarajiva était sur le point de mourir, il dit : " Personnellement je ne sais pas s'il y a des erreurs dans mes traductions des Sutras, mais s'il n'y en aura pas, ma langue ne se brûlera pas quand je serai incinéré et inversement ". Après Kumarajiva acheva la tranquillité, son corps fut brûlé mais sa langue est restée intacte par le feu, pleinement attestant que les Sutras que le Maître du Dharma Kumarajiva traduisait sont totalement juste.

(à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

L'éclaircissement complet. C'est un merveilleux éclaircissement, éclaircissement du Bouddha. Le Bouddha parfait l'éclaircissement à soi même et l'éclaircissement des autres et lorsque son éclaircissement et pratique sont complets, il y a réalisé la Bouddhité.

"Vous continuez à parler du Bouddha", dites-vous, "mais je ne sais toujours pas qui est le Bouddha".

Vous ne savez pas ? Je vous dirai.

Vous êtes un Bouddha.

"Alors pourquoi ne sais-je pas ?" vous demandez.

Vous ne savez pas le Bouddha ! Mais ceci ne veut pas dire que vous avez déjà atteint la Bouddhité. Vous êtes jusqu'ici un Bouddha irréalité. Vous deviez comprendre que le Bouddha est devenu un Bouddha de l'étape d'une personne ordinaire. C'est juste des êtres vivants qui peuvent pratiquer pour réaliser la Bouddhité. Le Bouddha est illuminé et quand un être humain devient illuminé, il est aussi Bouddha. Sans illumination, il n'est qu'un être vivant. Ceci est une explication générale du mot Bouddha.

Le Bouddha a trois corps, quatre sagesse, cinq yeux et six pouvoirs spirituels. Vous pouvez être un Bouddha, mais vous êtes encore un Bouddha irréalité, puisque vous n'avez pas ces pouvoirs. Le Bouddha a pratiqué à partir de l'étape d'une personne ordinaire jusqu'à la Bouddhité et à toutes les qualités de la Bouddhité.

Certains qui ne sont pas encore des Bouddhas, prétendent d'être Bouddhas. C'est de la plus haute stupidité ; en prétendant d'être ce qu'ils ne sont pas, ils se trompent et trompent les autres. N'est-ce pas un grandement stupide ? Tout le monde peut devenir un Bouddha, mais la pratique est essentielle. Si on a trois corps et quatre sagesse, on peut s'appeler un Bouddha. Si on a

juste les cinq yeux ou un peu de pouvoir spirituel, on ne peut pas.

Les trois corps sont :

1. Le corps du Dharma.
2. Le corps de la Récompense.
3. Le corps de la Transformation.

Les quatre sagesse sont :

1. La grande sagesse du miroir parfait.
2. La merveilleuse sagesse de l'observation.
3. La sagesse de l'accomplissement ce qui est fait et
4. La sagesse de l'égalité

Les six pouvoirs spirituels sont :

1. L'œil céleste : L'œil céleste peut voir les Dieux et regarder toutes les activités.
5. L'oreille céleste : L'oreille céleste peut entendre le discours et le son des dieux.
6. La connaissance des autres pensées : Les pensées dans les esprits des autres qu'ils n'ont pas encore parlé sont déjà connues. Ceci se réfère au présent.
7. La connaissance des vies antérieures : Avec cette pénétration, on peut aussi connaître le passé.
8. L'extinction des échappements : Etre sans écoulements est n'avoir pas de penser de cupidité, de haine, de stupidité ou du désir sexuel. En générale, une fois qu'on débarrasse de toutes ces mauvaises habitudes et fautes, on n'a pas d'écoulements. Les écoulements sont comme l'eau courante à travers une bouteille qui fuit ; à l'étape des non-écoulements, les fuites ont été arrêtées.
9. L'esprit complet : Appelé aussi la pénétration du monde spirituel, c'est une étape inconcevable merveilleuse.

Les cinq yeux sont :

1. L'œil de la chair.
2. L'œil céleste.
3. L'œil du Charma.

4. L'œil de la sagesse et

5. L'œil du Bouddha.

Un proverbe est dit des cinq yeux :

"L'œil céleste pénètre sans obstruction,

L'œil de la chair voit les obstacles mais ne pénètre pas,

L'œil du Dharma contemple le monde,

L'œil de la sagesse comprend le vrai vide,

L'œil du Bouddha brille comme mille soleils".

Bien que les illuminations se diffèrent, leur substance est unique. L'œil céleste pénètre sans obstruction et voit les affaires des quatre vingt milles grands éons. Il ne peut pas voir au-delà cela. L'œil de la chair peut voir les choses qui sont obstruées ; l'œil céleste voit seulement les choses qui ne sont pas obstruées. L'œil du Dharma contemple la "vérité mondaine", toutes les affaires d'existence de ce monde. L'œil de la sagesse comprend l'étape du vrai vide, la "vérité authentique". Pas seulement le Bouddha, mais tout le monde a l'œil du Bouddha. Certains ont ouvert leurs yeux du Bouddha et certains ne l'ont pas. L'ouverture de l'œil du Bouddha rayonne d'une énergie flamboyante d'un millier de soleils. Bien que les cinq yeux diffèrent de ce qu'ils voient, ils sont fondamentalement de la même substance.

Ainsi le Bouddha a trois corps, quatre sagesse, cinq yeux et six pouvoirs spirituels. Si on a de pareil talent, on peut se nommer un Bouddha, mais si non, on était mieux être une bonne personne au lieu d'essayer de tromper les gens.

Dans ce Sutra, le Bouddha Sakyamuni, le Maître du Monde Saha parle des ornements de la Terre d'Ultime Béatitude et de son Maître le Bouddha Amitabha.

Saha est un terme Sanscrit qui veut dire "être enduré". Le monde dans lequel nous vivons a beaucoup de souffrance que les êtres vivants le trouvent difficile à supporter et ainsi il est nommé Saha.

Le nom du Bouddha Sakyamuni, aussi du Sanscrit, est expliqué en deux parties. Sakya, son nom de famille, veut dire "capable d'être humain". Le Bouddha montre sa nature humaine comme la compassion qui soulage la souffrance et la bonté qui donne le bonheur en enseignant et transformant les êtres vivants.

Il y a trois sortes de compassion :

1. Une attitude de la compassion affective.

Les hommes moyens s'aiment et ont de la compassion pour ceux proche d'eux, mais pas avec les étrangers. En voyant les parentés ou les amis en détresse, ils épuisent leur force de les aider, mais quand les étrangers sont souffrants, ils ne font pas

attention à eux. Ayant de la compassion pour ceux que vous aimez est appelée une attitude de la compassion affective.

Il y a aussi bien une attitude de la compassion affective qui étend à ceux des mêmes espèces, mais pas à ceux des autres espèces. Par exemple, non seulement les gens n'ont pas de la compassion pour les animaux tels que les bœufs, les cochons, les poules, les oies, les canards, mais ils vont même jusqu'à manger la chair des animaux ! Ils arrachent les vies des animaux pour nourrir les leurs. Ceci n'est pas une vraie attitude de la compassion affective. Heureusement, les gens se mangent rarement. Ils peuvent manger du porc, du mouton, du bœuf, du poulet, du canard et du poisson, mais ils ne s'attrapent pas, ne se tuent pas et ne se mangent pas les uns et les autres, ils sont un peu mieux que les animaux qui s'en prennent aux membres de leurs propres espèces pour la nourriture. Les gens ne peuvent pas se manger, mais ils n'ont certainement pas la vraie attitude de la compassion affective envers des animaux.

2. La compassion qui vient de la compréhension de lois conditionnées. Ceux du petit véhicule ont de la compassion qui vient de la compréhension des lois conditionnées aussi bien que l'attitude de la compassion affective discutée au-dessus. Ils contemplent toutes les lois s'élevant des causes et des conditions et ils savent que :

Les causes et conditions n'ont pas de nature;

Leur substance même vide.

En contemplant le vide des dharmas conditionnés, ils enseignent et transforment les êtres vivants avec compassion sans s'attacher à l'enseignement et la transformation. Ils savent que tout est vide.

3. La grande compassion qui vient de la compréhension de la substance identique de tous les êtres. Les Bouddhas et les Bodhisattvas ont pourtant une autre sorte de compassion. Le corps du Dharma du Bouddha se répand partout et alors les Bouddhas et les Bodhisattvas sont d'une substance avec tous les êtres ; le cœur et la nature du Bouddha sont tous pénétrants et tous les êtres sont contenus à l'intérieur de lui. Nous sommes des êtres vivants dans le cœur du Bouddha et il est le Bouddha dans nos cœurs. Nos cœurs et celui du Bouddha sont le même, partout à travers les dix directions, Nord, Est, Sud, Ouest, les directions entre les points cardinaux, au-dessus, et en dessous. Cependant le Bouddha et les êtres vivants sont de la même substance sans distinction. Ceci est appelé la grande compassion. Sakya, le nom de famille du Bouddha, comprend

ces trois sortes de compassion. Si on choisit d'en parler plus de détail, il y a des significations illimitées et sans bornes.

Muni est le nom personnel du Bouddha. Il signifie "calme et tranquille". Calme et impassible, il est silencieux. Pas de mots de la bouche, pas de pensées de l'esprit. Ceci est une étape inconcevable. Le Bouddha parle du Dharma sans parler ; il parle et cependant ne parle pas, ils ne parlent pas et cependant il parle. C'est calme et silencieux, tranquille, tranquille, silencieux et impassible, et pourtant toujours, toujours silencieux et tranquille. C'est la signification du nom personnel du Bouddha, Muni. Tous les Bouddhas ont le nom Bouddha en commun, mais seulement ce Bouddha a le nom propre Sakyamuni.

Qu'est ce que le Bouddha dit ? Ce qu'il plaît, mais heureux de dire ce qu'il veut dire, il parle toujours le Dharma.

Ayant déjà devenu les Bouddhas, le Bouddha Sakyamuni et les Bouddhas des dix directions sont appelés "déjà illuminés", comme ils ont déjà compris et réveillé de leurs rêves. Tandis que nous semblons toujours endormis et rêvés, le Bouddha est grandement illuminé, grandement réveillé. Avec la sagesse du Bouddha, il n'y a rien qu'il ne sait pas, en utilisant sa vision du Bouddha il n'y a rien qu'il ne voit pas. Il y a la signification de son grand éclaircissement qui vint de la pratique et c'est le résultat il a certifié. Il a marché sur la route, il l'a traversé, il est déjà un illuminé. Les méthodes de la pratique qu'il a utilisé pour atteindre le fruit d'illumination, qu'il enseigne par la suite pour conduire tous les êtres vivants à atteindre et à réaliser cet ultime résultat complet su Bodhi. C'est pourquoi il parle le Dharma et pourquoi, ayant fait ainsi, il est heureux d'en avoir parlé.

Qu'est ce qu'il dit ?

Jusqu'à maintenant il parle d'Amitabha. Le Bouddha parle le Sutra d'Amitabha.

AMITABHA, un autre mot dans le titre est un mot Sanscrit qui signifie "la lumière illimitée". Un autre nom d'Amitabha, Amitayus, veut dire "la vie illimitée".

"Mais", vous pouviez demander, "le Sutra dit qu'il a été dix Kalpas depuis que l'Amitabha a réalisé la Bouddhité. Dix Kalpas est une durée définie du temps. Pourquoi parlez-vous "de la vie illimitée" et la mesurer hors du temps ?

Amitayus, "la vie illimitée" se réfère à ses bénédictions et vertus. La lumière illimitée se réfère à la sagesse. Sa lumière de la sagesse est illimitée et brillante. La vie illimitée, la lumière illimitée. Non seulement sont ses bénédictions, ses vertus et sa sagesse illimitée mais aussi sont ses

pouvoirs spirituels, son éloquence ses attributs et ses enseignements. Il n'y a pas de moyen de les compter parce qu'ils sont infinis, nul part présent et nul part absent.

D'où vint-il l'illimité ? Les mathématiciens devraient savoir que l'illimité commence à un. Un est beaucoup et beaucoup est un. Un savant a écrit une fois un livre et dit, "Les grands nombres sont écrits en commençant par un et puis en utilisant plusieurs places pour mettre les zéros. Continuez à ajouter des zéros jusqu'à ce que l'espace, entre le ciel et la terre, soit rempli. Quand vous avez écrit sur tous vos murs et couvert tous vos planchers, pouvez-vous déterminer la somme ? Ne pouviez-vous pas ajouter un autre zéro ? Les nombres sont infinis".

La vie, la sagesse, le mérite, la vertu et le pouvoir de la voie du Bouddha d'Amitabha sont tous infinis et sans bornes. Si vous voulez un grand nombre, allez-y et écrivez des colonnes de zéros.

Connaissant qu'il ne peut pas y avoir un total défini, le Bouddha, qui est la perfection de l'intelligence, a dit seulement, "illimité et innombrable". Les mathématiques peuvent expliquer l'infinité et les scientifiques ont envoyé les hommes dans l'espace pour l'étudier, mais ayant arrivé dans l'espace, il y a encore plus d'espace au-delà. Il n'y a pas de fin. Les nombres continuent infiniment et de cette façon que nous pouvons comprendre la vaste étendue de la béatitude du Bouddha Amitabha, sa vertu et sa sagesse. C'est pour quoi il est appelé Amita.

Le Bouddha Amitabha et le Bouddha Sakyamuni étaient tous deux des gens qui sont devenus des Bouddhas. Ils ne sont pas descendus des cieux ou montés de la profondeur de la terre. Comme les gens, ils ont pratiqué le Dharma et maintenant sont des sages, les gens qui ont réalisé le résultat. Selon le classement des titres du Sutra, ce Sutra est établi par référence à une personne, mais pas une personne comme nous. Il est un Bouddha, celui qui a réalisé le résultat. Nous sommes des êtres vivants ; nous n'avons pas atteint le résultat, mais nous pratiquons la cause de la Bouddhité. Une fois que la Bouddhité est atteint, nous serons des sages. Le nom de ce sage, Amitabha est employé pour classer le titre du Sutra.

(à suivre)

**LES BONNES LECONS
MORALES DU VENERABLE
MAITRE HSUAN HUA**

Aujourd'hui, nous avons beaucoup de chance d'avoir le corps humain. Mais si nous ne savons pas comment maîtriser nos corps, alors ce sera très dommage. En effet, si nous ne nous dépêchons pas de suivre et pratiquer la bonne voie du Bouddha, il sera trop tard ; car une fois que nous perdions nos chers corps humains, nous ne savons pas quand nous allons retrouver encore une fois le corps humain. C'est pour cette raison qu'il ne faut jamais attendre pour pratiquer.

* Si nous nous servons de nos langues pour expliquer et enseigner la Doctrine du Bouddha, nous accumulons donc les bonnes actions. Par contre, si nous utilisons nos langues pour bavarder, dans ce cas, nous causons le mauvais Karma. En effet, au lieu d'expliquer la Doctrine du Bouddha, vous passez votre précieux temps pour bavarder ou dire des choses insensé, vous créez précisément 1.200 péchés.

* Vivre dans ce monde nous devons toujours faire du bien pour entretenir les bonnes actions. Nous ne devons jamais nous compter sur nos bonnes racines dans les vies antérieures, car si nous en faisons, nous ne faisons qu'épuiser notre mérite et vertu.

* Si la pensée de la cupidité se déborde et vous ne connaissez pas assez. Alors, au future vous allez tomber dans l'enfer. Si du matin au soir, vous êtes toujours en colère, alors allez devenir un démon. Si vous êtes stupide et vous faites des choses stupides, vous deviendrez un animal.

* Une personne honnête qui est illuminée ne se montre jamais qu'elle est illuminée. Les sages apparaissent dans le monde, elles ne relèvent absolument pas leurs véritables identités. Les gens ordinaires qui se prennent pour des Bouddhas ou des Bodhisattvas, sont des démons.

* Toute personne possède trois pirates d'afflictions dans son cœur ; ce sont l'avidité, la haine et la stupidité. Nous n'avons pas besoin de les détruire, mais nous devons tout simplement les transformer en bonnes graines.

* Pourquoi y-a-t-il beaucoup de péchés dans le monde aujourd'hui ? et ces péchés sont créés par les adolescents. Parce que les parents qui ne font que mettre au monde des enfants, ne pensent pas prendre bien soin d'eux ou de les élever bien, c'est à dire d'avoir la responsabilité d'eux.

* L'esprit de la cupidité dans chacun de nous est le trou sans fond. Il est plus haut que le ciel, plus épais que la terre et plus profond que l'océan. C'est pour cette raison qu'il est impossible de le remplir.

* Une personne qui n'a pas du toute la vertu est une personne très pauvre.

* S'il y a quelqu'un qui vient me demander la bonne voie. Je lui dirai : "Mangez peu, habillez tout simple et dormez peu. En effet, si vous vous habilliez tout simple, vous augmentez la vertu, si vous mangiez peu, vous aurez une longue vie et si vous dormiez peu, vous augmentez le gain.

**LE VERSET SUR LA TRANSMISSION DE
DHARMA DU BOUDDHA VIPASHYIN**

Les versets sur la transmission de Dharma des sept Bouddhas sont très importants. Chaque verset nous dit que le corps et l'esprit sont faux, alors nous ne devrions pas en prendre au sérieux. Le corps est une association des quatre éléments et l'esprit est intangible et sans forme. Ainsi, nous ne devrions pas prendre le faux pour le vrai et nous accrocher à nos corps et nos esprits ; nous voudrions toujours avoir des avantages et ne voudrions jamais prendre les pertes. En réalité, le corps nous amène simplement à créer des offenses illimitées dans vie après vie.

Cependant, si vous comprenez réellement comment vous êtes devenu une personne, alors vos offenses sont essentiellement non-existences. Les offenses sont rien pour commencer, mais à cause de nos attachements, nous devenons confondus, créons du Karma et recevons le châtement. L'illusion est l'ignorance et le manque de compréhension. Le premier verset est celui du Bouddha Vipashyin. Qu'est ce qu'il dit ?

Le corps est né du non-marque,

Tout comme les myriades phénomènes sont créés par l'illusion,

L'esprit est la conscience d'une personne illusoire sont à l'origine non existante ;

Les offenses et les bénédictions sont toutes les deux vides qui ne demeurent à nulle part.

Le corps est né du non-marque ; d'où vient donc ce corps ? Il n'a aucune forme et aucune substance réelle. Les quatre éléments forment le corps. Il dit donc, "le corps est né du non-marque ; il est né simplement. Tout comme les myriades phénomènes sont créés par l'illusion ; à quoi cela ressemble-t-il ? C'est comme un magicien qui évoque quelque chose à partir du rien. Ceci évoque-t-il un objet réel ? Non, il est faux. Semblablement notre corps est aussi faux. Par contre, le deuxième vers dit que c'est comme un objet évoqué par l'illusion. Ceci dit que le corps est faux.

Puisqu'il est faux, pourquoi ne pouvez pas accepter quand quelqu'un vous insulte ? Si

quelqu'un vous frappe, vous êtes même incapable d'en supporter. Un petit éloge vous fait incroyablement heureux, tandis qu'un peu de mots piquants vous met en état de colère. Pourquoi êtes-vous comme ceci ? Ne laissez-vous pas vous tromper par le faux ? Si vous n'avez rien, où la poussière peut-elle tomber ? Pourquoi avez-vous autant d'afflictions ? Vous vous demandez vous-même. Quand quelqu'un vous insulte, pourquoi ne le considérez-vous pas comme une chanson ? Pensez seulement, "il parle japonais et je ne comprends pas. Il parle l'espagnol ou le Portugais et je ne sais pas ce qu'il chante".

S'il vous gronde et vous ne grondez pas en retour, alors comment ceci pouvait-il être grondé ? S'il pouvait vous gronder et vous le considérez comme la musique, cela ne serait-il pas bien ? Il n'y a rien à se mettre en colère. Quand quelqu'un vous frappe, considérez-le comme si vous vous hurtez contre une porte en marchant - - cela ne serait-il pas bien ? Lorsque vous vous cognez contre une porte, vous vous faites mal, mais qui allez vous frapper de retour ? Si vous tapez la porte, vous vous blessez votre main. Si vous ne la tapez pas, alors il ne se passe rien. Vous vous ressentez une douleur pendant un moment, mais cela n'a pas beaucoup de peine!

L'esprit et la conscience d'une personne illusoire sont à l'origine non-existences. Une personne illusoire n'a pas de pensée, n'a pas de conscience. Les offenses et les bénédictions sont toutes les deux vides, qui sont nulle part. Qu'est-ce que les offenses ? Qu'est-ce que les bénédictions ? Vous ne devriez pas vous accrocher à elles. Vous vous attachez à votre corps et à votre esprit, mais c'est une erreur complète ! Si vous ne vous attachiez pas à eux, comme cela serait libre et merveilleux ! Vous ne seriez pas enchaîné par eux. Ceci est le verset sur la transmission de Dharma du Bouddha Vipashyin et il nous apprend à comprendre que le corps et l'esprit sont essentiellement faux et illusoire.

(à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Texte :

N'AVEZ-VOUS PAS VU
LES GENS DONT L'ETUDE EST FINIE,
QUI NE FONT RIEN, QUI RESTE FIDELE A
LA VOIE FACILEMENT ?

ILS NE CHASSENT PAS LES PENSEES
FAUSSES,

ILS NE RECHERCHENT PAS LA
VERITE.

LA VRAIE NATURE DE L'IGNORANCE
EST LA NATURE DU BOUDDHA;

CE CORPS VIDE, UNE
TRANSFORMATION ILLUSOIRE EST LE
CORPS-DHARMA.

DANS L'ILLUMINATION DU CORPS-
DHARMA, IL N'Y A RIEN ;

A SON ORIGINE, LA PROPRE NATURE
EST LE BOUDDHA DE L'INNOCENCE
DIVINE.

LES CINQ SKANDHAS, COMME LES
NUAGES

QUI PLANENT, VIENNENT ET S'EN
VONT A VIDE ;

LES TROIS POISONS, COMME LES
BULLES DE L'EAU,

S'ELEVENT ET SOMBRENT,
IRREELLE.

Commentaire : N'AVEZ-VOUS PAS VU
. . . Il y a deux significations : La première est,
n'avez-vous pas vu ces gens de la voie ? Et la
deuxième, ils sont très difficiles de voir.

LES GENS DONT L'ETUDE EST FINIE,
QUI NE FONT RIEN, QUI RESTE FIDELE A
LA VOIE FACILEMENT ? Les gens de la voie
facilement sont ceux qui ont obtenu l'illumination
et en pur loisir, sont sans souillure par le désir. Ils
ont déjà achevé leurs études et il n'y a plus rien à
étudier. Il n'y a rien qu'ils ne font pas, mais il n'y
a rien à faire. Autrement dit, ils ont fait ce qu'il y
avait à être faire.

ILS NE CHASSENT PAS LES FAUSSES
PENSEES, ILS NE RECHERCHENT PAS LA
VERITE. Leurs fausses pensées sont déjà finies,
et alors ils n'ont plus besoin de les éliminer. Parce

qu'ils ont déjà été certifiés comme ayant obtenu la
vérité, ils n'ont plus besoin de la chercher.

LA VRAIE NATURE DE L'IGNORANCE
EST LA NATURE DU BOUDDHA. Juste dans
la nature réelle de l'ignorance (des êtres vivants),
est la nature du Bouddha complète. ça ne veut pas
la nature du Bouddha existe séparée de
l'ignorance.

CE CORPS VIDE, UNE
TRANSFORMATION ILLUSOIRE, EST LE
CORPS DU DHARMA. Juste dans ce corps
illusoire et vide, totalement à l'intérieur de ceci,
est le Corps du Dharma. Le Corps du Dharma ne
peut être pas cherché à l'extérieur du corps vide.
Qu'est ce que le Corps du Dharma ? Il n'a pas de
forme et alors il est dit :

DANS L'ILLUMINATION DU CORPS
DU DHARMA, IL N'Y A RIEN ;

A SON ORIGINE, LA PROPRE NATURE
EST LE BOUDDHA DE L'INNOCENCE
DIVINE.

LES CINQ SKANDHAS, COMME LES
NUAGES FLOTTANTS, VIENNENT ET S'EN
VONT A VIDE. Aucun des cinq tas, ou skandhas
: La forme, le sentiment, la pensée, l'activité, et la
conscience ont la propre nature.
Fondamentalement, leur substance est vide,
comme celles des nuages flottants en traînant
naturellement dans le ciel. Ils ne furent jamais
créés et alors personne ne les contrôle et personne
n'a autorité sur eux.

LES TROIS POISONS, COMME LES
BULLES DE L'EAU, S'ELEVENT ET SE
SOMBRENT, SANS REALITE. Les trois
poisons de la cupidité, de la haine et de la
stupidité sont aussi forts que la viande infecte,
que le vin empoisonné, que l'opium et tout autre
poison. Cependant, eux aussi, n'ont pas de la
propre nature. En général, ils viennent des
habitudes souillées ; ils sont comme des bulles,
produisaient d'eux-même et disparaissent d'eux-
même. Tout à coup, ils sont là, soudain, ils sont
partis. Vide et faux, ils s'élèvent et se sombrent - -
ils sont irréels.

Texte : QUAND ON A REALISE LE
CARACTERISTIQUE DE LA REALITE,
IL N'Y A NI PERSONNE NI DHARMA,
LE KARMA DE L'AVICHI EST
RAPELLE DANS UN KSHANA.

SI J'ABUSAIS LES ÊTRES VIVANTS
PAR LES MENSONGES,

JE PREPARERAI MOI-MÊME LE DECHIREMENT DES LANGUES PENDANT DES EONS AUTANT QUE LA POUSSIÈRES ET DU SABLE.

Commentaire : QUAND ON A REALISE LE CARACTERISTIQUE DE LA REALITE. C'est à dire, quand on a été réalisé comme ayant obtenu le fruit d'illumination, qui n'a pas de caractéristiques, IL N'Y AVAIT NI PERSONNE NI DHARMAS. Les gens et les Dharmas disparaissent tous les deux et on s'accorde miraculeusement avec le vrai vide.

LE KARMA D'AVICHI EST RAPPELE DANS UN KSHANA. En un instant, l'offense du Karma méritant l'enfer ininterrompu, est effacée. Comment ceci peut-il dit ? Le maître supérieur coupe les graines de conscience du Karma sans commencement avec l'épée ornée du royal Vajra.

SI J'ABUSAIS DES ÊTRES VIVANT AVEC DES MENSONGES. Ce que je, Maître Yung Chia, dis maintenant est le vrai et authentique témoignage d'illumination. Si je trompais des êtres vivants avec des mensonges, JE PREPARERAI MOI-MÊME LE DECHIREMENT DES LANGUES PENDANT DES EONS AUTANT QUE LA POUSSIÈRE ET LE SABLE. Alors j'irais certainement moi-même dans un enfer où ma langue serait déchirée pendant autant de siècle qu'il y a des particules de poussière et de sable et je subirais la souffrance illimitée en châtement.

Ces lignes expriment la bonté de cœur et le souci du Maître. Il avait peur que les gens soient sceptiques et ne croient pas ce qu'il a dit, ainsi il a fait ce serment pour augmenter la foi des êtres vivants et leurs permettre d'être réalisé l'illumination. La compassion du Grand Maître pour des êtres vivants était extrêmement profonde.

Texte : AVEC UNE COMPREHENSION ILLUMINEE SOUDAINE

DU DHYANA DU CELUI-venu-AINSI,
LES SIX TRAVERSEES ET LES DIX MILLES

PRATIQUES SONT COMPLETES EN SUBTANCE.

DANS UN RÊVE, TRES NETTEMENT, IL Y A SIX DESTINES ;

APRES L'ILLUMINATION, TOTALEMENT VIDE,

IL N'Y A AUCUN UNIVERS.

Commentaire: AVEC UNE COMPREHENSION ILLUMINEE SOUDAINE DU DHYANA DU CELUI-venu-AINSI. Il y a tout à coup une grande ouverture : Ensuite, il n'y a pas de marches vers l'illumination pour cette porte-Dharma.

LES SIX TRAVERSEES ET LES DIX MILLES PRATIQUES SONT COMPLETES EN SUBTANCE. Nous devrions savoir dès le début que le mérite et la vertu des six signes : Le don, la tenue des préceptes, la patience, la vigueur, le Samadhi Dhyana et la sagesse et les dix milles pratiques, sont tous dans notre propre nature, fondamentalement complets et parfaits. Il n'y a ni de manque ni d'excès.

DANS UN RÊVE, TRES NETTEMENT, IL Y A SIX DESTINES. Quand les gens sont dans un rêve embrouillé, les six chemins des Dieux, des humains, des Asuras, des enfers, des esprits affamés et des animaux sont distinctement évidents. Pourtant APRES L'ILLUMINATION, TOTALEMENT VIDE, IL N'Y A AUCUN UNIVERS. Après être devenu illuminé et être éveillé du rêve embrouillé, le vide est pulvérisé, la maison est démolir et les gens disparaissent. Alors, comment les trois milles grands milles système monde pouvaient-ils exister ?

(à suivre)

LE MONDE DU DHARMA DES BODHISATTVAS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*Quand les êtres sensibles sont illuminés
Ils jaillissent hors de la poussière.
Leurs six perfections et dix milles pratiques
en tout temps sont nourries.*

Commentaire :

Le deuxième monde du Dharma est celui des Bodhisattvas. Pourquoi ai-je dit, "Tous les gens des trois périodes du temps ?" C'est parce que les gens peuvent avancer dans leur culture pour intégrer chacun des dix mondes du Dharma. Cependant les gens ne dépassent pas les bornes d'une seule pensée de l'esprit.

Le mot Sanscrit Bodhisattva est traduit comme "être illuminé" et a deux significations.

1. Celui qui permet que tous les êtres sensibles soient illuminés.

2. Un illuminé parmi tous les êtres sensibles.

Nous sommes concernés par les deux significations. En effet nous, tous avons une part de la Bodhisattvéité, parce que nous sommes tous des êtres. Nous pouvons devenir des illuminés parmi les êtres, et nous pouvons apprendre aux autres êtres devenir eux aussi illuminés. Alors, être un Bodhisattva n'est pas mauvais. Nous avons non seulement une part de la Bodhisattvéité, mais nous avons aussi une part de la Bouddhéité.

Je ne l'ai pas ", dites-vous. "Maître du Dharma, vous avez dit plus haut que les Bouddhas sont seulement des gens qui ont réalisé la Bouddhéité. Alors, pourquoi ne sommes nous pas devenus Bouddha ? "

Ne parlons pas des gens qui deviennent Bouddhas. Considérez un gamin qui grandit, devient un adulte et éventuellement vieillit. Nous sommes comme des enfants dans l'enseignement du Bouddha, et le Bouddha est un adulte. Quand nous grandirons, nous deviendrons Bouddhas. Mais, actuellement, nous sommes encore des enfants dans le Bouddhisme. Comme les gosses ont besoin de lait, nous avons constamment

besoin de la nourriture dispensée par l'enseignement du Dharma. Ecouter le Dharma est spécialement un bon moyen pour faire pousser nos bonnes racines et développer notre sagesse. Une occasion d'écouter le Dharma est plus précieuse qu'une somme d'argent que vous pourriez gagner.

Aujourd'hui, je vais établir une règle. Je souhaite qu'à partir de maintenant vous tous ne preniez pas autant de vacances et ne fassiez pas autant de voyages. Prenez l'étude de l'enseignement du Bouddha comme voyage. Utilisez vos vacances à étudier l'enseignement du Bouddha. Pourquoi dis-je ceci ? Parce que c'est très dangereux de voyager. Il y a beaucoup de morts durant toutes les périodes de vacances, et si vous voyagez, vous pourriez finir par être l'un d'eux. Nous voulons changer les tendances de ce pays. Les gens dans ce pays adorent les divertissements et les voyages. Les Bouddhistes ne devraient pas prendre autant de vacances. Nous pouvons utiliser ce temps pour étudier l'enseignement du Bouddha. Mieux encore, si nous pouvons chanter les Sutras, réciter les Mantra et nous prosterner devant les Bouddhas !

"Il y a de mérites et vertus illimités à se prosterner devant les Bouddhas

Se prosterner devant les Bouddhas permet extirper des fautes aussi nombreux que les sables du Ganges".

Se prosterner devant les Bouddhas permet la rédemption d'autant de fautes qu'il y a de grains de sables dans la rivière du Ganges. On dit aussi, "Donnez un seul centime apporte des bénédictions illimitées". Cependant, je ne vous demande certainement pas de l'argent. Vous devez comprendre cela. Vous pouvez faire des dons aux autres temples et bénéficier de grandes bénédictions de cette manière. Ici, nous sommes si misérables que nous ne pouvons offrir de bénédictions en échange des offrandes. Si nous acceptons de trop nombreux offrandes nous

pourrions mourir. Si personne ne nous fait d'offrandes, peut-être pouvons-nous vivre quelques jours de plus. En dépit de la souffrance, nous désirons vivre encore un peu plus longtemps. Nous ne voulons pas mourir encore. Cependant, si vous souhaitez donner de l'argent, vous pouvez le remettre à d'autres. Il y a beaucoup de lieux où vous pouvez vous semer les bénédictions ; vous ne devez pas le faire au Monastère de la Montagne d'Or, parce que le Monastère de la Montagne d'Or a seulement des gens misérable ayant très peu de bénédictions. Si vous cherchez les bénédictions ici, vous serez déçu, mais ne vous inquiétez pas. Nous ne mourrons pas de faim !

Quand les êtres sensibles sont illuminés / Ils jaillissent hors de la poussière / Leurs six perfections et dix milles pratiques / En tout temps, sont nourries.

Un Bodhisattva est un être sensible ; parmi des êtres sensibles, c'est un illuminé. Parmi des illuminés, il est celui qui comprend. Parmi ceux qui comprennent, il est un pratiquant. Parmi des pratiquants, il est celui qui pratique vraiment. Un Bodhisattva "jaillit de la poussière". S'il n'avait pas la connaissance, il ne serait pas capable de dépasser la souillure. La poussière serait si épaisse qu'il ne serait pas capable de s'en extraire. Quand il devient illuminé, la poussière s'affine et il peut jaillir hors d'elle.

"Après un Bodhisattva sort hors de la poussière, qu'est-ce qu'il fait ? Dormir et manger ? Oui, il dort encore, mange encore et porte encore des vêtements ; mais il ne travaille plus comme un esclave (pour subvenir aux besoins de son corps.) pour fournir à son corps de la nourriture, du vêtement et un endroit pour vivre. Quand vous quittez la poussière, vous cessez de vous occuper de ces trois problèmes, et à la place vous concentrez sur la pratique des six perfections : La donation, des préceptes, la patience, la vigueur, la concentration et la sagesse.

"Je sais ce que la perfection de la donation comporte. Il s'agit de dire aux autres de me faire des offrandes", certains d'entre vous pensent : C'est faux. C'est l'apprendre à donner aux autres. En ce qui concerne l'argent, il serait agréable de le déchirer en morceaux. Nous ne devrions pas tant désirer ce sale papier. L'argent est une possession extrêmement salissante, un trop grand attachement à l'argent amène cette comparaison avec la "poussière". Si vous ne voulez pas de l'argent, alors vous serez extrêmement pur et serez capable de dépasser ce risque. Certains

d'entre vous ont dépassé le stade de la poussière, parce que vous avez pour principe de ne pas manipuler l'argent. Cependant, assurez-vous que l'argent ne vous contaminera pas de nouveau à l'avenir.

Vous devez aussi cultiver les dix milles pratiques et les nourrir en tout temps. Vous ne pouvez pas dire, "Je pratiquerai aujourd'hui, mais pas demain. Je pratiquerai cette année, mais pas l'année prochaine. Je pratiquerai ce mois et prendrai une pause le mois prochain. Je pratiquerai cette vie, mais pas la vie prochaine". Pratiquer un moment et dormir le prochain moment ne marchera pas. En tout temps vous devez nourrir votre connaissance des six perfections et des dix milles pratiques. Pratiquez-les vie après vie. Si vous pratiquez de cette manière, vous serez un Bodhisattva.

"Cela n'est pas facile", dites-vous.

Pensez-vous qu'être un Bodhisattva serait facile ? Non seulement il n'est pas facile d'être un Bodhisattva, mais il n'est pas facile d'être un Shravaka ou un Pratyekabouddha non plus.

"Alors qu'est-il plus facile à vivre ?" Il est facile d'être un fantôme, d'aller aux enfers, ou de devenir un animale. Si vous voulez que les choses soient faciles, vous pouvez être ces êtres. Si vous voulez être un Bodhisattva, ce ne sera pas facile. Vous dites c'est difficile ; le mot "difficile" décrit ce que les Bodhisattvas font.

Les Bodhisattvas doivent être capables de faire ce que les autres ne peuvent pas faire ; ils doivent subir ce que les autres trouvent difficile à subir. Quand ces gens estiment un métier trop difficile, ils disent, "c'est d'accord, nous l'exercerons". Ils ne sont pas rebutés par les tâches difficiles. Si vous n'osez pas faire ce qui est dur, vous n'êtes pas un Bodhisattva. Avancez avec vigueur ! C'est ce à quoi ressemble un Bodhisattva ; il n'y a aucun autre secret ésotérique ou merveilleux. Si vous pouvez faire les choses que les autres gens ne peuvent pas faire, vous êtes un Bodhisattva !

Diffusez Le Bombe Atomique Dans Votre Esprit

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Toutes les catastrophes arrivent dans le monde parce que les gens ne gardent pas les cinq préceptes et pratiquent des dix bonnes actions. Si tout le monde pouvait garder les cinq préceptes et suivre les dix bonnes actions, alors toutes les catastrophes dans le monde disparaîtraient. Juste considérez le Karma meurtrier des gens. L'esprit du meurtrier a réellement atteint les cieux. Ce n'est pas seulement le Karma meurtrier d'une seule personne qui a atteint les cieux, mais le Karma meurtrier de tout le monde a monté dans les cieux. C'est comme si tout le monde a peur d'une bombe atomique qui est sur le point de sauter. Qu'est ce qu'il voulait dire par "la bombe atomique que chaque personne en a ?" Ce sont les afflictions de cette personne. L'impulsion qui est rassemblée des afflictions de tout le monde est plus grande que l'énergie d'une bombe atomique. Observez un peu. Tous les gens partout dans le monde ont maintenant de gros sang-froid. Ils ont perdu leur bienséance et ils se sont transformés tous en Asuras. Les Asuras sont solides au combat. Du matin au soir, ils ne pensent à rien d'autre que comment gagner la guerre contre les gens, comment mettre en valeur quelques types d'armes pour détruire l'adversaire. C'est le cas que presque tout le monde dans le monde a maintenant ce type de réflexion. Ils veulent tous détruire l'autre gars. Et à cause de ceci, une énergie de la tuerie se répand les trois milles grands milles monde. Ce mal, l'énergie sans valeur remplit l'atmosphère et provoque à beaucoup de gens d'avoir d'étranges maladies. Lorsqu'ils contractent ces types de maladies, ils ne peuvent pas se rétablir. Quel que soit le progrès de la science, il n'y a pas de moyen pour guérir ces maladies. Pourquoi ? C'est parce que le Karma de la tuerie a grandi si lourd. Parce que le Karma de la tuerie est si lourd, il contribue à la fois les catastrophes faites par l'homme et les malheurs naturels, les tremblements de terre et les autres sortes de phénomènes violents apparaissent. Des étranges maladies incurables abondent. Une fois on les contracte, on ne peut-être sauvé. Le Karma de la tuerie est la base de toute cette agitation et ce trouble.

Ensuite, remarquez combien de gens sont aveugles, sourds ou muets. Les gens qui ne peuvent pas entendre ou parler sont ceux qui ont crée beaucoup de Karma de la tuerie. Ce Karma du meurtrier ne commence pas et ne finit pas en cette vie présente, mais il prolonge en arrière tout le mauvais Karma qui a été crée depuis des Kalpas sans commencement. Lorsque de tels gens ont crée le Karma de la tuerie, ils sont tombés dans les enfers. Ensuite, ils se sont transformés en spectres affamés et éventuellement ils sont devenus des animaux.

Après avoir été des animaux pendant quelque temps, peu à peu, ils recouvraient leurs plus hautes capacités et de l'intelligence subtile et ils redeviennent humains. Mais même après étant renés en humains, leurs six facultés ne sont pas complètes. Peut-être, ils sont totalement sans yeux et oreilles ou ils peuvent avoir le sens des organes eux même mais pas leurs fonctions. Peut-être, leurs nez sont défectifs ou leurs langues ne marchent pas proprement. En général, les six organes des yeux, des oreilles, du nez, la langue, du corps et de l'esprit ne sont pas parfaits et complets. Ils doivent subir ce genre de châtement. Les muets ne savent pas parler, tout à cause de Karma de la tuerie. Une diversité de différents genres de causes et de conditions combine et mène au châtement d'être muet dans cette vie.

Une des principales raisons est que dans le passé, ils n'ont pas rencontré l'enseignement orthodoxe du Bouddha, ni ils n'ont pas étudié avec un bon et sage Maître. Sans de pareilles occasions, ils sont tombés de plus en plus loin. Une fois qu'on tombe dans les six chemins de la renaissance, il est très difficile de sortir. Les six chemins sont : Les Dieux, les humains, les Asuras - - les trois bons chemins ; et les êtres d'enfers, les esprits affamés et les animaux - - les trois mauvais destins. Quand on fait du bien et crée le mérite et la vertu, alors on est né dans les bons chemins. Mais quand on fait des offenses et du mauvais Karma et pêche, on est né dans les trois mauvais chemins. Les anciens mettent très bien en évidence :

*Hors du ventre du cheval, et dans l'utérus
d'un âne,*

Combien de fois êtes-vous allés de long en large devant la salle du roi Yama ?

Vous venez juste traverser le palais du seigneur Shakra.

Seulement pour finir d'être cuit dans le pot du roi Yama.

Les gens dans ce monde ne sont pas nés en tant que les gens chaque fois. Parfois, ils sont venus des chevaux, des ânes ou des vaches. Ils continuent à se pendre devant la salle du roi Yama, comme un invité qui semble ne pas vouloir quitter. Il n'a pas su combien de fois vous vous êtes présentés dans son palais. D'autre part, le seigneur du palais Shakra est vraiment luminescent et vous avez occasionnellement été dans ce palais royal aussi. Comment cela se fit-il que vous vous rendiez dans le palais du Lors Shakra ? C'est parce que vous étiez sur votre route d'être né dans les cieux. Cependant, vous finissez toujours éventuellement dans le pot de la friture du roi Yama. Là bas, le roi Yama vous fait cuire dans l'huile. Et c'est ainsi que vous tournez en rond dans les six chemins.

C'est vraiment dangereux ! Il n'y a pas de garantie que dans chaque vie, vous serez capable de pratiquer du bien et créer le mérite et la vertu. Il y aura certainement des fois que vous créez des offenses, des transgressions et du mauvais Karma. Alors quelques fois vous êtes né en haut et parfois vous tombez. Même en tant que des gens, nous sommes très confus, nous ne pouvons pas différencier les choses très clairement. Ni nous ne pouvons dire exactement quelle direction nous sommes avancés.

Il y a plusieurs cieux différents compris dans le chemin des Dieux. Le ciel des quatre rois, le ciel Trayastrimsha, le ciel Suyama, le ciel de la paix et du bien-être et le ciel du bien être des transformations des autres. Il y a plusieurs niveaux différents de cieux et les êtres vivants dans chacun d'eux jouissent de différentes sortes de bénédictions et de récompenses. Mais même la pire sorte de souffrance dans les cieux est mieux que le meilleur type de jouissance trouvé dans ce royaume. Cependant, quand les gens montent aux cieux, ils ne veulent pas redescendre.

Ensuite, il y a le chemin des Asuras. Ils sont nés dans les cieux et ont des bénédictions célestes, mais pas la vertu céleste et par conséquent ils n'ont pas l'autorité du ciel. Ils n'ont pas la conduite vertueuse des êtres célestes, alors ils n'ont aucun pouvoir. Et leur nom veut dire aussi "pas de vin." Cela signifie que dans les

cieux, ils n'ont pas de vin pour boire. A cause de cela ils veulent se battre pour avoir du vin. Ils se luttent toujours avec le seigneur Shakra. Ils veulent usurper sa position de roi. Alors, vous pouviez dire que les Asuras sont justes des brigands des cieux. Nous avons des bandits dans le monde humain et les cieux ont aussi leurs bandits.

Les Asuras se révoltent contre le seigneur Shakra, l'empereur du Jade qui est juste le seigneur du Dieu. Ils gagnent toujours la guerre contre les troupes célestes et les généraux du ciel et ils défaitent souvent l'empereur du Jade. Les guerres se passent même dans les cieux. Vous ne devriez pas penser que c'est tout tranquille là haut. Après avoir été né dans les cieux et utilisant totalement toutes leurs bénédictions, les êtres là-bas doivent encore tomber. Alors ils pourraient devenir des vaches ou des chevaux . . .

Cependant, tournant dans les six chemins est absolument trop dangereux ! Vous ne devriez pas vous traîner pour des récompenses des cieux ou des jouissances du monde humain. Les récompenses des cieux ne sont pas sûres, et même moins que les récompenses du monde humain. Alors n'attendez pas jusqu'à ce que vous tombiez dans les trois mauvaises destinées pour penser de la pratique, parce qu'ensuite vous n'aurez pas de chance. Il est plus facile de pratiquer dans le monde humain pour devenir un Bouddha. Mais, une fois hors du monde humain, ce n'est pas du tout facile.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

NE CRAIGNANT PAS DE PROBLEME

Le Maître saluait son père et sa mère trois fois à chacun, matin et soir - - douze révérences tous les jours. Ensuite il pensa, "le monde est plus grand que seulement mon père et ma mère," et il commença à saluer les cieux, la terre, l'empereur et ses maîtres aussi bien. Il saluait aussi son maître, même s'il ne l'avait pas encore rencontré. Le Maître savait que sans l'aide du bon conseiller savant, il est impossible de pratiquer et il pensait qu'il rencontrerait son maître bientôt. Il prosternait aussi les Bouddhas, les Bodhisattvas et les Arhats et tous les bons gens dans le monde pour leur remercier pour toutes les bonnes actions qu'ils ont faites ; il saluait pour les gens qu'ils avaient aidé.

"Les gens mauvais font pitié", il pensa, et il prosternait pour eux, demandant que leurs offenses Karmiques pourraient être diminuées et qu'ils pourraient apprendre à se repentir et reformer. En faisant ceci, il pensa qu'il fut le pire pêcheur (offenseur). Toute la journée il songea aux nouveaux gens pour saluer et bientôt il saluait 837 fois le matin et 837 fois le soir, qui durait environ trois heures par jour en tout.

Le Maître ne laissait pas les autres le voir saluer. Il se levait à quatre heures le matin, se lavait, allait au dehors, allumait un bâton d'encens et prosternait simplement dans la neige. Le soir, longtemps après que tout le monde fût couché, il allait au dehors et saluait de nouveau. Il pratiquait cette manière pendant plusieurs années jusqu'au plus tard en pratiquant la piété filiale à côté du tombeau de sa mère, il diminuait ses prosternations jusqu'à 9 par jours pour gagner le temps.

La plupart de gens ne comprendraient pas pourquoi il entreprenait une pareille difficile, mais le Maître a fait vœu de s'engager dans la souffrance de tous les êtres et ne craint pas de problème. Il a dit qu'il visiterait les enfers pour sauver tous les êtres vivants. Quand il récitait le Sutra du Bodhisattva de l'entrepôt de la terre, il s'agenouille toute la journée, sans coussins dans la court de brique. Il s'agenouillait et récitait jusqu'à ce que ses genoux s'ouvraient et saignaient et pourtant, il ne lui arrivait jamais d'arrêter de s'agenouiller pour

faire des pansements ses genoux. Ils se guérissaient rapidement.

"Plus vous craignez la souffrance", le Maître a dit, "plus vous aurez de la souffrance. La bonne fortune est comme un compte bancaire ; les bonnes actions accumulées font un entrepôt de bénédiction, mais si vous dépensez simplement vos bénédictions en les jouissant, bientôt vous ne les aurez plus. Subir la souffrance est finir la souffrance, car la souffrance endurée avec courage ne devra jamais être endurée de nouveau. Dans ma vie, j'ai souffert grandement et alors je veux subir plus de souffrance".

C'est un subtile est merveilleux principe. Nous devrions l'étudier en détail.

DEUXIEME PARTIE

LA PREMIERE PRATIQUE.

PRENANT REFUGE AUPRES DU TRIPLE JOYAU.

Le Maître réfléchissait continuellement, "la naissance et la mort est un problème sérieux. La mort vient rapidement et la roue de la renaissance tourne sur une route dangereuse. Ayant perdu un corps humain, il est difficile d'être rené à nouveau comme un être humain".

Lorsqu'il avait douze ans, le Maître a compris ce que peu de gens sont capable de comprendre de la vie entière ou seulement quand ils sont vieux : Le cycle de l'existence, du domicile, de la déchéance et du vide, et l'impermanence du corps et de la chair. Il décida de prendre refuge auprès la Doctrine du Bouddha et ayant obtenu la permission de ses parents, de mettre en place le pèlerinage. Visitant, discutant avec des Maîtres du Dharmas innombrable, il espérait trouver un véritable conseiller bien savant.

Trois ans s'écoulaient et il rencontra le Grand Maître Ch'ang Chih. Dès qu'il le vit, il ressentit une affinité, comme s'ils avaient été ensemble dans les vies antérieures. "L'unique Grand Vertueux". Le Maître demanda, "Je vous prie de m'enseigner comment finir la naissance et mort".

Le Grand Maître Ch'ang Chih répondit, "Travaillez dur, vous devez marcher chaque pas de

la voie d'un d'un pas ferme. Pratiquez avec application, c'est le plus haut véhicule"

Le Maître était rempli de joie à l'enseignement et saluait le Maître Ch'ang Chih comme son Maître. Il prit refuge auprès du Triple Joyau : Le Bouddha, le Dharma et le Sangha. Ensuite il étudiait les principes de la méditation du Dhyana et cherchait à devenir illuminé pour l'esprit de la terre.

Le Grand Maître Ch'ang Chih était un des vertueux inconcevablement grand et l'obtention spirituelle. Bien qu'il n'avait jamais appris à lire ou écrire, ses disciples l'entendaient souvent composer oralement, s'exprimant avec facilité la prose et le poème. Il était capable de faire ainsi, parce que sa nature du soi était ouverte et pure et son esprit était illuminé. Malgré que Maître Ch'ang Chih et le Maître étaient fort éloignés. Mais Maître Ch'ang Chih savait toujours ce que son disciple faisait et le disciple savait la même chose que son Maître.

L'ECOLE

Le Maître entra dans une école privée à quinze ans et était d'abord lent à apprendre. Après avoir saisi les principes dans le grand apprentissage, cependant il dépassait ses camarades de classe et pouvait réciter une œuvre de mémoire après l'avoir lu seulement une fois. Moins que deux ans et demi il maîtrisait entièrement les quatre livres et les cinq classiques et étudiait les travaux sur la médecine, la divination, l'astrologie et extensivement la physiologie. Ce qui le primait le plus cependant étaient les Sutras Bouddhistes.

SOUDAIN ET PROGRESSIF

A seize ans, un ans après qu'il allait à l'école, le Maître faisait conférence sur les Sutras Bouddhistes. En ce temps, il lisait le Sutra de la Tribune Ornée du Dharma du Sixième Patriarche, et plus il le lisait, plus il devenait heureux. Les moines au Temple étaient analphabètes et n'avaient pas de lieu pour aller étudier et alors le Maître, puis un laïc restaient au Temple et les enseignaient le Sutra du Sixième Patriarche, le Sutra Diamant et le Sutra Amitabha.

Dans le Sutra du Sixième Patriarche, nous lisons des disciples du Sixième Patriarche qui disaient, "Nous sommes l'école authentique du Dhyana, l'école du sud de l'illumination soudaine. Notre Maître, le Grand Maître Hui Neng, est l'héritier légitime du Dharma". Dans le Nord, les disciples Shen Hsiu favorisaient son enseignement progressif en disant, "Tout le Dharma du cœur du Cinquième Patriarche le Maître Hung Jen, a été transmis à notre Maître, Shen Hsiu". De cette façon, les deux écoles discutaient de long en large.

Quand le Maître lisait qu'il pensait, "Comment peut-il y avoir soudain et progressif ? Sont-ils deux ? Sont-ils différents ? Et il écrivait un couplet qui dit :

Bien que soudain et progressif se diffèrent,

Une fois achevez, ils sont un : Pourquoi diviser le Nord et le Sud ?

Saint et Ordinaire se diffèrent temporairement, mais leur nature fondamentale est la même, ne discutez pas l'Est et l'Ouest.

"Soudain" veut dire devenant tout à coup un Bouddha et "progressif" signifie le faisant lentement. Une fois qu'on a obtenu la Bouddhité, cependant, il n'y a ni "soudain" ni "progressif". Pourquoi distinguez entre l'école du Nord de Shen Hsiu et l'école du Sud du Sixième Patriarche ?

C'est parce qu'on a pratiqué assidûment et que l'on pratiqué la Doctrine du Bouddha dans le passé qu'on peut devenir soudainement illuminé et récolter le fruit de la Bouddhité. "Saint" fait allusion au Bouddha et "commun" se rapporte aux êtres vivants. Les deux idées semblent différentes, mais la nature fondamentale de tous les êtres vivants est la même. Le Bouddha est un être vivant qui a réalisé la Bouddhité, et les êtres vivants sont des Bouddhas qui n'ont pas encore réalisé la Bouddhité. Le Bouddha Sakyamuni est devenu illuminé sous l'arbre Bodhi et dit, "Etrange ! Etrange ! Etrange ! en effet ; tous les êtres vivants ont la nature du Bouddha. Tous peuvent devenir Bouddhas. C'est simplement à cause de la fausse réflexion et attachement qu'ils ne peuvent pas en faire la preuve".

Alors le Maître a dit, "Ne dites pas que le Bouddha Amitabha est dans la Terre de l'Ouest et que les êtres vivants à l'Est sont simplement des êtres vivants. Ne distinguez pas comme cela. La nature fondamentale et si vous comprenez vraiment la Doctrine du Bouddha, il n'a rien du tout. Si vous discutez et débattiez, vous avez un attachement et avec attachements, vous ne pouvez pas comprendre la Doctrine du Bouddha.

"Et n'essayez pas de promouvoir votre maître en disant des choses comme, "Mon Maître est devenu de la Chine avec le trésor orthodoxe la vraie et propre Doctrine du Bouddha". Dites leur à la place que ce que votre Maître dit est vide et faux. Il n'y a pas de Dharma qui peut être parlé et il n'y a fondamentalement ni vrai ni faux, ni raison ni tort. Ne parlez pas les torts et les raisons des autres. Ne soyez pas comme les disciples du Sixième Patriarche et du Shen Hsiu".

(à suivre)

PARTICIPATION DANS LA PROPAGATION DE L'ENSEIGNEMENT DU BOUDDHA BÉNÉVOLEMENT

Nom et prénom

L'adresse :

Tel :

- Taper les Sutras en français.
- Traduire les Sutras en Anglais en Sutras français.
- Corriger les Sutras en Français.
- Imprimer la revue Bouddhadharma.
- Imprimer les Sutras en français et en vietnamien.

PHÁT TÂM PHỤC VỤ CHO PHẬT PHÁP

Họ và tên :

Địa chỉ :

Điện thoại :

PHÁT TÂM :

- Đánh máy Kinh tiếng Việt.
- Đánh máy Kinh tiếng Pháp.
- Sửa Kinh Văn tiếng Pháp.
- Dịch Kinh từ tiếng Tàu ra tiếng Việt.
- Dịch Kinh từ tiếng Anh ra tiếng Pháp.
- In và ấn loát báo Phật pháp.
- Kỹ thuật về máy vi tính.
- In Kinh tiếng việt và tiếng Pháp.
-

Về Chùa bằng xe hơi

Từ Lille về Paris lấy hướng Paris-Est Bobigny, sortie Bobigny lấy hướng Drancy-Bobigny Edouard Vaillant (đừng vào centre ville), đến Place St Juste lấy hướng Drancy-Bobigny Edouard Vaillant quẹo phải trên đại lộ Ave. Edouard Vaillant, quẹo phải đường rue de Téhéran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Từ Paris sortie Porte de Pantin, lấy Nationale 3, hướng Bobigny, đến rond-point Place St Juste, quẹo phải theo hướng Drancy-Edouard Vaillant trên đại lộ Ave. Edouard Vaillant, quẹo phải đường rue de Téhéran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Từ vùng Marne La Vallée lấy A. 86 hướng Lille-Bobigny, sortie Bobigny, đèn đỏ thứ nhất quẹo phải (đừng vào centre ville), cứ chạy thẳng, ra đại lộ Ave. Edouard Vaillant, quẹo trái đường Téhéran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Về Chùa bằng Métro

Lấy Métro M 5, hướng Pablo Picasso (Bobigny), đến terminus xuống. Lấy xe Bus số 134 hoặc 234 hướng **Bondy** hoặc hướng **Mairie Livry-Gargan**, xuống trạm **Ave. Marcelle**, đi thẳng vài trăm thước, quẹo phải đường rue de Téhéran, ngã tư thứ nhì quẹo phải, và quẹo trái là tới Chùa.

Mỗi câu trong Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm đều có vô lư(r)ng ý nghĩa ; mỗi nghĩa đều có vô lư(r)ng công năng. Nên biết rằng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm là "Linh Văn" (ngôn ngữ" nhiệm màu) trong tr(c)i đất, là Pháp Bảo vô thu(r)ng, là châu báu cứu mạng tất cả chúng sinh, là linh văn trong các linh văn và bí mật trong các sự bí mật. Thần Chú này bao trùm muôn vật, trên thì đến mu(r)c i phương chư Phật; dưới thì đến địa ngục A Tỳ. Tất cả bốn bậc Thánh (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác) và sáu loài phàm phu (Tr(c)i, ngư(c)i, A Tu La, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục), đều tôn kính Thần Chú này. Không có một pháp giới nào vu(r)t ra ngoài phạm vi của Thần Chú này. Tất cả quỷ, Thần, Thiên Long Hộ Pháp, Thanh Văn, Duyên Giác cho đến Phật thừa đều nằm trong Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm. Khi nh"ng tên của các quỷ thần trong Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm đư(r)c đọc lên thì tất cả quyến thuộc của tất cả loài quỷ thần đó đều quy phục, tuân thủ quy cũ, không dám tùy tiện phá phách. Tụng trì Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm mỗi ngày sẽ khiến cho yêu ma quỷ quái không dám xuất hiện hại ngư(c)i mà phải sống đàng hoàng. Đại dụng của Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm là bao quát toàn thể tánh và có thể nói rằng bao quát giáo nghĩa Phật pháp. Nếu hiểu rõ Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm thì sẽ hiểu rõ tinh hoa bí mật của Phật giáo. Mọi sự thâm sâu áo diệu và nh"ng sự không thể nghĩ bàn trong tr(c)i đất, tất cả đều nằm trong Thần Chú này. Nếu hiểu Thần Chú này thì không cần phải học Mật tông, Bạch giáo, Hắc giáo, Hoàng giáo, Hồng giáo. Vì Thần Chú này là pháp tam muội căn bản và bí mật rất ráo nhất. Không ai hiểu rõ và nhận ra pháp bí mật này. Dù có tu học nhưng hầu hết mọi ngư(c)i đều chưa thâm nhập đư(r)c, chỉ biết tụng niệm mà không hiểu ý nghĩa. Thật ra, không cần phải hiểu ý nghĩa của Thần Chú, chỉ biết rằng Thần Chú này là "Linh Văn" không thể nghĩ bàn cũng đủ rồi.

Có khả năng tụng trì Thần Chú này tức là làm l(r)i ích cho tất cả chúng sinh, bằng ngư(r)c lại thì không làm đư(r)c gì cả. Quý vị hãy mau học ghi nhớ, quán sát và hiểu Thần Chú này. Nếu đư(r)c như thế thì hoàn thành trọng trách của ngư(c)i Phật tử. Cách hay nhất của việc tụng trì Thần Chú này là phải vì sự l(r)i lạc chung cho cả toàn thể giới ; hồi hướng công đức cho toàn thể giới. Trong Phật giáo không có gì quan trọng bằng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, vì Thần Chú này là biểu tư(r)ng chân chánh cho chánh pháp. Sự hiện hựu của Thần Chú này là bảo đảm cho sự hiện h"u của chánh pháp. Một khi không còn Thần Chú này thì chánh pháp cũng sẽ biến mất. Nh"ng ai chưa có thể đọc tụng Thần Chú này thì chưa đáng làm ngư(c)i Phật tử. Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm có biệt danh là "Lăng Bán Niên"(trong nửa năm mới học thuộc Thần Chú này), vì dù ngày ngày có tụng niệm nhưng đến nửa năm mới nhớ hết. Nh"ng ngư(c)i trì tụng thuộc lòng Thủ Lăng Nghiêm như chúng ta hiện nay vốn là nh"ng ngư(c)i đã trông căn lành trong vô số kiếp, thuộc nhớ mà mãi mãi không quên, chính là sự biểu hiện của căn lành. Nếu không có căn lành ngay cả tên gọi còn không thể nghe thấy còn nói chi đến việc tụng niệm. Hoặc nếu có nghe qua tên gọi của Thần Chú, nhưng sẽ không thể thu(c)ng trì tụng đư(r)c. Thật vậy nh"ng ai thuộc lòng Thần Chú này là nh"ng ngư(c)i có căn lành sâu xa.

H.T Tuyên Hoá